

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ VLXD HỒNG HÀ

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**CỦA DỰ ÁN NÂNG CÔNG SUẤT KHAI THÁC MỎ ĐẤT
SAN LẤP MŨI ĐÒI, PHƯỜNG KỶ TRINH, THỊ XÃ KỶ ANH,
TỈNH HÀ TĨNH**

Hà Tĩnh, tháng 8 năm 2024

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**CỦA DỰ ÁN NÂNG CÔNG SUẤT KHAI THÁC MỎ ĐẤT
SAN LẬP MŨI ĐÒI, PHƯỜNG KỶ TRINH, THỊ XÃ KỶ ANH,
TỈNH HÀ TĨNH**

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

**CÔNG TY TNHH 1TV KỸ THUẬT
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

GIÁM ĐỐC



Phạm Anh Tuấn

CHỦ DỰ ÁN

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI
DỊCH VỤ VÀ VLXD HỒNG HÀ**

GIÁM ĐỐC



Bùi Đức Hiếu

MỤC LỤC

MỤC LỤC	i
DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT	iii
DANH MỤC CÁC BẢNG.....	iv
DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ	v
Chương I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ	1
1. Tên chủ dự án đầu tư: Công ty TNHH Thương mại dịch vụ và Vật liệu xây dựng Hồng Hà.....	1
2. Tên dự án đầu tư: Nâng công suất khai thác mỏ đất san lấp Mũi Đồi, phường Kỳ Trinh, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.	1
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của dự án đầu tư	4
3.1. Công suất của dự án đầu tư	4
3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư.....	4
3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư.....	9
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư	9
5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư	10
Chương II. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....	12
1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường	12
2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường.....	12
Chương III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ	15
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải.....	15
1.1. Thu gom, thoát nước mưa	15
1.2. Thu gom, thoát nước thải	17
1.3. Xử lý nước thải.....	18
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải.....	19
3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường.....	20
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại.....	22
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.....	23
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường	23
7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác	24
8. Biện pháp bảo vệ môi trường đối với nguồn nước công trình thủy lợi khi có hoạt động xả nước thải vào công trình thủy lợi.....	28

9. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học	29
10. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.....	31
Chương IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....	32
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải	32
1.1. Nguồn phát sinh nước thải.....	32
1.2. Lưu lượng xả nước thải tối đa	32
1.3. Dòng nước thải	32
1.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải ...	32
1.5. Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải.....	34
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải	34
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung	34
Chương V. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN	35
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án	35
2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật	35
2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ.....	35
2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải.....	35
2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ dự án	35
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm.....	35
Chương VI. CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ.....	36
PHỤ LỤC BÁO CÁO	37

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BTNMT:	Bộ Tài nguyên và Môi trường
BVMT:	Bảo vệ môi trường
CTR:	Chất thải rắn
CTNH:	Chất thải nguy hại
CTRSH:	Chất thải rắn sinh hoạt
ĐTM:	Đánh giá tác động môi trường
NXB:	Nhà xuất bản
PCCC:	Phóng cháy chữa cháy
QCVN:	Quy chuẩn Việt Nam
XLNT:	Xử lý nước thải
TCVN:	Tiêu chuẩn Việt Nam
TNMT:	Tài nguyên môi trường
UBND:	Ủy ban nhân dân

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1.1. Tọa độ các điểm góc của dự án.....	1
Bảng 1.2. Các thông số của hệ thống khai thác.....	7
Bảng 1.3. Lịch kế hoạch khai thác mỏ	8
Bảng 1.4. Tổng hợp nhu cầu nguyên, nhiên vật liệu	9
Bảng 1.5. Danh mục máy móc, thiết bị phục vụ khai thác.....	10
Bảng 3.1. Lượng chất thải nguy hại trong giai đoạn vận hành	22
Bảng 3.2. Kế hoạch thực hiện công tác cải tạo, phục hồi môi trường	29

DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ

Hình 1.1. Sơ đồ vị trí Dự án	2
Hình 1.2. Sơ đồ công nghệ khai thác.....	9
Hình 1.3. Hiện trạng khai trường khai thác khoáng sản.....	11
Hình 3.1. Sơ đồ quy trình thu gom, xử lý nước mưa chảy tràn.....	15
Hình 3.2. Hồ lắng nước mưa tại khu vực Dự án	16
Hình 3.3. Sơ đồ quy trình thu gom nước thải sinh hoạt	17
Hình 3.4. Sơ đồ quy trình thu gom nước xịt rửa bánh xe, phương tiện	17
Hình 3.5. Minh họa bể tự hoại.....	18
Hình 3.6. Xe tưới nước tại khu vực Dự án	20
Hình 3.7. Thùng đựng chất thải rắn sinh hoạt tại khu vực Dự án	21
Hình 3.8. Bãi chứa đất phủ tại khu vực Dự án	22
Hình 3.9. Kho lưu giữ chất thải nguy hại	23

Chương I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Tên chủ dự án đầu tư: Công ty TNHH Thương mại dịch vụ và Vật liệu xây dựng Hồng Hà.

- Địa chỉ văn phòng: Tổ dân phố Đông Trinh, phường Kỳ Trinh, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

- Người đại diện theo pháp luật của chủ dự án đầu tư: Ông Bùi Đức Hiếu, chức vụ: Giám đốc.

- Điện thoại: 0942.368.969.

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 3001680762, đăng ký lần đầu ngày 30/5/2013, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 23/7/2024 của chủ dự án đầu tư.

2. Tên dự án đầu tư: Nâng công suất khai thác mỏ đất san lấp Mũi Đồi, phường Kỳ Trinh, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

- Địa điểm thực hiện dự án đầu tư: Khu vực mũi Đồi, phường Kỳ Trinh, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh với diện tích 11,3 ha được giới hạn bởi các điểm góc có tọa độ:

Bảng 1.1. Tọa độ các điểm góc của dự án

Điểm góc	Hệ tọa độ VN 2000, KTT 105 ⁰ 30', múi chiếu 3 ⁰	
	X (m)	Y (m)
1	1993595	589065
A	1993599	589139
B	1993556	589264
C	1993415	589322
F	1993098	589269
7	1993078	589134
8	1993181	589041

Vị trí địa lý của khu mỏ:

+ Phía Bắc: giáp đường vào mỏ.

+ Phía Nam: giáp rừng sản xuất.

+ Phía Đông: giáp hành lang đường điện 500kV Vũng Áng - Quảng Trạch.

+ Phía Tây giáp: rừng sản xuất.



Hình 1.1. Sơ đồ vị trí Dự án

- Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng, cấp các loại giấy phép có liên quan đến môi trường của dự án đầu tư:

+ *Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép liên quan đến hoạt động khai thác khoáng sản:*

++ Quyết định số 4560/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc đóng cửa một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản mỏ đất san lấp Mũi Đồi, phường Kỳ Trinh, thị xã Kỳ Anh.

++ Quyết định số 3157/QĐ-UBND ngày 15/9/2021 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc phê duyệt trữ lượng mỏ đất san lấp tại khu vực mũi Đồi, phường Kỳ Trinh, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

++ Giấy phép khai thác khoáng sản số 729/GP-UBND ngày 06/4/2022 của UBND tỉnh Hà Tĩnh cấp phép Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Vật liệu xây dựng Hồng Hà.

++ Quyết định số 2561/QĐ-UBND ngày 05/10/2023 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc phê duyệt và công nhận trữ lượng khoáng sản đất san lấp (bổ sung) trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản mỏ đất san lấp Mũi Đồi, phường Kỳ Trinh, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh”.

++ Văn bản số 137/ThTr.PT ngày 04/12/2023 của Công ty TNHH Phú Thương về việc báo cáo kết quả thăm tra thiết kế bản vẽ thi công của báo cáo kinh tế kỹ thuật bổ sung dự án Khai thác mỏ đất san lấp Mũi Đồi, phường Kỳ Trinh, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

++ Quyết định số 1705/QĐ-UBND ngày 11/7/2024 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản.

+ *Các thủ tục đất đai đã thực hiện*

++ Quyết định số 1484/QĐ-UBND ngày 21/7/2022 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc thu hồi đất và cho thuê đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản.

++ Hợp đồng thuê đất số 33/2022/HĐTĐ ngày 24/8/2022 giữa Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Tĩnh và Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Vật liệu xây dựng Hồng Hà.

+ *Các thủ tục hồ sơ môi trường đã thực hiện*

++ Quyết định số 3155/QĐ-UBND ngày 23/9/2019 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Đầu tư nâng công suất khai thác mỏ đất san lấp tại khu vực Mũi Đồi, phường Kỳ Trinh, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh”.

++ Quyết định số 547/QĐ-UBND ngày 08/3/2022 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Đầu tư khai thác mỏ đất san lấp Mũi Đồi, phường Kỳ Trinh, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

++ Quyết định số 1312/QĐ-UBND ngày 27/5/2024 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nâng công suất khai thác mỏ đất san lấp Mũi Đồi, phường Kỳ Trinh, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh”.

- Quy mô của dự án đầu tư (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Dự án nhóm C (tổng mức đầu tư của dự án là 9.845.955.000).

- Loại hình sản xuất, kinh doanh dịch vụ: Khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của dự án đầu tư

3.1. Công suất của dự án đầu tư

Công suất khai thác: 1.000.000 m³ đất nguyên khai/năm (tương đương 805.153 m³ đất nguyên khối/năm).

3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư

a. Hệ thống khai thác

Hệ thống khai thác lớp bằng vận tải trực tiếp bằng ô tô để khai thác, các vị trí khó khai thác áp dụng hệ thống khai thác lớp xiên. Sau khi làm đường để đưa máy xúc và ô tô lên đến tận đỉnh núi, tiến hành khai thác theo từng lớp từ trên xuống dưới theo hình thức cuốn chiếu với chiều cao tầng khai thác $h = 5$ m, chiều cao tầng kết thúc $H = 5$ m. Đất được máy xúc làm tơi, xúc lên ô tô chở trực tiếp đến nơi tiêu thụ. Tùy theo địa hình và chiều dày của lớp thân khoáng của từng khu vực mỏ mà bố trí tầng khai thác và kết thúc cho phù hợp.

*** Chiều cao tầng khai thác (chiều dày lớp khấu)**

Chiều cao tầng là yếu tố quan trọng của hệ thống khai thác. Nó vừa ảnh hưởng đến năng suất thiết bị, an toàn lao động và các yếu tố khác.

Đối với một mỏ đất chiều cao tầng khai thác được lựa chọn trên cơ sở 2 yếu tố chính:

- Yếu tố thứ nhất: Chiều cao xúc và chiều sâu xúc của máy xúc.

Đối với đất không nổ mìn: $H \leq H_{\max}$; hoặc $H \leq H_{\text{đmax}}$

Trong đó:

H: Chiều cao tầng khai thác;

H_{\max} : Chiều cao xúc lớn nhất 8,6m;

$H_{\text{đmax}}$: Chiều sâu xúc lớn nhất 6,2m;

- Yếu tố thứ 2: Tính chất ổn định của đất đá trong mỏ và chiều dày của lớp đất sẽ khai thác.

Căn cứ vào tính chất cơ lý của đất trong mỏ thì độ cứng $f = 4 \div 5$ m, nên chọn $H \leq 7$ m.

Từ 2 yếu tố trên chiều cao tầng khai thác được chọn là: $h = 5 - 7$ m.

*** Chiều cao tầng kết thúc**

Để tiện lợi trong khâu vận tải và xúc bốc thì chiều cao tầng kết thúc được chọn là: $H_{\text{kt}} = 5 - 7$ m (đối với tầng trên cùng có đất phủ để 5m).

*** Góc nghiêng sườn tầng**

Góc nghiêng sườn tầng kết thúc được chọn phù hợp với tính chất cơ lý của đất đá của mỏ, đồng thời phù hợp với TCVN 5178:2004 Quy phạm an toàn trong khai thác mỏ lộ thiên. Góc nghiêng sườn tầng được tính theo công thức:

$$\operatorname{tg}\alpha = \frac{\operatorname{tg}\varphi}{k} + \frac{\lambda.C}{\gamma.h}$$

Trong đó:

α : Góc nghiêng sườn tầng (độ);

φ : Góc ma sát trong của đất, đá (độ), lấy bằng giá trị trung bình = $17^{\circ}50'$;

K: hệ số an toàn lấy = 1,0; C: lực dính kết của đất đá ($\text{tấn}/\text{m}^2$) lấy giá trị lực dính kết nhỏ nhất để có kết quả tính toán an toàn nhất, theo kết quả thí nghiệm bằng $0,237 \text{ kG}/\text{cm}^2$ tương đương $23,7 \text{ T}/\text{m}^2$,

H: chiều cao tầng, lấy $H = 5,0\text{m}$;

γ : thể trọng tự nhiên (khối lượng thể tích) trung bình của đất $\gamma = 1,97 \text{ T}/\text{m}^3$; λ : hệ số mềm yếu của đất $\lambda = 0,9$.

Thay các thông số vào công thức trên ta xác định được: $\alpha \leq 68^{\circ}20'$.

Tuy nhiên với khai thác đất thì để đảm bảo an toàn trong khai thác, góc nghiêng sườn tầng được lựa chọn: $\alpha = 55^{\circ}$.

*** Chiều rộng dải khẩu**

Chiều rộng dải khẩu phụ thuộc vào 2 yếu tố chính:

Chiều rộng dải khẩu phải đủ lớn để máy xúc và ô tô quay đầu nhận tải cộng thêm đai bảo vệ chống trượt lở và không vượt quá: $A \leq 0,8 \times (R_x + R_d)/2$. Bởi vì khi A vượt qua giá trị này thì năng suất của máy xúc giảm vì phải di chuyển máy xúc nhiều lần. Theo điều kiện này áp dụng phương pháp nạp xe theo sơ đồ quay vòng nên chiều rộng quay xe bằng nửa bán kính vòng tối thiểu của xe.

Với xe $15 \div 20$ tấn $R_{\min} = 14,0\text{m}$ thì $A = R + C = 14,0 + 2,0 = 16 \text{ m}$.

Chiều rộng dải khẩu phụ thuộc vào chiều dày của lớp đất.

Từ 2 yếu tố trên xác định chiều rộng dải khẩu: $A = 16,0\text{m}$.

*** Chiều rộng đai bảo vệ**

Chiều rộng đai bảo vệ được xác định trên cơ sở chiều cao tầng kết thúc và tính chất cơ lý của đất đá mỏ.

Chiều rộng đai bảo vệ được xác định: $\frac{H_{kt}}{3} \leq B_{bv}$

(Trong đó: $H_{kt} = 10\text{m}$ là chiều cao tầng kết thúc khai thác lớn nhất).

Do mỏ có độ chênh cao nhỏ nên để đảm bảo an toàn cho bờ mỏ lấy $B_{bv} = 3,0 \text{ m}$.

*** Chiều rộng đai an toàn**

Tùy thuộc vào chiều cao tầng kết thúc, tính chất cơ lý đất vùng mỏ, bờ rộng đai an toàn đảm bảo khi: $C \geq 0,2 \times H_{\max}$.

Vậy $C \geq 0,2 \times 6 = 1,2\text{m}$.

Căn cứ vào tính chất cơ lý của đất đá mỏ chọn: $C = 2,0\text{m}$.

*** Chiều rộng mặt tầng công tác tối thiểu, B_{min} , m**

+) Lớp xiên:

Chiều rộng mặt tầng công tác được xác định bởi công thức:

$$B_{ctmin} = A + C, m$$

Trong đó:

A: Chiều rộng dài khâu 16,0m.

C: Chiều rộng đai an toàn 2,0 m.

Thay số vào được $B_{ctmin} = 18,0 m$.

+) Lớp bằng:

Chiều rộng mặt tầng công tác tối thiểu phải đảm bảo cho các thiết bị xúc bốc, vận tải hoạt động an toàn và có năng suất cao. Thiết bị khai thác trên mặt tầng của mỏ khi khai thác lớp bằng là: máy xúc thủy lực gầu ngược, máy gạt, ô tô vận chuyển đất san lấp và đất làm gạch...

Chiều rộng mặt tầng công tác tối thiểu được tính theo công thức sau:

$$B_{min} = A + C_m + T + C_t, m;$$

Trong đó:

A : chiều rộng dài khâu, $A = 16m$.

C_m : Khoảng cách an toàn tính từ đường vận tải đến lạng trụ sụt lở. Lấy $C_m = 2,0m$.

C_t : khoảng cách an toàn tính từ mép đường đến chân tầng. Lấy $C_t = 1,0m$.

T : Chiều rộng vệt xe chạy trên tầng. $T = 2b_1 + m_0, m$.

Trong đó:

b_1 : chiều rộng của xe, lấy $b_1 = 3,0m$

m_0 : khoảng cách an toàn giữa 2 luồng xe, $m_0 = 0m$.

Thay các giá trị trên vào công thức, tính được $T = 6,0m$.

Thay các giá trị A, C_m , C_t , T vào công thức, ta có: $B_{min} = 25,0m$.

Vậy: Để đảm bảo cho xe, máy hoạt động an toàn chọn chiều rộng mặt tầng công tác tối thiểu là: $B_{ctmin} = 25,0m$.

*** Chiều dài tuyến công tác, L_{ct} , m**

Chiều dài tuyến công tác thường được xác định bằng chiều dài đường phương của khai trường, nhưng cũng có thể nhỏ hơn hoặc đôi khi lớn hơn tùy thuộc phương thức phát triển của công trình mỏ.

Với một mỏ khai thác đất san lấp không phải nổ mìn, tuyến công tác không khống chế chiều rộng, chiều dài (trong biên giới mỏ), được phát triển hết vùng có độ cao lớn hơn mặt tầng đang khai thác. Vì vậy chiều dài tuyến công tác được xác định: $L_{ct} = 200 \div 300 m$.

*** Góc nghiêng bờ kết thúc (bờ dừng) α_{kt}**

Do đặc thù của mỏ đất san lấp mũi Đồi, phường Kỳ Trinh chỉ khai thác 1 lớp đất trên bề mặt địa hình (dạng khai thác bóc), đến $\cos d+30m$. Tuy nhiên, do chiều dày lớp đất san lấp lớn nhất là 40m nên tầng kết thúc trên cùng sẽ được chia thành 2 khu vực: Khu vực xung quanh bờ moong được hình khi khai thác xong và để lại các tầng và đai bảo vệ xung quanh mỏ; khu vực giữa mỏ thì tầng kết thúc được hình thành song song với địa hình ban đầu của mỏ (bằng với góc dốc tự nhiên của lớp đá gốc bên dưới). Vì vậy góc dốc bờ kết thúc được chia thành 2 phần như sau:

- Phần xung quanh bờ mỏ: Để đảm bảo ổn định cho bờ moong khi kết thúc khai thác, góc nghiêng bờ kết thúc (bờ dừng) của mỏ được xác định theo công thức sau:

$$\operatorname{tg} \alpha_{kt} = \frac{\operatorname{tg} \varphi}{K} + \frac{\lambda \cdot C}{n \cdot \gamma \cdot H}$$

Trong đó:

- C: Lực dính kết của đất (nhỏ nhất) 25,6 T/m².
- φ : Góc ma sát trong ($\varphi = 17^{\circ}50'$).
- γ : Thể trọng tự nhiên trung bình của đất bằng 1,79 T/m³.
- h: Chiều cao tầng khai thác (trung bình 7,0m).
- k: Hệ số an toàn, lấy bằng 1,2.
- λ : Hệ số mềm yếu của đất 0,5.
- n: số tầng khai thác (n = 4).

Thay số: $\operatorname{tg} \alpha_{kt} = 0,96$

$\Rightarrow \alpha_{kt} = 50^{\circ}42'$. Lấy $\alpha_{kt} = 50^{\circ}$;

- Phần giữa mỏ: Góc nghiêng bờ kết thúc (bờ dừng) của mỏ được xác định bằng với góc dốc tự nhiên của lớp đá gốc bên dưới.

Chọn $\alpha_{kt} = 21 \div 28^{\circ}$.

*** Góc nghiêng bờ công tác, φ**

Với Hệ thống khai thác lớp bằng, vận tải trực tiếp: $\varphi = 0^{\circ}$.

Với hệ thống khai thác lớp xiên, góc nghiêng bờ công tác $\varphi = 60^{\circ}$.

*** Góc nghiêng mặt tầng khai thác**

Trong quá trình khai thác thường có nước trong mỏ chảy ra và nước sau các trận mưa. Vì vậy cần tạo mặt tầng khai thác hơi dốc ra ngoài để đảm bảo nước thoát hết và không ảnh hưởng đến quá trình tác nghiệp. Chọn góc nghiêng mặt tầng khai thác là: $\varphi_{kt} = 1 - 2\%$.

Bảng 1.2. Các thông số của hệ thống khai thác

TT	Thông số	Ký hiệu	Đơn vị	Giá trị
1	Chiều cao tầng khai thác	h	m	5 - 7
2	Chiều cao tầng kết thúc	H _{kt}	m	5 - 7

TT	Thông số	Ký hiệu	Đơn vị	Giá trị
3	Chiều rộng đai bảo vệ	B_{bv}	m	3,0
4	Chiều rộng dải khẩu	A	m	16,0
5	Chiều rộng mặt tầng công tác tối thiểu			
	Lớp xiên	B_{ct}	m	18
	Lớp bằng	B_{ctmin}	m	25
6	Góc nghiêng sườn tầng	α	độ	55
7	Góc nghiêng bờ công tác			
	Lớp xiên	φ	độ	60
	Lớp bằng	φ	độ	0
8	Góc nghiêng mặt tầng khai thác	φ_{kt}	%	1 ÷ 2
9	Góc dốc bờ dừng	α_{kt}	độ	
	Phần xung quanh bờ mở			50
	Phần giữa mỏ			21 ÷ 28 ⁰
10	Chiều rộng đai an toàn tầng kết thúc	C	m	2,0
11	Chiều dài tuyến công tác	L_{ct}	m	200 ÷ 300

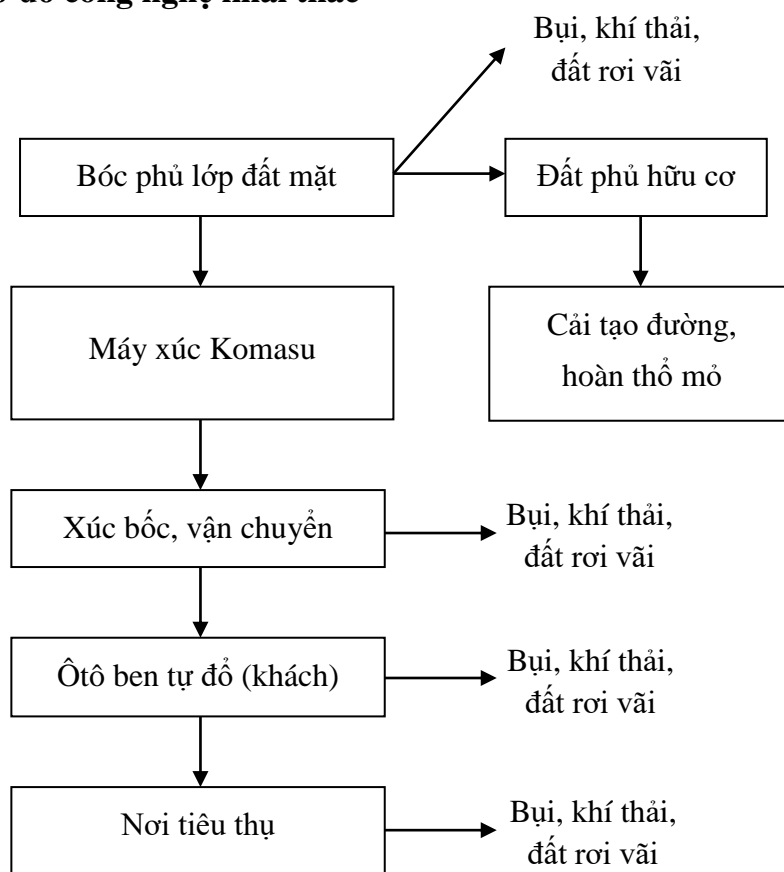
b. Phương án khai thác

Trên cơ sở chế độ công tác hợp lý, phương án khai thác mỏ như sau: tiến hành khai thác theo từng lớp từ trên xuống dưới theo hình thức cuốn chiếu với chiều cao tầng khai thác $h = 5 - 7$ m, chiều cao tầng kết thúc là $H = 5 - 7$ m (đối với tầng trên cùng có đất phủ để 5m). Đất được máy xúc trực tiếp lên ô tô (của khách hàng) chở trực tiếp đến nơi tiêu thụ. Tùy theo địa hình và chiều dày của lớp thân khoáng của từng khu vực mỏ mà bố trí tầng khai thác và kết thúc cho phù hợp.

Bảng 1.3. Lịch kế hoạch khai thác mỏ

Năm KT	Khối lượng khai thác, m ³ /năm		
	Tầng khai thác, m	CS Nguyên khai	CS Nguyên khối
Năm thứ 1	+118 ÷ +65	917.696	738.886
Năm thứ 2	+65 ÷ +50	1.000.000	805.153
Năm thứ 3	+50 ÷ +30	1.000.000	805.153
Tổng		2.917.696	2.349.192

c. Sơ đồ công nghệ khai thác



Hình 1.2. Sơ đồ công nghệ khai thác

3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư

Sản phẩm của Dự án là: 1.000.000 m³ đất nguyên khai/năm (tương đương 805.153 m³ đất nguyên khối/năm).

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư

a. Nguyên, nhiên, vật liệu, hóa chất sử dụng

- Nhu cầu sử dụng nguyên, nhiên liệu.

Bảng 1.4. Tổng hợp nhu cầu nguyên, nhiên vật liệu

TT	Thiết bị	Số lượng (máy)	Định mức (lít/ca) (*)	Số ca/năm	Nhu cầu (lít/năm)
1	Máy xúc Komasu PC 400	05	83	240	99.600
2	Máy gạt Komatsu - D31PX (hoặc D85)	01	38	240	9.120
3	Ô tô tưới nước 5,0 m ³	01	23	240	5.520
Tổng cộng					114.240

Ghi chú: (*): Theo định mức quy định tại Thông tư số 11/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn phương pháp xác định giá ca máy và thiết bị thi công công trình quy định mức tiêu hao nhiên liệu.

- Nhu cầu hóa chất sử dụng xử lý nước thải: Lượng Chlorine yêu cầu đối với 1,0 m³ nước thải là 0,005 kg/m³. Tổng lượng nước thải cần xử lý trong 01 ngày khoảng 753 m³, vậy lượng Chlorine cần trong 01 ngày là 0,005 * 753 = 3,765 kg/ngày = 903,6 kg/năm.

b. Danh mục máy móc, thiết bị chính phục vụ khai thác

Bảng 1.5. Danh mục máy móc, thiết bị phục vụ khai thác

STT	Tên thiết bị	Số lượng
1	Máy xúc Komatsu PC 400	05
2	Máy gạt Komatsu - D 31 PX (hoặc D85)	1
3	Ô tô tưới nước 5,0m ³	1

c. Nguồn cung cấp điện, nước

*** Nguồn cung cấp điện**

Mỏ đất san lấp khu vực Mũi Đồi, phường Kỳ Trinh chủ yếu là khai thác đất đưa đi nơi khác tiêu thụ, không thực hiện công tác chế biến sâu; phần lớn các thiết bị trên mỏ là sử dụng động cơ Diesel nên không sử dụng các thiết bị tiêu thụ điện có công suất lớn.

Điện trên mỏ chủ yếu là điện chiếu sáng phục vụ cho bảo vệ trực tại mỏ. Nguồn điện này được lấy từ nguồn điện của Điện lực Kỳ Anh. Hiện nay đã có hệ thống tuyến đường điện vào đến khu vực mỏ.

*** Nguồn cung cấp nước**

- Nước sinh hoạt: sử dụng nguồn nước đóng bình để phục vụ cho công nhân.
- Mỏ không có hoạt động chế biến và kho bãi khác nên không yêu cầu cung cấp nước sản xuất.
- Nguồn nước phục vụ cho công tác tưới đường đập bụi hàng ngày sẽ được Chủ dự án lấy ngay tại hố lắng của Dự án để tái sử dụng và lấy tại khe Đá Mài phía Đông Nam khu mỏ (sau khi được cấp phép theo quy định).

5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư

a. Hiện trạng quản lý, sử dụng đất

Khu đất thực hiện dự án đã được Chủ dự án thuê đất tại Hợp đồng thuê đất số 33/2022/HĐTD ngày 24/8/2022 giữa Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Tĩnh và Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Vật liệu xây dựng Hồng Hà với diện tích đất thuê là 113.004 m².

+ Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo Mảnh trích đo địa chính số 01-2022, hệ tọa độ VN2000, khu vực Mũi Đồi, tờ số 2 10-998584+(998590+992584) do Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Tĩnh duyệt ngày 26/5/2022.

+ Thời hạn thuê đất: kể từ ngày 21/7/2022 đến ngày 06/4/2029.

b. Hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản

Trong diện tích mỏ tồn tại nhiều moong khai thác với các vách cao phổ biến từ 10 - 20m, cá biệt ở phía bắc có moong vách cao 40m, cosd khai thác thấp nhất ở khu vực này là +30m. Tại các moong khai thác lộ đá phiến sét bị phong hóa hoàn toàn đến bán phong hóa đủ chất lượng để làm vật liệu san lấp. Phần trung tâm mỏ được khai thác đến cosd +50m đến +60m. Chỉ còn khoảnh phần diện tích phía Tây có địa hình vẫn còn nguyên dạng, chưa khai thác với diện tích khoảng 3,72 ha.



Hình 1.3. Hiện trạng khai trường khai thác khoáng sản

c. Quy mô, công suất, tiến độ thực hiện Dự án

- Trữ lượng đất san lấp cấp 121 và cấp 122 đưa vào khai thác mỏ là 2.349.192 m³ đất nguyên khối (tương đương 2.917.696 m³ đất nguyên khai).
- Độ sâu khai thác thấp nhất: đến cosd +30,0m.
- Tuổi thọ Dự án: 03 năm (không bao gồm thời gian cải tạo, phục hồi môi trường).

Chương II. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

- Sự phù hợp của Dự án đầu tư với Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia: Dự án phù hợp với Quy hoạch bảo vệ môi trường Quốc gia đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 611/QĐ-TTg ngày 08/7/2024. Dự án không nằm trong khu vực định hướng phân vùng bảo vệ môi trường nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải, không nằm trong khu vực định hướng bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học và các định hướng trong Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia.

- Sự phù hợp của Dự án đầu tư với Quy hoạch tỉnh: Dự án phù hợp với Quy hoạch tỉnh Hà Tĩnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1363/QĐ-TTg ngày 08/11/2022.

+ Phương hướng phát triển các ngành quan trọng của tỉnh: Phát triển ngành công nghiệp theo chiều sâu, tạo bước đột phá trong nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh của sản phẩm, gắn với mục tiêu đảm bảo các điều kiện về tăng trưởng xanh và phát triển bền vững. Tập trung phát triển các sản phẩm có tiềm năng lợi thế như vật liệu xây dựng chất lượng cao.

+ Giải pháp về bảo vệ môi trường: Khai thác hợp lý và sử dụng tiết kiệm, bền vững tài nguyên khoáng sản, chống thoái hoá đất, sử dụng hiệu quả và bền vững tài nguyên đất, bảo vệ diện tích rừng.

2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường

Hiện nay Chủ dự án đã bố trí 04 hố lắng có tổng thể tích 1.200m³ (kích thước mỗi hố như sau: 10m x 10m x 3m). 04 hố lắng được bố trí lần lượt tại mốc số 1, cạnh A-B, gần mốc C và gần mốc F, sau hố lắng có bố trí mương thoát với tổng chiều dài là 1.037m, sâu 1,0m để dẫn nước ra nguồn tiếp nhận.

Nước mưa chảy tràn qua khu vực mở, sau khi qua hố lắng số 01, 03, 04 (nước mưa từ hố lắng số 02 sẽ qua hệ thống mương chảy về hố lắng số 01) xử lý lắng lọc, khử trùng đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột A) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp rồi chảy ra nguồn tiếp nhận là Khe Đá Mài.

*** Tải lượng ô nhiễm tối đa nguồn nước có thể tiếp nhận:**

Nguồn tiếp nhận nước thải của Dự án là Khe Đá Mài thuộc phường Kỳ Trinh, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

Do nguồn nước đang đánh giá được sử dụng cho mục đích thoát nước và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp hơn nên giá trị giới hạn các chất ô nhiễm trong nguồn nước được xác định theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt - QCVN 08-MT:2023 (Mức B). Phương pháp đánh giá được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư 76/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước sông hồ.

Áp dụng công thức: $L_{td} = Q_s \times C_{qc} \times 86,4$

Trong đó:

+ L_{td} (kg/ngày): là tải lượng ô nhiễm tối đa mà nguồn nước có thể tiếp nhận đối với chất ô nhiễm.

+ Q_s (m³/s): lưu lượng dòng chảy của khe Đá Mài, ước tính 0,2m³/s.

+ C_{qc} (mg/l): là giá trị giới hạn nồng độ chất ô nhiễm đang xem xét được quy định tại QCVN 08-MT:2023.

+ 86,4 là hệ số chuyển đổi đơn vị thứ nguyên từ (m³/s)*(mg/l) sang (kg/ngày).

Bảng 2.1. Tải lượng ô nhiễm tối đa nguồn nước tại mương thoát nước phía Đông Nam nhà máy có thể tiếp nhận

Thông số	COD	BOD ₅	TSS	DO	Amoni
Q_s	0,2	0,2	0,2	0,2	0,2
C_{qc}	15	6	100	5	0,3
L_{td}	259,2	103,68	1.728	86,4	5,18

** Tải lượng ô nhiễm sẵn có trong nguồn nước tiếp nhận:*

Tải lượng ô nhiễm có sẵn trong nguồn nước tiếp nhận đối với một chất ô nhiễm được tính toán theo công thức sau:

$$L_{mn} = Q_s * C_{mn} * 86,4$$

Trong đó:

+ L_{mn} (kg/ngày): tải lượng ô nhiễm sẵn có trong nguồn nước tiếp nhận.

+ Q_s (m³/s): lưu lượng dòng chảy của khe Đá Mài, ước tính 0,2m³/s (dựa theo dữ liệu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án).

+ C_{mn} (mg/l): kết quả phân tích thông số chất lượng nước mặt (kết quả lấy theo Báo cáo ĐTM của dự án đã được UBND tỉnh Hà Tĩnh phê duyệt tại Quyết định số 1312/QĐ-UBND ngày 27/5/2024).

Bảng 2.2. Tải lượng ô nhiễm sẵn có trong nguồn nước tiếp nhận

Thông số	COD	BOD ₅	TSS	DO	Amoni
Q_s	0,2	0,2	0,2	0,2	0,2
C_{mn}	12,5	5,3	16,5	4,54	0,01
L_{mn}	216	91,58	285,12	78,45	0,17

=> Từ đó đánh giá khả năng tiếp nhận tải lượng ô nhiễm của nguồn nước như sau:

Áp dụng công thức:

$$L_{tn} = (L_{td} - L_{mn}) \times F_s$$

Trong đó:

+ L_{tn} : khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải đối với từng thông số ô nhiễm, đơn vị tính là kg/ngày.

- + L_{td} : tải lượng tối đa của thông số chất lượng nước mặt.
- + L_{nn} : tải lượng của thông số chất lượng nước hiện có trong nguồn nước của đoạn sông.
- + F_s : hệ số an toàn, được xem xét, lựa chọn trong khoảng từ 0,3 đến 0,7 (lấy $F_s = 0,5$).

Bảng 2.3. Khả năng tiếp nhận nước thải của khe Đá Mài tại khu vực nhận thải

Thông số	COD	BOD ₅	TSS	DO	Amoni
L_{td}	259,20	103,68	1.728	86,4	5,18
L_{nn}	216	91,58	285,12	78,45	0,17
L_{tn}	21,6	6,05	721,44	3,97	2,50

Kết luận:

Qua kết quả tính toán ở bảng 2.3 ta thấy giá trị L_{tn} của các thông số ô nhiễm đều dương, như vậy Dự án có thể xả nước vào nguồn tiếp nhận khe Đá Mài mà không làm ảnh hưởng đến chất lượng môi trường nếu xử lý nước thải hiệu quả, đảm bảo chất lượng đầu ra đạt quy chuẩn.

Chương III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

1.1. Thu gom, thoát nước mưa

- Chủ dự án đã bố trí 04 hố lắng có tổng thể tích 1.200 m³ (kích thước mỗi hố như sau: 10 m x 10 m x 3 m). 04 hố lắng được bố trí lần lượt tại mốc số 1, cạnh A-B, gần mốc C và gần mốc F, sau các hố lắng có bố trí mương thoát với tổng chiều dài là 1.037 m, sâu 1,0 m để dẫn nước ra nguồn tiếp nhận là khe Đá Mài phía Đông Nam khu mỏ, sau đó chảy về sông Quyền cách vị trí tiếp nhận tại khe Đá Mài khoảng 4,2 km về phía Bắc. Cụ thể phạm vi thu gom và xử lý nước mưa chảy tràn của các hố lắng:

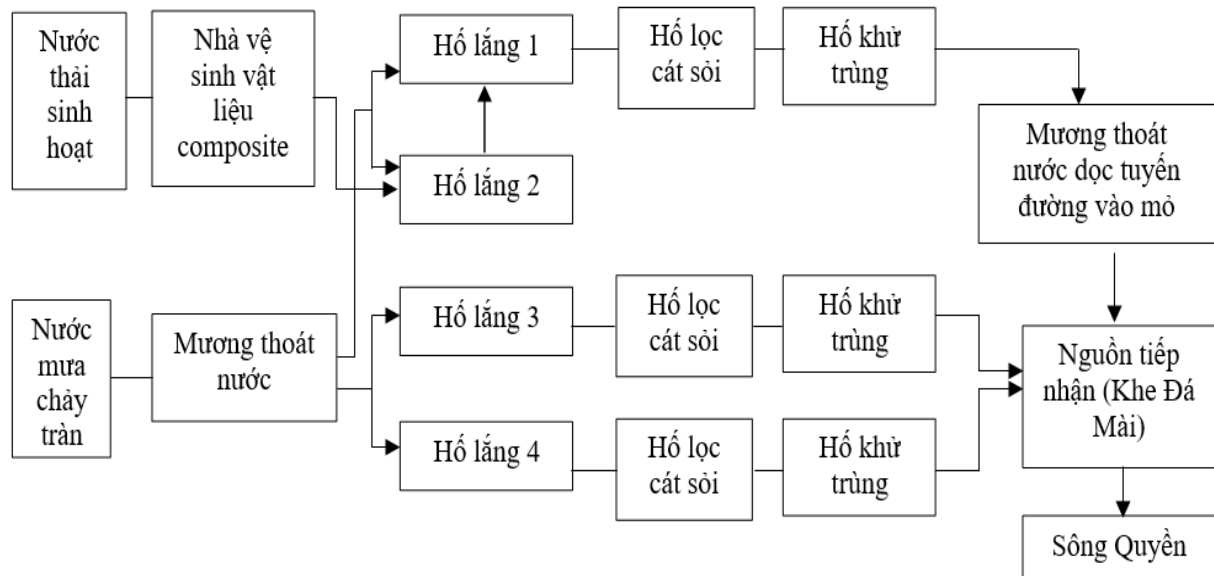
+ Hố lắng số 1: thu gom nước mưa chảy tràn ở dọc phía Tây và Tây Bắc của mỏ, nước sau khi được xử lý sẽ chảy vào mương thu gom và thoát nước của mỏ sau đó chảy ra mương nước dọc tuyến đường vận chuyển từ mỏ ra QL1A.

+ Hố lắng số 2: thu gom nước mưa chảy tràn ở phía Bắc (dọc cạnh A-B) của mỏ, nước sau khi xử lý sẽ chảy về hố lắng số 1 và thoát theo hướng mương thu gom và thoát nước của mỏ sau đó chảy ra mương nước dọc tuyến đường vận chuyển từ mỏ ra Quốc lộ 1A.

+ Hố lắng số 3: thu gom nước mưa chảy tràn phía Đông (dọc cạnh B-C) khu mỏ sau đó chảy ra khe Đá Mài.

+ Hố lắng số 4: thu gom nước mưa chảy tràn phía Nam (dọc cạnh 8-7) và Đông Nam (dọc cạnh 7-F) của mỏ, sau đó chảy ra khe Đá Mài.

Nước mưa chảy tràn qua khu vực mỏ, sau khi qua hố lắng số 01, 03, 04 (nước mưa từ hố lắng số 02 sẽ qua hệ thống mương chảy về hố lắng số 01) xử lý lắng lọc, khử trùng đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột A) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, hệ số $K_q = 0,9$, $K_f = 1,0$ rồi chảy ra nguồn tiếp nhận là Khe Đá Mài với các vị trí xả thải riêng biệt, theo sơ đồ quy trình như sau:



Hình 3.1. Sơ đồ quy trình thu gom, xử lý nước mưa chảy tràn



Hình 3.2. Hồ lắng nước mưa tại khu vực Dự án

*** Các biện pháp thu gom, thoát nước mưa khác**

**** Biện pháp giảm thiểu, đảm bảo không ảnh hưởng đến chất lượng nguồn tiếp nhận nước thải và khu vực xung quanh dự án:**

- Thực hiện khai thác theo hệ thống khai thác và trình tự khai thác đã được thiết kế và phê duyệt. Thực hiện khai thác đến đâu thì khai thác hết theo thiết kế đến đó, giảm thiểu bốc xúc, cày xới khai trường trên diện tích lớn.

- Thực hiện thu gom đất rơi vãi cùng với hoạt động khai thác, thực hiện thu gom đất tập kết trong khu vực khai thác vào mùa mưa.

- Thực hiện nghiêm việc thu gom và lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt. Tuyệt đối không để chất thải rắn, chất thải nguy hại rơi vãi hoặc lưu giữ chất thải trên khai trường.

- Chủ dự án tổ chức thu dọn sạch sẽ các loại đất, đá,... trên công trường trước mỗi thời điểm trời có mưa nhằm tránh tình trạng các chất bẩn này cuốn theo nước mưa chảy tràn làm tăng độ đục cho nguồn tiếp nhận.

- Đối với tuyến đường vận chuyển, công ty thường xuyên tu bổ tuyến đường đảm bảo tuyến đường không bị lầy lội vào mùa mưa; thực hiện nạo vét mương thoát nước hai bên tuyến đường nhằm đảm bảo thoát nước mưa phát sinh trên tuyến đường.

**** Biện pháp giảm thiểu sự suy thoái môi trường đất:**

- Thực hiện thu gom đất rơi vãi cùng với hoạt động khai thác, thực hiện thu gom đất tập kết trong khu vực khai thác vào mùa mưa.

- Thực hiện nghiêm việc thu gom và lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt. Tuyệt đối không để chất thải rắn, chất thải nguy hại rơi vãi hoặc lưu giữ chất thải trên khai trường.

**** Để tháo khô lượng nước chảy vào mỏ cần thực hiện 2 vấn đề chính là:**

- **Bố trí hợp lý công trường khai thác:** các công trường khai thác được thiết kế sao cho ít chịu ảnh hưởng của mưa nhất. Muốn vậy các công trường khai thác phải vừa là khai trường mỏ vừa là công trình thoát nước. Các công trình thoát nước chủ yếu sẽ là các rãnh thoát nước, với độ dốc sao cho nước có thể tự chảy mà không bị lắng đọng cặn và không bị sạt lở do tốc độ dòng chảy quá lớn.

- **Sử dụng các biện pháp ngăn chặn dòng nước mặt** (nước mưa tạo nên dòng tạm thời) chảy vào công trường khai thác như tạo độ nghiêng cho nước mưa thoát ra xa khu vực khai trường. Ngoài ra có thể xây dựng các tường chắn nước hoặc tiến hành đầm chặt bề mặt để giảm lượng ngấm của nước mưa (nếu cần thiết).

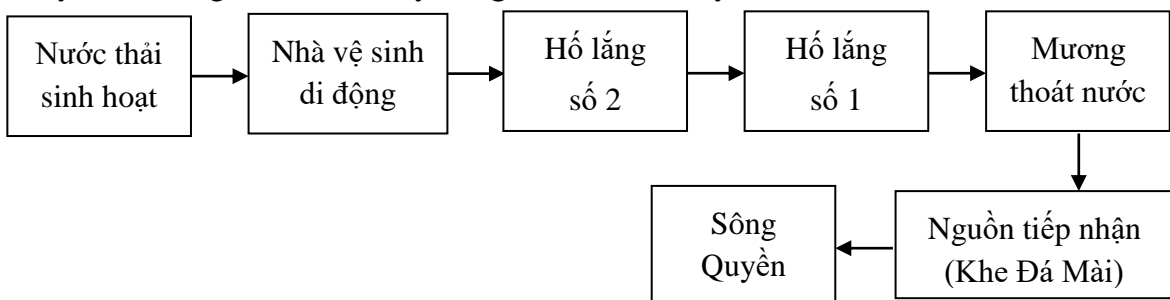
**** Bên cạnh đó, cần có những biện pháp như:**

- Sau những trận mưa to, cần tiến hành nạo vét hệ thống mương, hố lắng, bảo dưỡng mặt đường nội mỏ được an toàn.

- Thường xuyên kiểm tra, nạo vét, đảm bảo thông thoáng, bảo dưỡng hệ thống này đảm bảo luôn hoạt động tốt. Nạo vét hố lắng và xử lý lượng bùn tại hố lắng sau mỗi trận mưa lớn và định kỳ thực hiện 01 lần/năm. Lượng bùn nạo vét tại hố lắng sẽ được trộn với lớp đất bóc tầng phủ để phục hồi môi trường sau này.

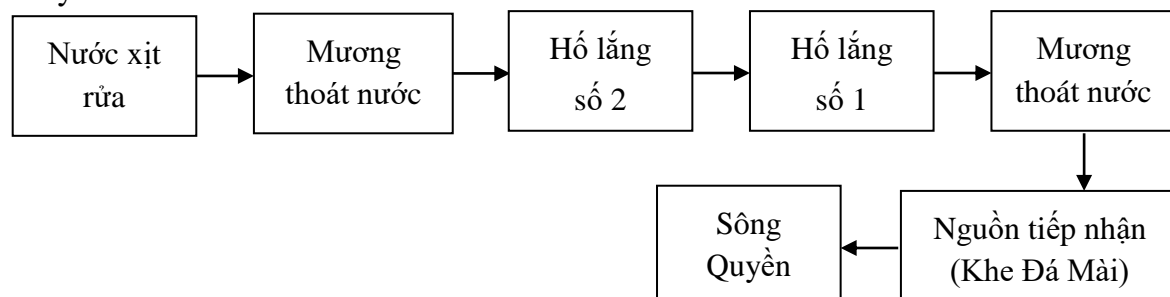
1.2. Thu gom, thoát nước thải

- **Công trình thoát nước thải sinh hoạt:** Chủ dự án đã bố trí 01 nhà vệ sinh di động đặt gần nhà container của mỏ (tại điểm mốc B). Nước thải sinh hoạt sau khi qua bể tự hoại được dẫn theo mương thoát nước dọc cạnh B-A về hố lắng số 02 sau đó chảy về hố lắng số 01 để xử lý cùng nước mưa chảy tràn.



Hình 3.3. Sơ đồ quy trình thu gom nước thải sinh hoạt

- **Công trình thoát nước thải nước xịt rửa bánh xe:** Bố trí 01 điểm rửa bùn đất bám trên bánh xe trước khi vận chuyển ra đường tại cổng ra vào tại điểm mốc B của mỏ. Nước thải rửa bánh xe, phương tiện được thu gom theo mương thoát nước dọc cạnh B-A vào hố lắng số 02 sau đó chảy về hố lắng số 01 để xử lý cùng nước mưa chảy tràn.



Hình 3.4. Sơ đồ quy trình thu gom nước xịt rửa bánh xe, phương tiện

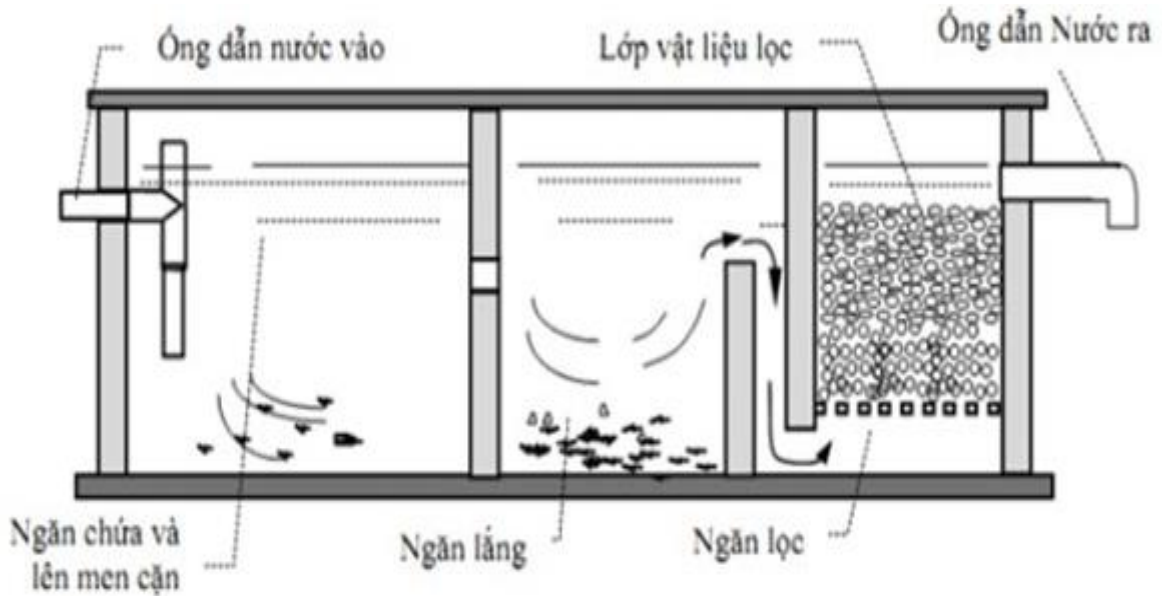
- Điểm xả nước thải sau xử lý: nước thải sau khi xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột A) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp được xả ra khe Đá Mài phía Đông Nam khu mỏ, sau đó chảy về sông Quyền cách vị trí tiếp nhận tại khe Đá Mài khoảng 4,2km về phía Bắc.

1.3. Xử lý nước thải

a. Công trình xử lý nước thải

* Nhà vệ sinh di động:

- Nhà vệ sinh di động kích thước (2,6 x 0,9 x 1,35) m với dung tích bể tự hoại 2,0 m³.



Hình 3.5. Minh họa bể tự hoại

- Quy trình xử lý: Nước thải sinh hoạt → nhà vệ sinh di động → đơn vị chức năng hút, vận chuyển, xử lý khi đầy bể.

- Nguyên lý hoạt động của bể tự hoại:

+ Ngăn chứa: Đây là nơi chứa các chất thải từ sinh hoạt. Khi xả nước, chất thải theo đường ống trôi xuống ngăn chứa, đợi các vi sinh vật phân hủy thành bùn. Thường thì diện tích ngăn chứa sẽ khá lớn, chiếm 1/2 tổng diện tích của bể. Một số nơi thiết kế diện tích ngăn chứa bằng với 2 ngăn còn lại.

+ Ngăn lọc: Ngăn lọc có vai trò lọc các chất thải lơ lửng sau khi phân hủy ở ngăn chứa. Nếu cấu tạo bể phốt 3 ngăn được chia thành 4 phần thì ngăn lọc chiếm thể tích 1 phần trong tổng thể tích.

+ Ngăn lắng: Những chất thải không thể phân hủy được ở ngăn chứa sẽ được đưa vào ngăn lắng, chẳng hạn như kim loại, tóc, vật cứng... Ngăn lắng chiếm thể tích 1 phần, bằng ngăn lọc trong cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn.

* Hồ lắng nước mưa chảy tràn:

- 04 hồ kích thước mỗi hồ 300 m³ (10 m x 10 m x 3m).

- Hóa chất sử dụng: Chlorine.

b. Biện pháp xử lý nước thải

*** Nước thải sinh hoạt**

Hiện nay, Chủ dự án đã bố trí 01 nhà vệ sinh di động đặt gần nhà container của mỏ (tại điểm mốc B). Nước thải sinh hoạt sau khi qua bể tự hoại của nhà vệ sinh di động được dẫn theo mương thoát nước dọc cạnh B-A về hố lắng số 02 sau đó chảy về hố lắng số 01 để xử lý cùng nước mưa chảy tràn. Hố lắng số 01, 02 xử lý nước thải bằng phương pháp lắng lọc và khử trùng đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột A) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp rồi chảy ra nguồn tiếp nhận là khe Đá Mài sau đó chảy về sông Quyên.

*** Nước thải xịt rửa bánh xe, phương tiện**

Nước xịt rửa bánh xe, phương tiện: Bố trí 01 điểm rửa bùn đất bám trên bánh xe trước khi vận chuyển ra đường tại công ra vào tại điểm mốc B của mỏ. Nước thải rửa bánh xe, phương tiện được thu gom theo mương thoát nước dọc cạnh B-A vào hố lắng số 02 sau đó chảy về hố lắng số 01 để xử lý cùng nước mưa chảy tràn. Hố lắng số 01, 02 xử lý nước thải bằng phương pháp lắng lọc và khử trùng đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột A) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

- Rửa sạch bánh xe, thân xe, trước khi ra khỏi khu vực dự án: trên tuyến đường vận chuyển khi ô tô vận chuyển tới công ra vào mỏ tiến hành lắp đặt bể nước, sử dụng bơm xịt làm sạch lốp xe, vỏ thân xe để giảm thiểu tác động của bụi cuốn theo từ lốp xe.

- Thực hiện tưới ẩm khai trường khai thác, tuyến đường vận chuyển (theo QCVN 01:2021/BXD – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng thì định mức nước rửa đường là 0,4 lít/m²): chủ dự án đang sử dụng xe bồn (dung tích 5m³) phun nước dập bụi tại khu vực bãi chế biến, đường vận chuyển nội và ngoại mỏ.

+ Tưới ẩm tại những vị trí phát sinh bụi trong khu vực khai trường, đặc biệt là khu vực xúc bốc, bãi khai thác. Tần suất tưới ẩm là 2 lần/ngày (buổi sáng 10h, buổi chiều 15h).

+ Tưới ẩm tuyến đường vận chuyển từ khu vực mỏ ra đến tuyến đường QL1A. Tần suất tưới ẩm là 2 lần/ngày (buổi sáng 10h, buổi chiều 15h).

- Sử dụng đất đá thải để thường xuyên duy tu, bảo dưỡng đường vận chuyển nội mỏ và ngoại mỏ như gia cố đường, lu lèn tạo mặt phẳng bề mặt,... để tránh phát sinh bụi vào mùa nắng và bùn lầy vào mùa mưa.

- Xe vận chuyển có bạt che chắn kín trong quá trình vận chuyển, đặc biệt là vận chuyển đất đá thải.

- Tất cả các xe vận tải đạt tiêu chuẩn quy định của Cục Đăng Kiểm về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường mới được phép hoạt động phục vụ cho công tác khai thác và vận chuyển tại mỏ.

- Định kỳ bảo dưỡng và kiểm tra xe, thiết bị để giảm thiểu khí thải phát ra từ động cơ.

- Các xe tải khi chờ đất san lấp đi tiêu thụ không được chở quá dung tích của thùng xe, phải có bạt che kín và được giằng buộc cẩn thận, tránh làm rơi vãi vật liệu khi di chuyển.

- Sử dụng nhiên liệu có gốc xuất xứ rõ ràng và đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng theo quy định để hạn chế lượng khí thải phát sinh.

- Chỉ hoạt động khai thác 8h/ngày (buổi sáng từ 7h - 11h), buổi chiều từ 13h30 - 17h30), tắt các phương tiện hoạt động khi không cần thiết. Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân bao gồm khẩu trang chống bụi, áo quần, mũ bảo hộ lao động.

- Không vận chuyển đất vào các giờ cao điểm và ban đêm, hạn chế ảnh hưởng tới sinh hoạt người dân.

- Phân luồng tuyến đường giao thông vận chuyển đoạn ra vào dự án nhằm hạn chế ách tắc tuyến đường, quá trình vận chuyển qua những khúc cua ngoặt phải giảm tốc độ và có tín hiệu còi để hạn chế tối đa tai nạn giao thông.



Hình 3.6. Xe tưới nước tại khu vực Dự án

3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

*** *Chất thải rắn sinh hoạt***

- Thu gom và phân loại rác tại nguồn: Bố trí các thùng có thể tích phù hợp, đặt tại các vị trí (Trạm cân, Nhà điều hành) để thu gom, phân loại, cuối ngày đưa về tập kết vào các thùng có nắp đậy, thể tích 120 lít; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển đi xử lý theo quy định của pháp luật và của địa phương.

- Phương án thu gom và xử lý chất thải rắn được thực hiện như sau:

+ Chất thải thực phẩm: hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển đi xử lý.

+ Chất thải rắn có thể tái sử dụng, tái chế như cốc nhựa, vỏ lon bia, nước ngọt, giấy, bìa carton,... thu gom vào thùng đựng rồi định kỳ bán phế liệu.

+ Chất thải rắn không có khả năng tái sử dụng: thu gom và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý.

- Bùn cặn từ nhà vệ sinh: Định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng bơm hút đưa đi xử lý theo quy định, tần suất 01 năm/lần.

- Lập các nội quy về trật tự, vệ sinh và bảo vệ môi trường trong tập thể công nhân, trong đó có chế độ thưởng phạt, tuyên truyền cho công nhân các quy định về bảo vệ môi trường.



Hình 3.7. Thùng đựng chất thải rắn sinh hoạt tại khu vực Dự án

*** *Chất thải rắn thông thường***

- Đối với lượng đất bóc hữu cơ (7.740 m³): Dự án bố trí bãi lưu giữ đất thải với diện tích 2.500 m² thuộc trong diện tích mỏ để lưu giữ. Xung quanh khu vực lưu giữ được bố trí bờ bao bằng đất san lấp khai thác từ mỏ, quá trình lưu giữ phát sinh nước mưa từ đất bóc được thu gom dẫn về xử lý qua các hố lắng nước mưa.

- Bùn nạo vét hố lắng, mương thoát nước: Định kỳ thực hiện nạo vét (01 lần/năm). Đặc biệt sau những đợt mưa to, sẽ tiến hành kiểm tra, có thể tiến hành nạo vét khơi thông hệ thống mương, hố lắng. Lượng bùn nạo vét được thu gom đưa về lưu giữ với đất bóc hữu cơ để phục vụ cải tạo, phục hồi môi trường.

- Đối với sinh khối phát quang: Cho người dân tận dụng làm chất đốt, phần còn lại được tập trung về khu vực lưu giữ cùng đất bóc hữu cơ, ủ tạo mùn để phục vụ cải tạo phục hồi môi trường.

- Đất đào từ hoạt động cải tạo tuyến đường nội mỏ: Đối với khối lượng đất đào đủ điều kiện làm đất san lấp, sẽ được bán cho khách hàng. Đối với khối lượng đất phủ không đủ điều kiện làm đất san lấp được dùng cho công tác cải tạo phục hồi môi trường (san gạt để tiến hành trồng cây).

- Chất thải phát sinh từ hoạt động tháo dỡ trạm cân xe, điểm xịt rửa bánh xe phương tiện khi ra khỏi mỏ:

+ Bê tông, vôi vữa hỏng: tận dụng để gia cố cải tạo tuyến đường vận chuyển.

+ Sắt thép vụn: Được thu gom và bán phế liệu.

+ Đối với các vật liệu hư hỏng không thể tái sử dụng và bán phế liệu, hợp đồng đơn vị có chức năng thu gom vận chuyển đi xử lý theo quy định.



Hình 3.8. Bãi chứa đất phủ tại khu vực Dự án

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

- Dự báo về khối lượng chất thải nguy hại trong quá trình vận hành:

Bảng 3.1. Lượng chất thải nguy hại trong giai đoạn vận hành

STT	Tên chất thải nguy hại	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải nguy hại	Khối lượng (kg/tháng)	Khối lượng (kg/năm)
1	Dầu mỡ thải	Lỏng	17 02 03	7,6	91,2
2	Giẻ lau dính dầu	Rắn	18 02 01	2,0	24
3	Can đựng dầu mỡ	Rắn	18 01 03	2,0	24
	Tổng			11,6	139,2

- Trong phạm vi mỏ bố trí 01 kho chất thải nguy hại với diện tích 2,25 m² (được bọc kín bằng tôn kín; có mái che; dán nhãn cảnh báo chất thải nguy hại; kích thước khoảng 1,5m x 1,5m; mặt sàn không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; đặt ở phía Đông Bắc gần mốc A của mỏ, khoảng cách trên 10 m với các thiết bị đốt hay dễ cháy nổ) trong đó bố trí 03 thùng composite dung tích 50 lít, có nắp đậy, dán nhãn chất thải nguy hại. Thực hiện khai báo khối lượng, loại chất thải nguy hại theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Hạn chế việc thay dầu máy móc tại khu vực mỏ mà đưa ra cơ sở sửa chữa thay dầu mỡ.

- Hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển đi xử lý với tần suất 1 lần/năm đảm bảo bàn giao chất thải đúng theo hợp đồng đã thỏa thuận ký kết và có chứng từ chất thải nguy hại.



Hình 3.9. Kho lưu giữ chất thải nguy hại

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Sử dụng các loại máy móc phải đúng công suất nhằm hạn chế tiếng ồn, độ rung.
- Thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng (tra dầu mỡ tại các bộ phận tiếp xúc gây ồn) các thiết bị thi công và kiểm định kỹ thuật theo đúng định kỳ quy định của nhà nước. Chỉ vận hành các thiết bị bảo dưỡng tốt ngoài hiện trường. Tắt những máy móc hoạt động gián đoạn nếu không cần thiết. Có sự thay đổi ca lao động cho các công nhân làm việc ở khu vực có tiếng ồn lớn.

- Trang bị bảo hộ lao động, thiết bị chống ồn cho công nhân thường xuyên làm việc tại những nơi có độ ồn cao,...

- Quy định các phương tiện ra vào khu mỏ chạy đúng tốc độ, hạn chế bóp còi.

- Quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng đối với tiếng ồn, độ rung của dự án đầu tư: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

a. Phòng chống, ứng phó sự cố cháy nổ

- Tất cả các CBCNV phải được tập huấn công tác phòng cháy, nổ theo đúng kỹ thuật an toàn lao động cháy, nổ hiện hành.

- Treo biển báo cấm lửa, nội quy PCCC tại nhà kho và văn phòng của mỏ.

- Hệ thống điện chiếu sáng, điện sản xuất phải có ổn áp, cầu dao điện, automat; dây điện phải đảm bảo đủ tải; không được sử dụng dây trần. Thường xuyên kiểm tra kho xăng, dầu, hệ thống điện, phát hiện kịp thời những sơ hở thiếu sót để có biện pháp xử lý.

b. Phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy rừng

- Định kỳ dọn vệ sinh, giảm khối lượng sinh khối khô dễ cháy ven đường đi đầu mùa khô. Chặt bỏ cây cỏ, lau, sậy tạp bụi, chỉ để lại những cây lá rộng có khả năng ngăn lửa.

- Trang bị thiết bị bảo hộ lao động và dụng cụ phòng cháy chữa cháy.

- Thường xuyên phối hợp với UBND phường trong công tác phòng chống cháy rừng.

- Có nội quy, quy định về bảo vệ động vật hoang dã, động vật rừng, bảo vệ rừng phổ biến cho toàn thể cán bộ, công nhân.

- Có hình thức kỷ luật, phạt hành chính khi vi phạm nội quy ban hành.

- Phối hợp với chính quyền địa phương trong việc quản lý và bảo vệ rừng.

- Nghiêm cấm các hành vi hút thuốc, săn bắt động vật rừng đối với công nhân.

- Trách nhiệm về phòng cháy, chữa cháy rừng đối với người đứng đầu cơ quan, tổ chức có hoạt động ở trong rừng, ven rừng theo Điều 54, Nghị định số 156/2018/NĐ-CP về hướng dẫn Luật Lâm Nghiệp:

+ Thực hiện các quy định, nội quy, điều kiện an toàn, biện pháp về phòng cháy và chữa cháy rừng theo quy định của pháp luật.

+ Đôn đốc nhắc nhở các thành viên trong phạm vi quản lý của mình thực hiện quy định, nội quy, các điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy rừng.

+ Phát hiện cháy, báo cháy và tham gia chữa cháy rừng.

+ Phối hợp với chủ rừng, cơ quan, tổ chức xung quanh trong việc bảo đảm an toàn về phòng cháy và chữa cháy rừng; không gây nguy hiểm cháy đối với các khu rừng.

+ Tham gia các hoạt động phòng cháy và chữa cháy rừng khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền, tích cực tham gia chữa cháy rừng khi có cháy rừng xảy ra.

c. Phòng ngừa, ứng phó sự cố bom mìn

Chủ dự án thực hiện rà phá bom mìn thông qua Hợp đồng với đơn vị có chức năng theo quy định, chỉ thực hiện khai thác sau khi hoàn thành rà phá bom mìn.

d. Phòng ngừa, ứng phó sự cố sạt lở

- Đào rãnh thoát nước nhằm hạn chế nước mặt chảy tràn qua khu vực mỏ. Nước thoát ra từ mỏ được xử lý lắng trước khi chảy vào hệ thống thoát nước khu vực hoặc tận dụng lại để phục vụ công tác giảm bụi trong khu vực khai thác.

- Củng cố và cải tạo bờ mỏ trong quá trình khai thác nhằm ngăn ngừa đất lở, cuốn trôi, sạt lở.

- Khai thác theo đúng thiết kế mỏ. Sau khi kết thúc khai thác Chủ dự án tiến hành cải tạo, phục hồi môi trường và bàn giao đất lại cho địa phương.

- Tiến hành theo dõi mức độ ảnh hưởng của hoạt động khai thác và hiện tượng xói mòn vào các mùa mưa lũ để điều chỉnh khoảng cách khai thác, tránh được hiện tượng trượt lở đất sao cho an toàn phù hợp với diễn biến thực tế trong quá trình khai thác.

- Các cán bộ kỹ thuật khai thác, trắc địa sẽ thường xuyên theo dõi trạng thái ổn định của bờ, tầng khai thác để có biện pháp phòng ngừa sự cố sạt lở bất ngờ.

- Yêu cầu các loại thiết bị có tải trọng lớn như máy xúc không làm việc sát mép bờ moong.

7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

a. Sạt lở, bồi lấp

- Đào rãnh thoát nước nhằm hạn chế nước mặt chảy tràn qua khu vực mỏ. Nước thoát ra từ mỏ được xử lý lắng trước khi chảy vào hệ thống thoát nước khu vực hoặc tận dụng lại để phục vụ công tác giảm bụi trong khu vực khai thác.

- Củng cố và cải tạo bờ mỏ trong quá trình khai thác nhằm ngăn ngừa đất lở, cuốn trôi, sạt lở.

- Khai thác theo đúng thiết kế mỏ. Sau khi kết thúc khai thác Chủ dự án tiến hành cải tạo, phục hồi môi trường và bàn giao đất lại cho địa phương.

- Tiến hành theo dõi mức độ ảnh hưởng của hoạt động khai thác và hiện tượng xói mòn vào các mùa mưa lũ để điều chỉnh khoảng cách khai thác, tránh được hiện tượng trượt lở đất sao cho an toàn phù hợp với diễn biến thực tế trong quá trình khai thác.

- Các cán bộ kỹ thuật khai thác, trắc địa sẽ thường xuyên theo dõi trạng thái ổn định của bờ, tầng khai thác để có biện pháp phòng ngừa sự cố sạt lở bất ngờ.

- Yêu cầu các loại thiết bị có tải trọng lớn như máy xúc không làm việc sát mép bờ moong.

- Sau quá trình khai thác, Chủ dự án cần kiểm tra, đánh giá được tính đồng nhất và bền vững của các bờ moong để có giải pháp gia cố tránh hiện tượng sạt lở, trôi trượt gây bồi lắng dòng chảy, đồng thời đảm bảo an toàn cho hoạt động khai thác ở các mức moong thấp và khu vực taluy giáp vị trí đổ đất bóc phủ.

b. Biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực tới môi trường cảnh quan

- Việc chiếm dụng thảm thực vật để mở khai trường làm thay đổi môi trường sinh thái, biến đổi cảnh quan. Vì vậy Chủ dự án phải tiến hành cải tạo, phục hồi môi trường nhằm khắc phục một cách tối đa nhất hậu quả của dự án gây ra.

- Tiến hành san gạt khai trường.

- Tháo dỡ công trình phụ trợ, vận chuyển đất đá thải, phục hồi thảm thực vật, cải tạo trồng cây xanh (tạo lớp đất phủ trên đáy moong) sau khi kết thúc khai thác để vừa tạo môi trường sinh thái cho khu vực vừa chống sự phong hóa bờ mỏ do tác động của không khí, nhiệt độ, xói lở bờ mỏ do nước mưa, nước mặt, trả lại đất cho người dân trồng màu.

c. Biện pháp giảm thiểu tác động đến khu dân cư

- Thực hiện nghiêm túc biện pháp giảm thiểu phát tán bụi và khí thải vào môi trường không khí nhằm giảm lượng bụi bám vào lá cây, đảm bảo quá trình quang hợp cho cây xanh quanh khu vực. Yêu cầu các phương tiện giao thông phải che bạt kín thùng xe, đồng thời trực đường vào mỏ sẽ được tưới ẩm định kỳ theo ngày đảm bảo hạn chế tối đa ảnh hưởng đến hoạt động của người dân và phương tiện qua lại.

- Thực hiện nghiêm túc biện pháp giảm thiểu tác động của tiếng ồn độ rung nhằm giảm thiểu tác động đến đời sống sinh hoạt của các hộ dân.

- Giảm thiểu hiện tượng sạt lở gây bồi lắng, thực hiện tốt biện pháp xử lý nước mưa chảy tràn trước khi thải vào môi trường tiếp nhận.

- Đề ra quy định trong hoạt động sử dụng các vật dụng dễ cháy như diêm, bật lửa, thuốc lá không để phát sinh hỏa hoạn do con người gây nên.

- Thường xuyên phối hợp với chính quyền địa phương để giải quyết sớm những vấn đề nảy sinh liên quan đến hoạt động của mỏ.

d. Biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực tới kinh tế, xã hội

- Mỏ đất san lấp Mũi Đồi, phường Kỳ Trinh, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh không có tác động tiêu cực đến dân cư lân cận. Chủ đầu tư thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường trong quá trình khai thác mỏ.

- Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương và các lực lượng dân quân, công an để đảm bảo tốt trật tự an ninh khu vực.

đ. Giảm thiểu tai nạn lao động

Để đảm bảo an toàn công tác khai thác đất san lấp tại khu vực Mũi Đồi, phường Kỳ Trinh, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh ngoài việc tuân thủ nghiêm ngặt quy phạm khai thác lộ thiên, lắp đặt biển cảnh báo nguy hiểm với khoảng cách 100m/1 biển báo, còn cần phải thực hiện nghiêm túc các giải pháp cụ thể sau:

*** Đối với ô tô vận tải:**

- Lái xe thường xuyên bảo dưỡng xe theo quy định kỹ thuật.
- Xe đảm bảo các thông số kỹ thuật, khi xe đang hoạt động làm nhiệm vụ, lái xe chấp hành nghiêm chỉnh luật lệ an toàn giao thông.
- Mỗi xe có số nhật trình xe như đã quy định.
- Khi chuyên chở đất đá không vượt quá trọng tải quy định.
- Cấm cho người ngồi ở mui xe hoặc đu bám phía ngoài thành xe, ở bậc lên xuống. Trong lúc xe chạy, khi xe chưa dừng hẳn không cho người lên xuống xe.
- Trong khi chờ nhận đất, xe đứng ngoài phạm vi hoạt động của gầu máy xúc. Chỉ sau khi nhận tín hiệu cho phép của người lái mới vào nhận hàng và khi nhận hàng xong người lái máy xúc phát tín hiệu thì lái xe mới được rời vị trí.
- Xe chở vật liệu ra ngoài mỏ có bạt phủ lên thùng, không chở cao quá thùng xe để đảm bảo không rơi đá gây thương tích cho người đi đường.

*** Đối với máy gạt, máy xúc:**

- Việc gạt hay xúc tiến hành theo quy định và chỉ dẫn của người quản lý.
- Công nhân điều khiển máy theo dõi thường xuyên về: nhiệt độ, áp suất, tiếng kêu của máy.

*** Đối với công tác vận tải:**

- Các xe ô tô trước khi làm việc đều phải kiểm tra an toàn, chỉ những xe đảm bảo đầy đủ điều kiện an toàn theo quy định của Cục Đăng kiểm mới đưa vào làm việc. Khi hoạt động các lái xe phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về luật lệ giao thông, vị trí đỗ nhận và của tài xế lái máy xúc,...

- Hệ thống đường vận tải thường xuyên được duy trì bảo dưỡng, đảm bảo đúng các thông số kỹ thuật theo thiết kế và quy phạm an toàn khai thác mỏ đã được các cơ quan chức năng ban hành đối với từng loại thiết bị sử dụng.

*** An toàn trong khâu xúc bốc:**

Các máy xúc hoạt động trên mặt bằng dưới chân núi phải tuân thủ nguyên tắc:

- Thực hiện đúng kế hoạch và trình tự thi công theo hộ chiếu đã được phê duyệt.

- Khi hết ca làm việc trong thời gian bàn giao ca các máy xúc đều phải rút ra khỏi khu vực xúc và cách đóng đá một đoạn ≥ 20 m.

- Trong quá trình xúc nếu gặp sự cố sụt lún, sạt lở,... gây nguy hiểm cho người và thiết bị phải có biện pháp xử lý tạm thời và báo ngay cho các phòng ban có liên quan để tìm biện pháp khắc phục đảm bảo an toàn.

- Luôn duy trì khoảng cách an toàn từ mép chân tuyến đến vị trí thiết bị làm việc từ 5 ÷ 10 m.

- Khi có những trận mưa lớn kéo dài, có thể gây ra hiện tượng lũ quét, phải nghỉ việc, di chuyển thiết bị ra khỏi vùng có thiết bị ảnh hưởng của lũ và đất lở.

*** An toàn thoát nước:**

- Mở kết thúc khai thác hoàn toàn trên mức thoát nước tự chảy.

- Mặt tầng khai thác được thiết kế theo độ dốc đảm bảo mặt tầng luôn luôn khô ráo. Đường vận tải phải xây dựng hệ thống rãnh thoát nước, cống thoát như thiết kế.

- Tạo hệ thống thoát nước xung quanh đáy moong và trên bờ mỏ.

*** Đảm bảo an toàn lao động cho con người:**

- Thi công đúng thiết kế các hạng mục được phê duyệt và có cán bộ giám sát.

- Soạn thảo, ban hành và tổ chức thực hiện các nội quy an toàn lao động cho toàn mỏ.

- Phối hợp với đơn vị có chức năng trên địa bàn để thực hiện công tác đào tạo huấn luyện an toàn lao động và đăng ký sử dụng thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn.

- Hệ thống biển báo, băng rôn, khẩu hiệu nhắc nhở về an toàn lao động sẽ được bố trí hợp lý tại các điểm dễ quan sát và tập trung đông công nhân.

- Phổ biến kiến thức về vệ sinh an toàn lao động cho toàn bộ cán bộ công nhân viên và thường xuyên kiểm tra việc tuân thủ các quy định về an toàn lao động của cán bộ công nhân viên. Qua đó có các biện pháp khen thưởng, kỷ luật kịp thời và thích hợp.

- Tại đơn vị khai thác được trang bị một tủ thuốc y tế có đủ cơ số thuốc và thiết bị cấp cứu và sơ cứu.

- Trang bị đầy đủ và có hiệu quả các thiết bị bảo hộ lao động và có kế hoạch kiểm tra sức khỏe cán bộ công nhân viên định kỳ hàng năm nhằm kịp thời phát hiện các trường hợp mắc bệnh nghề nghiệp.

- Trang bị những kiến thức cơ bản về sơ cấp cứu người bị nạn; trang bị những phương tiện cần thiết để khi cần có thể nhanh chóng có mặt ở những vị trí xảy ra sự cố, cấp cứu kịp thời, hạn chế sự cố trong lúc chờ đợi cấp cứu vùng đến.

- Đảm bảo khoảng cách an toàn cho công nhân và khu vực nhà điều hành.

e. Biện pháp đảm bảo an toàn giao thông tại điểm giao với Quốc lộ 1A đoạn tránh thị xã Kỳ Anh

- Các lái xe vận tải chấp hành nghiêm Luật An toàn giao thông.

- Các xe tải khi chờ đất san lấp đi tiêu thụ không được chở quá dung tích của thùng xe, phải có bạt che kín và được giằng buộc cẩn thận, tránh làm rơi vãi vật liệu khi di chuyển.

- Bố trí người cảnh báo, phân luồng giao thông tại điểm giao với Quốc lộ 1A đoạn tránh thị xã Kỳ Anh;

- Lắp đặt biển, đèn cảnh báo tại nút giao; không vận chuyển nguyên vật liệu vào các khung giờ cao điểm.

f. Biện pháp giảm thiểu tác động trong trường hợp các mỏ lân cận đồng thời khai thác

- Các chủ dự án của các mỏ nghiêm túc thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động môi trường trong suốt quá trình thực hiện dự án.

- Thực hiện tưới nước làm ẩm khai trường khai thác và tuyến đường vận chuyển từ mỏ ra Quốc lộ 1A.

- Các xe tải khi chờ đất san lấp đi tiêu thụ không được chở quá dung tích của thùng xe, phải có bạt che kín và được giằng buộc cẩn thận, tránh làm rơi vãi vật liệu khi di chuyển.

- Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương và các lực lượng dân quân, công an để đảm bảo tốt trật tự an ninh khu vực.

- Bố trí người cảnh báo, phân luồng giao thông tại các điểm giao nhau giữa các xe vận chuyển đất san lấp đi tiêu thụ.

g. Biện pháp bảo đảm an toàn trong hoạt động khai thác mỏ với các tuyến đường điện

- Củng cố và cải tạo đảm bảo an toàn khai thác khu vực ranh giới hành lang an toàn tuyến đường điện và cột điện.

- Khai thác theo đúng thiết kế mỏ, không khai thác tại ranh giới hành lang an toàn tuyến đường điện và cột điện.

- Tiến hành theo dõi mức độ ảnh hưởng của hoạt động khai thác và hiện tượng xói mòn vào các mùa mưa lũ để điều chỉnh khoảng cách khai thác, tránh được hiện tượng trượt lở đất sao cho an toàn phù hợp với diễn biến thực tế trong quá trình khai thác.

- Các cán bộ kỹ thuật khai thác, trắc địa sẽ thường xuyên theo dõi trạng thái ổn định của bờ, tầng khai thác để có biện pháp phòng ngừa sự cố sụt lở bất ngờ.

8. Biện pháp bảo vệ môi trường đối với nguồn nước công trình thủy lợi khi có hoạt động xả nước thải vào công trình thủy lợi

Dự án xả nước thải ra nguồn tiếp nhận là Khe Đá Mài. Theo khoản 3 Điều 2 Luật Thủy lợi 2017 thì Khe Đá Mài không phải là công trình thủy lợi nên Dự án không có các biện pháp bảo vệ môi trường đối với nguồn nước công trình thủy lợi khi có hoạt động xả nước thải vào công trình thủy lợi.

9. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học

* Phương án được lựa chọn thực hiện

- Cải tạo, phục hồi môi trường khai trường khai thác: Củng cố bờ moong; lập hàng rào, biển báo xung quanh moong; san gạt khu vực đáy moong và tạo hệ thống thoát nước cho moong khai thác; san lấp hồ lắng nước mưa và nước xịt rửa bánh xe phương tiện ra ngoài mỏ; tháo dỡ, di chuyển trạm cân, nhà vệ sinh di động,...; trồng cây đai bảo vệ và khu vực đáy moong.

- Phục hồi môi trường khu vực ngoài biên giới mỏ: Duy tu, bảo dưỡng, cải tạo tuyến đường vào mỏ và nạo vét mương thoát nước dọc tuyến đường vào mỏ.

* Danh mục, khối lượng các hạng mục cải tạo, phục hồi môi trường

+ Củng cố bờ moong bằng cách gia cố bề mặt mái taluy.

+ Lập hàng rào, biển báo xung quanh moong: Lắp đặt 263 cột trụ bê tông với chiều cao mỗi cột là 1,7 m; lắp đặt 11 biển báo kích thước (0,6 x 1) m xung quanh moong, biển báo được gắn trên 11 cột trụ bê tông cốt thép (chiều cao 2,7 m) và đan hàng rào dây thép gai (cao 1 m, dài 1.371 m) xung quanh moong để bảo vệ cây trồng...

+ Thoát nước đáy moong: Tiến hành đào mương thoát nước với chiều dài 1.054 m (kích thước 40x60x40m); khối lượng đất đào mương 211 m³.

+ Diện tích đáy moong cần san gạt sau khi khai thác: 2,93 ha.

+ San lấp hồ lắng diện tích 400 m², khối lượng 1.200 m³.

+ Tháo dỡ, di chuyển trạm cân và container.

+ Trồng cây đai bảo vệ: Kết thúc khai thác mỏ để lại các đai bảo vệ với diện tích 2,78 ha. Tiến hành trồng cây trên toàn bộ mặt bằng, mật độ cây trồng 1.660 cây/ha, kích thước hố cách hố 2m, hàng cách hàng 3m, tỷ lệ trồng dặm 30% mật độ cây trồng. Số cây phải trồng là 6.008 cây.

+ Trồng cây xanh khu vực mỏ sau kết thúc khai thác (bao gồm: đáy moong ở cosd +30m là 2,93 ha, các hồ lắng là 0,04 ha) với diện tích 2,97 ha, mật độ cây trồng 1.660 cây/ha, kích thước hố cách hố 2m, hàng cách hàng 3m, tỷ lệ trồng dặm 30% mật độ cây trồng, tổng số cây phải trồng là 6.409 cây.

* Kế hoạch thực hiện

Bảng 3.2. Kế hoạch thực hiện công tác cải tạo, phục hồi môi trường

STT	Công tác	ĐVT	Khối lượng	Thời gian thực hiện
1	Cải tạo khai trường khai thác			Trong toàn bộ quá trình khai thác, khai thác đến đâu cải tạo bờ moong đến đấy.
	Diện tích đáy moong được trồng cây sau khai thác	ha	2,93	
	Khối lượng san gạt	m ³	7.740	
	Trồng cây moong khai thác	cây	6.409	

STT	Công tác	ĐVT	Khối lượng	Thời gian thực hiện	
	Trồng cây đai bảo vệ				
	<i>Diện tích</i>	<i>ha</i>	2,78		
	<i>Số lượng</i>	<i>cây</i>	6.008		
	Tạo mương thoát nước				
	<i>Chiều dài</i>	<i>m</i>	1.054		
	<i>Khối lượng</i>	<i>m³</i>	211		
		Lập biển báo xung quanh moong			Thời gian xây dựng cơ bản mỏ. 3 tháng
		<i>Chiều dài</i>	<i>m</i>	1.371	
		<i>Số lượng</i>	<i>cái</i>	11	
		<i>Dây thép gai</i>	<i>m²</i>	1.371	
Lấp hố lũng		<i>m³</i>	1.200		
2	Cải tạo mặt bằng khu phụ trợ			Kết thúc khai thác. 0,5 tháng	
	Trạm cân	Tấn	15		
	Container, nhà vệ sinh di động, kho chất thải rắn sinh hoạt, kho chất thải nguy hại	Tấn	10		

*** Kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường**

- Đối với diện tích mỏ 11,3 ha (độ sâu khai thác đến cosd +30m): Số tiền ký quỹ phục hồi môi trường của dự án (chưa bao gồm yếu tố trượt giá) là: 1.131.778.000 đồng.

- Đối với diện tích 3,1 ha mỏ cũ nằm ngoài phạm vi diện tích được công nhận trữ lượng khoáng sản đất san lấp (bổ sung) theo Quyết định số 2561/QĐ-UBND ngày 05/10/2023 của UBND tỉnh và Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư số 153/QĐ-KKT do Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh cấp lần đầu ngày 02/12/2021; điều chỉnh lần 01 tại Quyết định số 187/QĐ-KKT ngày 01/12/2023; điều chỉnh lần 02 tại Quyết định số 78/QĐ-KKT ngày 30/3/2024: số tiền ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường (chưa bao gồm yếu tố trượt giá) là 136.087.000 đồng (được UBND tỉnh phê duyệt Đề án đóng cửa mỏ tại Quyết định số 1721/QĐ-UBND ngày 23/8/2022; chưa có Quyết định đóng cửa mỏ).

- Đối với diện tích 1,2ha khu vực mỏ cũ (đã đóng cửa mỏ theo Quyết định số 4560/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh), không đưa vào tính toán chi phí cải tạo phục hồi môi trường tại quyết định này.

Tổng số tiền ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường phải thực hiện (chưa bao gồm yếu tố trượt giá) là: 1.131.778.000 + 136.087.000 = 1.267.865.000 đồng.

- Tiền ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường đối với diện tích mỏ cũ 15,6ha theo Báo cáo ĐTM được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3155/QĐ-UBND ngày 23/9/2019, Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Vật liệu Xây dựng Hồng Hà đã

nộp (theo Giấy nộp tiền số TL-DOAINT/8 ngày 24/9/2019 của Ngân hàng HDBank): 494.732.000 đồng; tiền ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường đối với diện tích mỏ 11,3 ha (độ sâu khai thác đến cosd +57m) theo báo cáo ĐTM được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 547/QĐ-UBND ngày 08/3/2022, Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Vật liệu Xây dựng Hồng Hà đã nộp (theo Giấy nộp tiền số TL-GIANGNT/9 ngày 24/6/2022 của Ngân hàng HDBank): 76.963.000 đồng. Tổng tiền ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường đã nộp 571.695.000 đồng.

- Tiền ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường còn lại phải nộp: Tổng số tiền ký quỹ (chưa bao gồm yếu tố trượt giá): $1.267.865.000 - 571.695.000 = 696.170.000$ đồng.

- Thời gian ký quỹ: 03 năm (3 lần).

- Thời điểm ký quỹ:

+ Lần thứ nhất: 174.042.500 đồng (Một trăm bảy mươi bốn triệu không trăm bốn mươi hai ngàn năm trăm đồng) trong thời hạn không quá 30 ngày, kể từ ngày được phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường này.

+ Lần thứ 2 trở đi: 261.063.750 đồng (Hai trăm sáu mươi một triệu không trăm sáu mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi đồng)/lần, phải thực hiện trong khoảng thời gian không quá 07 ngày, kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền công bố chỉ số giá tiêu dùng của năm trước năm ký quỹ.

Số tiền ký quỹ trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá. Chủ dự án khi kê khai nộp tiền ký quỹ phải tính đến yếu tố trượt giá và được xác định bằng số tiền ký quỹ hàng năm nhân với chỉ số giá tiêu dùng của các năm trước đó tính từ thời điểm phương án, phương án bổ sung được phê duyệt. Chỉ số giá tiêu dùng hàng năm áp dụng theo công bố của Tổng Cục Thống kê cho tỉnh Hà Tĩnh hoặc của cơ quan có thẩm quyền.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Hà Tĩnh. Số tài khoản 1327040700777777 tại Ngân hàng HD Bank - Chi nhánh Hà Tĩnh.

10. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

Không có.

Chương IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

1.1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: nước thải sinh hoạt của công nhân.
- Nguồn số 02: Nước mưa chảy tràn qua các khu vực khai thác.
- Nguồn số 03: Nước thải từ xịt rửa bánh xe.

1.2. Lưu lượng xả nước thải tối đa

- Lưu lượng xả sau hố lắng số 1: 252 m³/h.
- Lưu lượng xả sau hố lắng số 3: 250 m³/h.
- Lưu lượng xả sau hố lắng số 4: 230 m³/h.

1.3. Dòng nước thải

*** Nước thải sinh hoạt:**

- Dòng số 01: sau nhà vệ sinh di động. Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý qua nhà vệ sinh di động được dẫn theo mương thoát nước về hố lắng số 02 (gần mốc B) để xử lý cùng nước mưa chảy, sau đó chảy về hố lắng số 01 để xử lý trước khi chảy ra nguồn tiếp nhận là khe Đá Mài.

*** Nước mưa chảy tràn:**

- Dòng số 02: Nước mưa chảy tràn của khu mỏ về hố lắng 1.
- Dòng số 03: Nước mưa chảy tràn của khu mỏ về hố lắng 2.
- Dòng số 04: Nước mưa chảy tràn của khu mỏ về hố lắng 3.
- Dòng số 05: Nước mưa chảy tràn của khu mỏ về hố lắng 4.

Nước mưa chảy tràn sau khi qua hồ lắng từng khu vực chảy vào hệ thống mương thoát nước từng khu vực rồi chảy ra khe Đá Mài.

- Dòng số 06: Nước xịt rửa bánh xe về hố lắng 2.

Nước thải xịt rửa bánh xe sau khi qua hồ lắng 2 để xử lý cùng nước mưa chảy, sau đó chảy về hố lắng số 01 để xử lý trước khi chảy ra nguồn tiếp nhận là khe Đá Mài.

1.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải

Chất lượng nước thải trước khi xả ra nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải, cụ thể như sau:

- Dòng thải số 1, 2, 3, 6 (sau hố lắng 1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt - QCVN 14:2008/BTNMT Cột B, K = 1,2, cụ thể như sau:

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị tối đa cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5 - 9	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	60		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120		
4	Tổng chất rắn hoà tan	mg/l	1.200		
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,8		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	12		
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	60		
8	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	24		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	12		
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	12		
11	Coliform	MPN/100ml	5.000		

- Dòng thải số 4 (hố lắng 3) và dòng số 5 (hố lắng 4): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, K_q = 0,9, K_f = 1,2, cụ thể như sau:

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị tối đa cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	6 - 9	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	BOD ₅	mg/l	32,4		
3	COD	mg/l	81		
4	Chất rắn lơ lửng	mg/l	54		
5	Chì	mg/l	0,108		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	5,4		
7	Tổng nitơ	mg/l	21,6		
8	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	4,32		
9	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	5,4		
10	Sắt	mg/l	1,08		
11	Mangan	mg/l	0,54		
12	Tổng Coliform	VK/100 ml	3.000		

1.5. Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải

- Vị trí xả nước thải:

+ Dòng thải số 1: nước thải sau hồ lắng 1 tại khe Đá Mài. Toạ độ điểm xả thải: X(m) = 1993861, Y(m) = 589911 (theo hệ toạ độ VN2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiếu 3°).

+ Dòng thải số 2: Vị trí xả nước thải sau hồ lắng 3: tại khe Đá Mài. Toạ độ điểm xả thải: X(m) = 1993193, Y(m) = 589771 (theo hệ toạ độ VN2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiếu 3°).

+ Dòng thải số 3: Vị trí xả nước thải sau hồ lắng 4: tại khe Đá Mài. Toạ độ điểm xả thải: X(m) = 1992969, Y(m) = 589648 (theo hệ toạ độ VN2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiếu 3°).

- Phương thức xả thải: Nước thải được xả theo phương thức tự chảy.

- Nguồn tiếp nhận nước thải: khe Đá Mài phía Đông Nam khu mỏ, sau đó chảy về sông Quyền cách vị trí tiếp nhận tại khe Đá Mài khoảng 4,2 km về phía Bắc.

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

- Nguồn phát sinh khí thải:

+ Nguồn số 01: Bụi, khí thải từ hoạt động bóc đất tầng phủ, khai thác, bóc xúc tập kết, bán sản phẩm.

+ Nguồn số 02: Bụi, khí thải từ máy móc, phương tiện hoạt động trên khu vực khai thác và từ phương tiện giao thông ra vào vận chuyển sản phẩm.

- Đây là các nguồn thải phân tán, không tập trung nên không xác định cụ thể vị trí, lưu lượng, phương thức xả bụi, khí thải.

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

- Nguồn phát sinh: Tiếng ồn phát sinh từ hoạt động của các máy móc, thiết bị đào xúc, vận chuyển đất, phương tiện ra vào khu vực mỏ.

- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung: Tiếng ồn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, cụ thể như sau:

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Ghi chú
1	85	85	Vị trí làm việc, lao động, sản xuất trực tiếp
2	65	65	Khu vực văn phòng

Chương V. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án

- Nước thải sinh hoạt: Khối lượng phát sinh khoảng 1,52 m³/ngày được xử lý qua bể tự hoại của nhà vệ sinh di động. Nên theo quy định tại điểm đ, Khoản 1 Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 thì dự án không phải thực hiện vận hành thử nghiệm.

- Nước xịt rửa bánh xe, phương tiện, nước mưa chảy tràn: Theo Khoản 1 Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 thì hố lắng của Dự án khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không phải thực hiện vận hành thử nghiệm.

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

- Quan trắc nước thải: Dự án không thuộc phụ lục II của Nghị định 08/2022/NĐ-CP và có khối lượng nước thải phát sinh < 500 m³ nên không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ tuy nhiên theo dõi giám sát thường xuyên.

- Quan trắc bụi, khí thải công nghiệp: Dự án không thuộc phụ lục II của Nghị định 08/2022/NĐ-CP và có khối lượng khí thải phát sinh < 50.000 m³/giờ nên không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ tuy nhiên theo dõi giám sát thường xuyên

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

Không có.

2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ dự án

Không có.

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm

Không có.

Chương VI. CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

- Chúng tôi cam kết về tính chính xác, độ trung thực của các số liệu, tài liệu trong báo cáo nêu trên. Nếu có gì sai phạm chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

- Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan:

+ Về nước thải: nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

+ Về nước thải công nghiệp: nước thải công nghiệp được thu gom và xử lý đạt QCVB 40:2011/BTNMT, cột A - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

+ Về chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại: được thu gom, phân loại và hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ vận chuyển đi xử lý theo quy định tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

+ Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, chủ dự án báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.

+ Công khai giấy phép môi trường.

+ Cung cấp các thông tin có liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình kiểm tra, thanh tra.

+ Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

PHỤ LỤC BÁO CÁO

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH HÀ TĨNH
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 3001680762

Đăng ký lần đầu: ngày 30 tháng 05 năm 2013

Đăng ký thay đổi lần thứ: 6, ngày 23 tháng 07 năm 2024

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ
VẬT LIỆU XÂY DỰNG HỒNG HÀ

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Tổ dân phố Đông Trinh, Phường Kỳ Trinh, Thị xã Kỳ Anh, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam

Điện thoại: 0888300333

Fax:

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ : 5.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Năm tỷ đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Họ và tên: NGUYỄN QUỐC DANH

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 02/09/1959

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 042059017261

Ngày cấp: 11/08/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự
xã hội

Địa chỉ thường trú: *Tổ dân phố 8, Phường Trần Phú, Thành phố Hà Tĩnh, Tỉnh Hà
Tĩnh, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Tổ dân phố 8, Phường Trần Phú, Thành phố Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh,
Việt Nam*

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: BÙI ĐỨC HIẾU

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 20/03/1990

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 042090014292

Ngày cấp: 08/01/2022

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật
tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn 9 Hồng Hoa, Xã Đức Đông, Huyện Đức Thọ, Tỉnh Hà Tĩnh,
Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn 9 Hồng Hoa, Xã Đức Đông, Huyện Đức Thọ, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt
Nam

TRƯỞNG PHÒNG



Trần Việt Sao



Số: 3155/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày 23 tháng 9 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án
“Đầu tư nâng công suất khai thác mỏ đất san lấp tại khu vực Mũi Đồi, phường
Kỳ Trinh, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh”**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản;

Thực hiện Văn bản số 6052/UBND-NL₁ ngày 12/9/2019 của UBND tỉnh về việc cho phép Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Vật liệu xây dựng Hồng Hà được lập hồ sơ nâng công suất khu vực khai thác mỏ đất phường Kỳ Trinh, thị xã Kỳ Anh;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư nâng công suất khai thác mỏ đất san lấp tại khu vực Mũi Đồi, phường Kỳ Trinh, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh” tại Thông báo kết quả thẩm định số 614/TB-STNMT ngày 17/9/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư nâng công suất khai thác mỏ đất san lấp tại khu vực Mũi Đồi, phường Kỳ Trinh, thị xã

Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh” đã được chỉnh sửa, bổ sung kèm theo Văn bản giải trình số 73/CV-Cty ngày 18/9/2019 của Công ty TNHH TMDV&VLXD Hồng Hà;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 2778/TTr-STNMT ngày 20/9/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) của Dự án “Đầu tư nâng công suất khai thác mỏ đất san lấp tại khu vực Mũi Đồi, phường Kỳ Trinh, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh” (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH TMDV&VLXD Hồng Hà (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại khu vực Mũi Đồi, phường Kỳ Trinh, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có các trách nhiệm sau đây:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này và các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các pháp luật có liên quan.


3. Trong quá trình thực hiện nếu Dự án có những thay đổi so với Báo cáo ĐTM được phê duyệt, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh và chỉ được thực hiện sau khi có văn bản chấp thuận của UBND tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng đoàn ĐBQH, HĐND, UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh; Chủ tịch UBND thị xã Kỳ Anh; Chủ tịch UBND phường Kỳ Trinh; Giám đốc Công ty TNHH TMDV VLXD Hồng Hà (Chủ Dự án) và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Phó VP phụ trách NN;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Lưu VT, NL₂; 

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đặng Ngọc Sơn

PHỤ LỤC
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
“Đầu tư nâng công suất khai thác mỏ đất san lấp tại khu vực Mũi Đồi,
phường Kỳ Trinh, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh”
(Kèm theo Quyết định số 3155/QĐ-UBND ngày 23/9/2019 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về dự án

1.1. Tên dự án: Đầu tư nâng công suất khai thác mỏ đất san lấp tại khu vực Mũi Đồi, phường Kỳ Trinh, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

1.2. Chủ đầu tư: Công ty TNHH TMDV và Vật liệu xây dựng Hồng Hà.

Địa chỉ liên hệ: Tổ dân phố Đông Trinh, phường Kỳ Trinh, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

1.3. Phạm vi, quy mô, địa điểm thực hiện dự án: Khai thác đất san lấp tại khu vực Mũi Đồi thuộc phường Kỳ Trinh, thị xã Kỳ Anh trên tổng diện tích 15,6 ha.

1.4. Công suất khai thác: 438.000m³ đất nguyên khai/năm (tương đương với 380.600 m³ nguyên khối/năm)

1.5. Tuổi thọ mỏ: 1,3 năm.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án

2.1. Các tác động môi trường chính của dự án: bụi, khí thải do hoạt động khai thác khoáng sản, nước mưa chảy tràn, nước thải sinh hoạt của công nhân, chất thải rắn thông thường và nguy hại,... Nguy cơ sạt lở đất trong quá trình khai thác, đặc biệt khi có thời tiết xấu, thiên tai...

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước mưa chảy tràn qua bề mặt mỏ cuốn theo nhiều đất, đá làm tăng hàm lượng chất rắn lơ lửng trong nước, tăng độ đục của nước mặt và bồi lấp khu vực thấp trũng. Lưu lượng nước mưa chảy tràn ước tính 0,312 m³/h vào ngày mưa lớn nhất.

- Nước thải sinh hoạt của công nhân ước tính 0,8 m³/ngày.

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

- Bụi do hoạt động khai thác đất.

- Khí thải từ các phương tiện khai thác, vận chuyển đất.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường:

- Thảm thực vật phát quang khoảng 1,0 tấn/ha.

- Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân, ước tính 3,5 kg/ngày.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

Chất thải nguy hại chủ yếu các loại dẻ lau chùi máy móc có dính dầu mỡ, các dụng cụ chứa dầu mỡ như túi nilon, can đựng dầu thải, các loại dầu mỡ thải của máy móc nhỏ. Ước tính khoảng 3 - 5kg/tháng.

2.6. Quy mô, tính chất của chất thải khác:

- Đất bóc phong hóa ước tính 32.000 m³.
- Bùn đất nạo vét định kỳ từ mương thoát, hồ lắng.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án:

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải: Hệ thống thu gom thoát nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn được tách riêng.

- Nước mưa chảy tràn: Hệ thống mương thoát nước mưa chảy về hồ lắng 50m² (125m³) bố trí ở góc mốc số 2 của mỏ, nước thải phải xử lý đạt cột B - QCVN 40:2011/BTNMT trước khi thoát ra Khe Đá Mài. Định kỳ nạo vét mương thoát, hồ lắng.

- Nước thải sinh hoạt: Nước sau bể tự hoại 3 ngăn và nước tắm giặt sẽ dẫn qua bể lắng rồi bể lọc cát, phải đạt cột B - QCVN 14:2008/BTNMT trước khi thoát ra Khe Đá Mài.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải:

- Phun nước tưới ẩm 2 lần/ngày hoặc 4 lần/ngày tùy điều kiện thời tiết.
- Các phương tiện khai thác, vận chuyển phải kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ, đăng kiểm, đăng ký tình trạng máy móc đầy đủ.
- Trồng thêm cây xanh.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

- Thảm thực vật phát quang: Đốt có kiểm soát.
- Chất thải rắn sinh hoạt: Thu gom vào 02 thùng chứa, hợp đồng với Tổ thu gom rác thải TDP Đông Trinh vận chuyển tần suất 2 ngày/lần.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

- Bố trí 02 thùng chống thấm có nắp đậy, dán nhãn CTNH, hợp đồng với Công ty TNHH MTV chế biến chất thải công nghiệp Hà Tĩnh vận chuyển xử lý.

3.5. Công trình, biện pháp lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải khác:

- Đất bóc phong hóa tận dụng phủ trồng cây phục hồi môi trường.
- Bùn nạo vét dùng đắp trồng cây xanh.

3.6. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác: Thực hiện đầy đủ theo nội dung báo cáo ĐTM.

3.7. Nội dung cải tạo, phục hồi môi trường:

3.7.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường:

- Đối với khu vực khai thác: Kết thúc khai thác ở cosd +65m; thu dọn toàn bộ trang thiết bị, máy móc phục vụ hoạt động khai thác; lập hàng rào dây thép gai và lắp biển báo dọc theo biên giới mỏ; xây dựng hệ thống thoát nước đáy moong; cày xới, san gạt đất phong hóa và đất đáy mỏ; trồng cây (keo lá tràm) với mật độ 1.660 cây/ha phủ xanh khu vực mỏ, trên khu vực đáy moong.

- Đối với các khu vực phụ trợ: Phá dỡ nhà điều hành, công trình vệ sinh, trạm cân tại mỏ, nạo vét hồ lắng.

- Đối với các công trình ngoài phạm vi mỏ: Nạo vét mương thoát, duy tu, cải tạo tuyến đường vào mỏ theo nội dung đã nêu trong Phương án CTPHMT.

3.7.2. Kế hoạch thực hiện: Duy tu, bảo trì các công trình cải tạo, phục hồi môi trường theo Phương án cải tạo phục hồi môi trường được phê duyệt.

3.7.3. Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường: 494.732.000 đồng.

(Bốn trăm chín mươi tư triệu bảy trăm ba mươi hai ngàn đồng)

- Số lần ký quỹ: 01 lần trong thời hạn không quá 30 ngày làm việc kể từ ngày được phê duyệt phương án.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Hà Tĩnh, tài khoản số 1327 040 700 77777 tại Ngân hàng HD Bank Chi nhánh Hà Tĩnh.

3.8. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường: Thực hiện đầy đủ theo nội dung báo cáo ĐTM.

3.9. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác:

3.9.1. Trong quá trình thực hiện Dự án phải tuân thủ đúng các phương án thiết kế và quy hoạch đã được phê duyệt; tổ chức thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường và xây lắp đầy đủ các công trình bảo vệ môi trường; áp dụng các giải pháp kỹ thuật và biện pháp hành chính đã nêu trong Báo cáo ĐTM để giảm thiểu xuống mức thấp nhất ô nhiễm môi trường khu vực thực hiện dự án.

3.9.2. Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật về quản lý an toàn lao động, an toàn phòng cháy chữa cháy, phòng chống cháy rừng; Lập phương án cụ thể, chủ động phòng ngừa, ứng phó và khắc phục các rủi ro, sự cố môi trường trong suốt quá trình thực hiện Dự án.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án: Hệ thống mương thu gom nước mưa chảy tràn, hồ lắng, công trình xử lý nước thải sinh hoạt, các thùng chứa chất thải sinh hoạt, CTNH.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án: Tần suất giám sát là 3 tháng/lần (4 lần/năm).

5.1. Giám sát chất lượng môi trường không khí

- Vị trí giám sát: 01 điểm tại khu vực mỏ

- Các chỉ tiêu giám sát (07 chỉ tiêu): Nhiệt độ, độ ẩm, bụi lơ lửng, CO, SO₂, NO₂, tiếng ồn.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 26:2010/BTNMT

5.2. Giám sát chất lượng nước mặt.

- Các chỉ tiêu giám sát (10 chỉ tiêu): pH, DO, BOD₅, TSS, COD, Fe, NO₃, NH₄⁺, PO₄³⁻, Coliform.

- Vị trí giám sát: 01 điểm sau hồ lắng trước khi chảy ra Khe Đá Mài, 01 điểm tại Khe Đá Mài.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 08:2015/BTNMT.

5.3. Giám sát chất lượng nước thải sinh hoạt

- Các chỉ tiêu giám sát (10 chỉ tiêu): pH, DO, BOD₅, TSS, COD, NO₃, NH₄⁺, PO₄³⁻, Coliform, dầu mỡ.

- Vị trí giám sát: 01 điểm sau hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT (cột B, K=1,2).

5.4. Giám sát chất lượng đất

- Các chỉ tiêu giám sát (5 chỉ tiêu): As, Cd, Pb, Cu, Zn.

- Vị trí giám sát: 01 điểm trên khu vực mỏ khai thác.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 03:2015/BTNMT.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường

6.1. Hợp tác và tạo điều kiện thuận lợi để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra việc thực hiện kế hoạch quản lý môi trường và việc triển khai thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường; cung cấp đầy đủ các thông tin, số liệu liên quan đến dự án khi được yêu cầu.

6.2. Trong quá trình thực hiện dự án, nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng phải dừng ngay các hoạt động của dự án gây ra sự cố; tổ chức ứng cứu, khắc phục sự cố; thông báo khẩn cấp cho cơ quan quản lý về môi trường cấp tỉnh và các cơ quan có liên quan nơi thực hiện dự án để chỉ đạo và phối hợp xử lý.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4567/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày 31 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc đóng cửa một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản mỏ đất san lấp Mũi Đồi, phường Kỳ Trinh, thị xã Kỳ Anh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/06/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản; Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số 226/GP-UBND ngày 17/01/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 3985/QĐ-UBND ngày 24/11/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án đóng cửa một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản mỏ đất san lấp Mũi Đồi, phường Kỳ Trinh, thị xã Kỳ Anh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 4590/STNMT-KS ngày 29/12/2020 (kèm Văn bản số 02/CV-HH ngày 16/12/2020 của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Vật liệu xây dựng Hồng Hà về việc báo cáo kết quả thực hiện Đề án đóng cửa một phần diện tích mỏ đất Mũi Đồi, phường Kỳ Trinh; Biên bản kiểm tra, nghiệm thu kết quả thực hiện Đề án đóng cửa một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản ngày 25/12/2020).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đóng cửa một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản mỏ đất san lấp Mũi Đồi, phường Kỳ Trinh, thị xã Kỳ Anh đã cấp cho Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Vật liệu xây dựng Hồng Hà theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 226/GP-UBND ngày 17/01/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh, với các nội dung chính sau đây:

1. Mục đích đóng cửa một phần diện tích khu vực khai thác: Phục hồi môi trường phần diện tích đóng cửa mỏ; đảm bảo an toàn cho tuyến đường dây 500kV Nhiệt điện Quảng Trạch - Vũng Áng.

2. Diện tích đóng cửa mỏ: 12.023m², có tọa độ các điểm khép góc nêu tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Vật liệu xây dựng Hồng Hà đã hoàn thành các khối lượng công việc theo Đề án đóng cửa một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản được phê duyệt, bao gồm: Đã cải tạo sườn tầng, tạo sự ổn định bờ mỏ; đã san gạt mặt bằng moong mỏ (khu vực nằm trong hành lang an toàn điện); đã phá dỡ công trình phụ trợ, đổ đất san gạt mặt bằng khu vực phụ trợ; đã lắp đặt biển báo an toàn theo hành lang an toàn điện và sửa chữa tuyến đường vào khu vực mỏ.

Điều 3. Căn cứ vào Điều 1 Quyết định này:

1. Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Vật liệu xây dựng Hồng Hà có trách nhiệm báo cáo với các cơ quan chức năng có liên quan để thực hiện thủ tục bàn giao đối với khu vực có diện tích nêu tại Điều 1 của Quyết định này để địa phương quản lý theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan.

2. Ủy ban nhân dân thị xã Kỳ Anh, Ủy ban nhân dân phường Kỳ Trinh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm thực hiện các biện pháp bảo vệ khu vực khai thác đã kết thúc, đóng cửa mỏ.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường, Quỹ Bảo vệ môi trường và cơ quan, đơn vị có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền hướng dẫn Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Vật liệu xây dựng Hồng Hà thực hiện và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh các nội dung liên quan theo đúng quy định.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Chánh Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Quỹ Bảo vệ môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Kỳ Anh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Kỳ Trinh; Giám đốc Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Vật liệu xây dựng Hồng Hà và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh Đặng Ngọc Sơn;
- Phó VP Phạm Xuân Phú;
- Trung tâm TT-CB-TH;
- Lưu: VT, NL₁.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đặng Ngọc Sơn



PHỤ LỤC

**TỌA ĐỘ RANH GIỚI KHU VỰC ĐÓNG CỬA MỘT PHẦN DIỆN TÍCH
KHU VỰC KHAI THÁC KHOÁNG SẢN MỎ ĐẤT SAN LẬP MŨI ĐÒI,
PHƯỜNG KỶ TRINH, THỊ XÃ KỶ ANH**
(Kèm theo Quyết định số 4.562/QĐ-UBND ngày 21.11.2020 của UBND tỉnh)

Điểm góc	Hệ tọa độ VN2000, KKT 105 ⁰ 30' múi 3 ⁰	
	X (m) —	Y (m)
Khu vực 1, diện tích: 2.567m²		
1	1993599	589139
2	1993605	589244
3	1993556	589264
Khu vực 2, diện tích: 9.456m²		
4	1993415	589322
5	1993357	589347
6	1993103	589301
7	1993098	589269
Tổng diện tích: 12.023m²		

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **3157/QĐ-UBND**

Hà Tĩnh, ngày **15** tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt và công nhận trữ lượng khoáng sản đất san lấp trong
“Báo cáo kết quả thăm dò nâng cấp, bổ sung trữ lượng khoáng sản mỏ đất san
lấp Mũi Đồi, phường Kỳ Trinh, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh”
(Trữ lượng tính đến ngày 30/8/2021)**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản; Thông tư số 51/2017/TT-BTNMT ngày 30/11/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Thông tư số 01/2016/TT-BTNMT ngày 13/01/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về công tác thăm dò cát, sỏi lòng sông và đất, đá làm vật liệu san lấp; Thông tư số 60/2017/TT-BTNMT ngày 08/12/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản rắn;

Căn cứ Quyết định số 2713/QĐ-UBND ngày 28/7/2021 của UBND tỉnh về việc kiện toàn Hội đồng thẩm định Đề án thăm dò và Báo cáo thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;

Thực hiện Văn bản số 8775/UBND-NL₁ ngày 28/12/2020 của UBND tỉnh về chấp thuận Kế hoạch thăm dò nâng-cấp, bổ-sung trữ lượng mỏ đất san lấp Mũi Đồi, phường Kỳ Trinh, thị xã Kỳ Anh; Thông báo số 234/TB-UBND ngày 10/7/2021 về kết luận họp Ủy ban nhân dân tỉnh ngày 05/7/2021; Văn bản số 5610/UBND-NL₂ ngày 25/8/2021 về việc hồ sơ cấp phép mỏ đất san lấp Mũi Đồi, phường Kỳ Trinh, thị xã Kỳ Anh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 3468/STNMT-KS ngày 06/9/2021 (kèm theo Đơn và Hồ sơ đề nghị phê duyệt trữ

lượng khoáng sản ngày 03/8/2021 của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Vật liệu xây dựng Hồng Hà và hồ sơ thẩm định của Hội nghị thẩm định Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thông qua báo cáo và phê duyệt trữ lượng khoáng đất san lấp trong “Báo cáo kết quả thăm dò nâng cấp, bổ sung trữ lượng khoáng sản mỏ đất san lấp Mũi Đồi, phường Kỳ Trinh, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh”; với các nội dung chính sau:

- Diện tích khu vực phê duyệt trữ lượng là: 11,3ha (*mười một phẩy ba héc ta*), có tọa độ xác định tại Phụ lục 1 kèm theo Quyết định này.

- Phê duyệt trữ lượng khoáng sản đất san lấp đã tính trong báo cáo:

Cấp 121: 1.174.875m³

- Xác nhận trữ lượng khoáng sản được phép đưa vào thiết kế khai thác:

Cấp 121: 1.174.875m³.

- Mức sâu nhất khối trữ lượng phê duyệt: +57m.


- Trữ lượng khoáng sản đất san lấp của từng khối, cấp trữ lượng được thống kê chi tiết tại Phụ lục 2 kèm theo.

Điều 2. Các tài liệu của Báo cáo kết quả thăm dò được sử dụng để lập dự án đầu tư khai thác mỏ, thiết kế khai thác mỏ và giao nộp lưu trữ địa chất.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Kỳ Anh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Kỳ Trinh; Giám đốc Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Vật liệu xây dựng Hồng Hà và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh VP, Phó VP/UBND (phụ trách);
- Trung tâm CB-TH tỉnh;
- Lưu: VT, NL₂ 

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đặng Ngọc Sơn

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

Phụ lục 1

**TỌA ĐỘ KHU VỰC PHÊ DUYỆT TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN MỎ ĐẤT
SAN LẬP MỬ ĐÒI, PHƯỜNG KỶ TRINH, THỊ XÃ KỶ ANH**
(Kèm theo Quyết định số 3457/QĐ-UBND ngày 15/9/2021 của UBND tỉnh)

Hệ VN-2000 kinh tuyến trực 105⁰ 30' múi chiếu 3⁰		
Điểm góc	X (m)	Y (m)
1	1993595	589065
A	1993599	589139
B	1993556	589264
C	1993415	589322
F	1993098	589269
7	1993078	589134
8	1993181	589041
Tổng diện tích: 11,3ha		

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH 

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

Phụ lục 2

**THỐNG KÊ TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN MỎ ĐẤT SAN LẤP
MŨI ĐÒI, PHƯỜNG KỶ TRINH, THỊ XÃ KỶ ANH**
(Kèm theo Quyết định số 3157/QĐ-UBND ngày 15/9/2021 của UBND tỉnh)

STT	Khối trữ lượng	Mức sâu thấp nhất khối trữ lượng (m)	Trữ lượng (m³)	Ghi chú
1	1-121	+57	266.207	
2	2-121	+57	667.286	
3	3-121	+57	241.382	
Tổng (121)			1.174.875	

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH



Số: 153 /QĐ-KKT

**QUYẾT ĐỊNH CHẤP THUẬN CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ ĐỒNG THỜI
CHẤP THUẬN NHÀ ĐẦU TƯ**

(cấp lần đầu: ngày 02 tháng 12 năm 2021)

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH HÀ TĨNH

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 10 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 381/QĐ-TTg ngày 24 tháng 3 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Hà Tĩnh;

Căn cứ Quyết định số 38/2020/QĐ-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Hà Tĩnh;

Căn cứ Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư và hồ sơ kèm theo do Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Vật liệu xây dựng Hồng Hà nộp ngày 23 tháng 9 năm 2021 và hồ sơ bổ sung nộp ngày 19 tháng 10 năm 2021;

Xét báo cáo thẩm định số 1111/BC-QLĐT ngày 11 tháng 11 năm 2021 của phòng Quản lý Đầu tư.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư với nội dung như sau:

1. Nhà đầu tư

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG HỒNG HÀ.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3001680762 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tĩnh cấp lần đầu ngày 30/5/2013. Đăng ký thay đổi lần thứ 3, ngày 31/7/2017.

Địa chỉ trụ sở chính: Văn phòng mỏ đất, tổ dân phố Đông Trinh, phường Kỳ Trinh, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam.

2. Tên dự án: KHAI THÁC MỎ ĐẤT SAN LẤP MŨI ĐÒI, PHƯỜNG KỲ TRINH, THỊ XÃ KỲ ANH, TỈNH HÀ TĨNH.

3. Mục tiêu dự án:

TT	Mục tiêu hoạt động	Tên ngành <i>(Ghi tên ngành cấp 4 theo VSIC)</i>	Mã ngành theo VSIC <i>(Mã ngành cấp 4)</i>
1	Khai thác đất san lấp	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810

4. Quy mô dự án:

4.1. Diện tích đất, mặt nước, mặt bằng dự kiến sử dụng: 11,3 ha. Trong đó:

- Diện tích đất sử dụng: 11,3 ha;
- Diện tích mặt nước sử dụng: 0 ha.

4.2. Diện tích đất phù hợp với quy hoạch: 11,3 ha.

4.3. Công suất thiết kế: Công suất 230.000 m³ đất nguyên khai/năm.

4.4. Sản phẩm, dịch vụ cung cấp: Khai thác cung cấp vật liệu đất san lấp.

4.5. Quy mô kiến trúc xây dựng:

Bao gồm các hạng mục:

TT	Hạng mục công trình	Số lượng	Diện tích xây dựng (m²)	Số tầng	Diện tích sàn	Chiều cao công trình (m)
	Khu vực khai trường khai thác		113.000			
	Trong đó:					
1	Nhà bảo vệ	1	10	1	10	6
2	Trạm cân ô tô phân xây dựng	1	70		70	
3	Đường vận tải	1	900			
4	Tạo mặt bằng khai thác đầu tiên	1	1.000			

5. Vốn đầu tư của dự án:

5.1. Tổng vốn đầu tư: 4.100.000.000 VNĐ (Bốn tỷ một trăm triệu đồng), Trong đó:

a) Vốn góp của nhà đầu tư: 4.100.000.000 VNĐ (Bốn tỷ một trăm triệu đồng).

b) Vốn huy động: 0 VNĐ (không đồng).

c) Vốn khác: 0 VNĐ (không đồng).

5.2. Nguồn vốn đầu tư:

a) Vốn góp để thực hiện dự án: 4.100.000.000 VNĐ (Bốn tỷ một trăm triệu đồng). Được lấy từ nguồn vốn chủ sở hữu của Nhà đầu tư.

b) Vốn huy động: 0 VNĐ (không đồng).

c) Vốn khác: 0 VNĐ (không đồng).

6. Thời hạn hoạt động của dự án: 07 năm, tính từ ngày nhà đầu tư được quyết định giao đất, cho thuê đất.

7. Địa điểm thực hiện dự án: Khu vực núi Mũi Đồi, phường Kỳ Trinh, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

8. Tiến độ thực hiện dự án:

8.1. Tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn: Quý IV/2021

8.2. Tiến độ thực hiện các mục tiêu hoạt động chủ yếu của dự án đầu tư:

- Tiến độ hoàn thành các thủ tục đầu tư để được bàn giao mặt bằng: Quý I/2022;

- Tiến độ xây dựng các hạng mục công trình: Quý II/2022;

- Tiến độ hoàn thành dự án đưa vào sử dụng/hoạt động: Quý III/2022.

9. Ưu đãi, hỗ trợ đầu tư và điều kiện áp dụng:

Dự án được hưởng các ưu đãi, hỗ trợ theo quy định của pháp luật hiện hành.

10. Các điều kiện khác để thực hiện dự án đầu tư:

- Nhà đầu tư chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về những thông tin, số liệu đã cung cấp kèm theo Hồ sơ đề xuất dự án;

- Thực hiện ký quỹ hoặc phải có bảo lãnh ngân hàng về nghĩa vụ ký quỹ để bảo đảm thực hiện dự án đầu tư theo quy định tại Điều 43, Luật Đầu tư năm 2020;

- Định kỳ hàng quý, hàng năm có báo cáo bằng văn bản gửi Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Hà Tĩnh, các Sở, ngành, địa phương: Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, UBND thị xã Kỳ Anh và các đơn vị liên quan về tình hình thực hiện dự án đầu tư, gồm các nội dung: Tiến độ xây dựng dự án; vốn đầu tư thực hiện; kết quả hoạt động đầu tư kinh doanh; thông tin về lao động; nộp ngân sách nhà nước; xử lý và bảo vệ môi trường; các chỉ tiêu chuyên ngành theo lĩnh vực hoạt động và các nội dung liên quan của dự án;

- Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Hà Tĩnh sẽ xem xét chấm dứt hoạt động của dự án mà không bồi thường, hoàn trả các chi phí liên quan đến các công việc đã thực hiện đối với dự án trong trường hợp Nhà đầu tư thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ các nội dung cam kết và các nội dung quy định tại Quyết định chấp

thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư, hoặc vi phạm các quy định khác mà theo quy định của pháp luật dự án bị chấm dứt hoạt động.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Vật liệu xây dựng Hồng Hà có trách nhiệm: Khẩn trương hoàn thiện các hồ sơ, thủ tục để triển khai thực hiện dự án theo đúng các nội dung quy định tại Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư và các quy định của pháp luật hiện hành.

2. Các phòng chuyên môn của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Hà Tĩnh theo chức năng, nhiệm vụ được giao, thường xuyên theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn, hỗ trợ Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Vật liệu xây dựng Hồng Hà thực hiện dự án kịp thời, đảm bảo chất lượng, tiến độ và các nội dung khác có liên quan; đồng thời thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với dự án theo quy định.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

2. Chánh Văn phòng, Trưởng các phòng thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Hà Tĩnh, Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Vật liệu xây dựng Hồng Hà và các tổ chức, cá nhân có liên quan thi hành Quyết định này.

3. Quyết định này được lập thành 02 (hai) bản gốc; Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Vật liệu xây dựng Hồng Hà được cấp 01 bản, 01 bản được lưu tại Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Hà Tĩnh./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Công Thương, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Cục Thuế tỉnh, Cục Thống kê;
- UBND thị xã Kỳ Anh;
- Trưởng ban; Các Phó Trưởng ban;
- Chánh Văn phòng;
- Các phòng; VPĐD;
- Lưu: VT, QLĐT.

TRƯỞNG BAN



Lê Trung Phước

Số: 547 /QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày 08 tháng 3 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014; Điều 168 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết về một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ và quy định hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Đầu tư khai thác mỏ đất san lấp Mũi Đồi, phường Kỳ Trinh, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh” họp chính thức ngày 31/12/2021, Thông báo kết quả thẩm định số 09/STNMT-MT ngày 11/01/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường, Văn bản số 507/STNMT-MT ngày 18/02/2022;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư khai thác mỏ đất san lấp Mũi Đồi, phường Kỳ Trinh, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh” đã được chỉnh sửa, bổ sung kèm theo Văn bản số 07/HH ngày 25/01/2022 và 08/HH ngày 24/02/2022 của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Vật liệu Xây dựng Hồng Hà;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 663/TTr-STNMT ngày 03/3/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư khai thác mỏ đất san lấp Mũi Đồi, phường Kỳ Trinh, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh” (sau đây viết tắt là Báo cáo ĐTM) của Công ty TNHH Thương mại

Dịch vụ và Vật liệu Xây dựng Hồng Hà (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Vật liệu Xây dựng Hồng Hà có các trách nhiệm sau đây:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này và các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, UBND thị xã Kỳ Anh, các cơ quan liên quan kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong Báo cáo ĐTM đã được phê duyệt và các yêu cầu nêu tại Quyết định này. Trường hợp Chủ dự án vi phạm một trong các yêu cầu nêu trên thì kịp thời tham mưu UBND tỉnh đình chỉ việc thực hiện dự án, buộc Chủ dự án bồi hoàn các chi phí, thiệt hại liên quan do vi phạm gây ra theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành và thay thế Quyết định số 3155/QĐ-UBND ngày 23/9/2019 của UBND tỉnh.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh; Chủ tịch UBND thị xã Kỳ Anh; Chủ tịch UBND phường Kỳ Trinh; Giám đốc Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Vật liệu Xây dựng Hồng Hà và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (đề b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Phó VP/UB (phụ trách);
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Lưu VT, NL₂.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đặng Ngọc Sơn

PHỤ LỤC
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
“Đầu tư khai thác mỏ đất san lấp Mũi Đồi, phường Kỳ Trinh,
thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh”

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /3/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)

1. Thông tin về dự án

1.1. Tên dự án: “Đầu tư khai thác mỏ đất san lấp Mũi Đồi, phường Kỳ Trinh, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh”

1.2. Chủ đầu tư: Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Vật liệu Xây dựng Hồng Hà.

Địa chỉ liên hệ: Tiểu khu 7, khu phố 2, phường Kỳ Trinh, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

1.3. Phạm vi, quy mô, địa điểm thực hiện dự án:

Đầu tư khai thác mỏ đất san lấp Mũi Đồi, phường Kỳ Trinh, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh với diện tích 11,3 ha, vị trí các điểm góc của dự án có tọa độ như sau:

Điểm góc	Tọa độ các điểm góc (Hệ tọa độ VN 2000, KTT 105 ⁰ 30', múi chiếu 3 ⁰)	
	X (m)	Y (m)
1	1993595	589065
A	1993599	589139
B	1993556	589264
C	1993415	589322
F	1993098	589269
7	1993078	589134
8	1993181	589041

- Quy mô, công suất của dự án:

+ Trữ lượng khoáng sản được phê duyệt và đưa vào thiết kế khai thác (Đất san lấp cấp 121) là 1.174.875m³; Trữ lượng khoáng sản đưa vào khai thác (sau khi trừ đi trữ lượng để lại đai bảo vệ): Đất san lấp cấp 121 là 1.067.728 m³ (tương đương với 1.326.118 m³ đất nguyên khai);

+ Công suất khai thác: 230.000 m³ đất nguyên khai/năm, trong đó: năm thứ nhất khai thác 176.118 m³ đất nguyên khai/năm (tương đương 141.803 m³ đất nguyên khối/năm), từ năm thứ hai đến năm thứ năm khai thác công suất 230.000 m³ đất nguyên khai/năm (185.185 m³ đất nguyên khối/năm); năm thứ 6 và thứ 7 khai thác với công suất 115.000 m³ nguyên khai/năm (tương đương 92.592,5 m³ nguyên khối/năm);

- Tuổi thọ mỏ: 07 năm;
- Độ sâu khai thác: đến cosd +57m;
- Công nghệ khai thác: Bóc phủ lớp mặt - Xúc bốc - Vận tải;
- Quy trình khai thác: Cải tạo lại hiện trạng mỏ, vừa thi công khai thác, vị trí mặt bằng khai thác đầu tiên tại cosd +118m ở phía Tây khu mỏ. Thực hiện khai thác từ trên xuống dưới theo lớp bằng với tầng khai thác 05m, sử dụng máy xúc để xúc chuyển đất khai thác lên ô tô vận chuyển đến nơi tiêu thụ; đối với vị trí khó khai thác thì áp dụng hệ thống khai thác theo lớp xiên.

1.4. Các hạng mục, công trình chính của dự án:

1.4.1. Các hạng mục, công trình chính

- Tuyến đường vận chuyển nội mỏ dài 267m, rộng 9,5m;
- Bãi chứa đất phủ có diện tích 2.500m² nằm trong diện tích khu mỏ;
- Trạm cân xe tải trọng 15 tấn, kích thước bàn cân 3m x 8m (bố trí trong khu mỏ tại cổng ra vào);
- Nhà điều hành bằng container có kích thước (dài 6m, rộng 2,5m, cao 2,6m), bố trí tại khu vực ra vào mỏ.

1.4.2. Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường:

- Khu vực mỏ: 04 hố lắng, mỗi hố có thể tích 300m³ (10mx10mx3m), bố trí lần lượt tại mốc số 1, cạnh A-B, gần mốc C và gần mốc F (nằm trong khu vực mỏ); Hệ thống mương thu gom và thoát nước mỏ dài 1.037m (đáy rộng 1m, trên rộng 1,5m, sâu 1m) nằm trong khu vực mỏ;
- 01 bãi lưu giữ đất thải diện tích 2.500 m² nêu trên;
- 01 nhà vệ sinh di động đặt gần mốc A của mỏ; 02 thùng chứa rác thải sinh hoạt, 02 thùng đựng chất thải nguy hại đặt tại nhà tạm bằng tôn có diện tích 2,25m².

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án

2.1. Giai đoạn thi công xây dựng cải tạo mỏ

2.1.1. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải sinh hoạt của công nhân phát sinh ước tính khoảng 0,4 m³/ngày đêm; thành phần chủ yếu là các chất cặn bã, chất lơ lửng (SS), hợp chất hữu cơ (BOD, COD), chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh vật;
- Nước mưa chảy tràn: Phát sinh tại khu vực mỏ lưu lượng lớn nhất ước tính 943 m³/h; thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng, chất hữu cơ, đất, cát...;

2.1.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

- Bụi phát sinh do quá trình đào, vận chuyển đất bóc hữu cơ, xây dựng cơ bản mỏ, vận chuyển nguyên vật liệu, thiết bị phục vụ thi công;

- Khí thải phát sinh từ các loại máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải hoạt động trên khu vực dự án.

2.1.3. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân: 1,5 kg/ngày, gồm các chất hữu cơ (thực phẩm thừa,...) và các chất vô cơ, hữu cơ khó phân hủy (túi nilong, vỏ chai thủy tinh, giấy, vải vụn...);

- Bùn cặn từ nhà vệ sinh di động: khoảng 02kg/ngày;

- Khối lượng đất đào trong giai đoạn cải tạo mỏ khoảng 30.266 m³ (trong đó: khối lượng đào đường là 23.643 m³, khối lượng đào hố lửng là 1.200 m³, khối lượng đào mương thoát nước là 1.296 m³, khối lượng đào rãnh là 158 m³, khối lượng tạo mặt bằng khai thác đầu tiên là 3.969 m³); Đất bóc tầng phủ: 1.181,46 m³.

- Sinh khối thực vật phát sinh: khoảng 4,47 tấn; thành phần gồm các loại cây dây leo, cây bụi, rễ cây...

2.1.4. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh ít (ước tính khoảng 2kg/tháng); thành phần chủ yếu là giẻ lau dính dầu mỡ,...

2.1.5. Các tác động, sự cố môi trường không liên quan đến chất thải

- Tiếng ồn, độ rung do hoạt động của các phương tiện hoạt động thi công, vào ra trên khu mỏ;

- Sự cố sạt lở, sụt lún đất, sự cố cháy rừng, điện giật, sét đánh, bom mìn; sự cố mưa bão, ngập lụt; sự cố tai nạn lao động,...

2.2. Giai đoạn dự án đi vào khai thác

2.2.1. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải sinh hoạt của công nhân phát sinh ước tính khoảng 0,4 m³/ngày đêm; thành phần chủ yếu là các chất cặn bã, chất lơ lửng (SS), hợp chất hữu cơ (BOD/COD), chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh vật,....;

- Nước mưa chảy tràn: Phát sinh tại khu vực mỏ lưu lượng lớn nhất khoảng 943 m³/h; thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng, chất hữu cơ, đất, cát,....;

- Nước xịt rửa xe, phương tiện trước khi ra ngoài mỏ, phát sinh ước tính khoảng 5,6 m³/ngày; thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng, đất, cát,...

2.2.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải

- Bụi phát sinh trên công trường do hoạt động đào, san gạt bóc đất hữu cơ và do hoạt động khai thác, vận chuyển mỏ;

- Khí thải phát sinh từ các loại máy móc, thiết bị hoạt động khai thác mỏ và phương tiện vận chuyển đất ra ngoài mỏ.

2.2.3. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sản xuất: lớp đất hữu cơ không đảm bảo làm đất san lấp được tính toán cho toàn khu mỏ khoảng 7.740m^3 ; thành phần mùn thực vật, rễ cây;

- Sinh khối thực vật: khối lượng phát sinh khoảng 7,5 tấn; thành phần gồm các loại cây dây leo, cây bụi, rễ cây....

- Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân: khoảng 2,7 kg/ngày, gồm các chất hữu cơ (thực phẩm thừa,...) và các chất vô cơ, hữu cơ khó phân hủy (túi nilong, vỏ chai thủy tinh,...);

- Bùn thải từ nạo vét hố lắng: $40\text{m}^3/\text{lần}$ (tuần suất nạo vét 06 tháng/lần);

- Bùn cặn từ nhà vệ sinh di động: $3,6\text{m}^3/\text{lần}$ (định kỳ hút 12 tháng/lần).

2.2.4. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

Gồm giẻ lau dính dầu mỡ, hộp đựng xăng, dầu, nhớt, bóng đèn huỳnh quang thải, pin, ắc quy hỏng,... phát sinh từ các hoạt động sửa chữa nhỏ trên công trường, khối lượng ước tính khoảng 5 kg/tháng.

2.2.5. Các tác động, sự cố môi trường không liên quan đến chất thải:

- Tiếng ồn, độ rung do hoạt động của các phương tiện hoạt động trên khai trường và phương tiện vận chuyển;

- Sự cố sạt lở, sụt lún đất; sự cố cháy rừng, điện giật, sét đánh; sự cố bão lũ, ngập lụt; sự cố tai nạn giao thông, tai nạn lao động,...

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

3.1. Giai đoạn thi công xây dựng, mở vỉa khai thác

3.1.1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

- Nguồn tiếp nhận nước thải, nước mưa chảy tràn qua khu vực mỏ và bãi lưu giữ đất chảy vào khe Đá Mài sau đó chảy về sông Quyên;

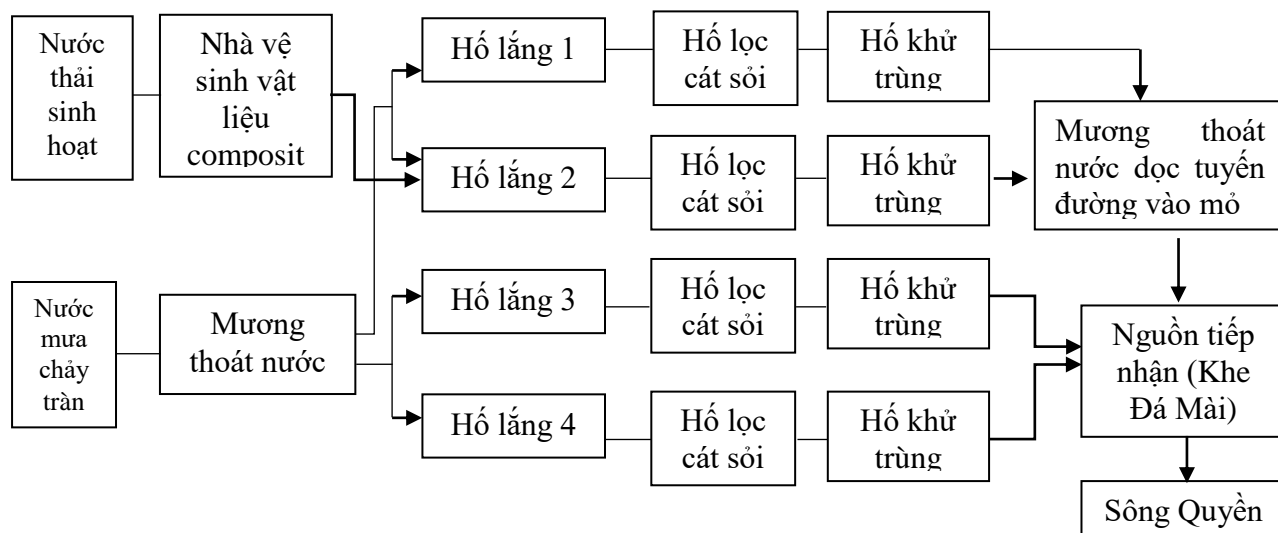
- Quy trình, công nghệ xử lý nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt: bố trí 01 nhà vệ sinh di động đặt gần nhà container. Nước thải sinh hoạt sau khi qua bể tự hoại được dẫn theo mương thoát nước về hố lắng số 02 (có thể tích 300m^3 , kích thước $10\text{m} \times 10\text{m} \times 3\text{m}$) để xử lý cùng nước mưa chảy tràn;

+ Nước mưa chảy tràn:

Tại khu vực mỏ: Làm mương thoát nước xung quanh khu mỏ có chiều dài 1.037m (đáy rộng 1m, trên rộng 1,5m, sâu 1m) nằm trong khu vực mỏ thu nước mưa về 04 hố (hố lắng số 1 bố trí tại góc số 1 của khu mỏ cosd +28m, hố lắng số 2 bố trí trên cạnh A-B tại cosd +35,48m, hố lắng số 3 bố trí trên cạnh C-F gần điểm C tại cosd +49m, hố lắng số 4 bố trí trên cạnh C-F gần điểm F tại cosd +50m);

Nước mưa chảy tràn qua khu vực mỏ và nước thải sinh hoạt, sau khi qua hố lắng số 01, 02, 03, 04 xử lý lắng lọc và khử trùng đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột A) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, hệ số $K_q = 0,9$, $K_f = 1,0$ rồi chảy ra nguồn tiếp nhận, theo sơ đồ quy trình như sau:



3.1.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:

- Áp dụng biện pháp phun ẩm trong quá trình đào bóc, san ủi mặt bằng. Bình thường những ngày không mưa phun ẩm 01 lần/ngày; những thời điểm có nắng to và gió cần phun ẩm mỗi ngày ít nhất là 02 lần, vào thời điểm khô hanh cần phun ẩm mỗi ngày ít nhất 04 lần;

- Các loại máy móc thi công cần được thường xuyên kiểm tra bảo dưỡng để giảm bớt ô nhiễm do khí thải;

- Các phương tiện vận chuyển vật liệu có bạt che phủ nhằm hạn chế tối đa các tác động do bụi khuếch tán và không chở quá trọng tải.

3.1.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường và chất thải khác:

- Sinh khối thực vật phát sinh tại khu vực bãi lưu giữ đất được tiến hành chặt, thu gom triệt để;

- Chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí 02 thùng đựng rác thải loại 50 lít tại khu mỏ. Chủ dự án dự kiến ký hợp đồng với Công ty CP TVXD và Quản lý môi trường đô thị Kỳ Anh hoặc đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển đi xử lý theo quy định;

- Bùn cặn nhà vệ sinh: Định kỳ (01 năm/lần) hợp đồng với đơn vị có chức năng bơm hút đưa đi xử lý theo quy định.

- Đối với khối lượng đất đào mương, hố lắng... đủ điều kiện làm đất san lấp, sẽ bán cho khách hàng. Đất bóc hữu cơ, đất nạo vét từ hố lắng được lưu tại bãi chứa đất phủ để sử dụng cải tạo phục hồi môi trường;

3.1.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

Bố trí 02 thùng phuy chứa chất thải nguy hại (loại có chống thấm, có nắp đậy), dán nhãn cảnh báo (01 thùng đựng CTNH dạng rắn, 01 thùng đựng CTNH dạng lỏng) đặt trong nhà tạm được bọc kín bằng tôn, có mái che, dán nhãn cảnh báo CTNH, kích thước khoảng 1,5m x 1,5m, mặt sàn nhà tạm lưu giữ CTNH bảo đảm kín khít, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào (đặt ở phía Đông Bắc gần mốc A của mỏ, khoảng cách trên 10m với các thiết bị

đốt hay dễ cháy nổ). Chủ dự án dự kiến hợp đồng với Công ty TNHH MTV Xử lý chất thải công nghiệp Hà Tĩnh hoặc đơn vị có chức năng để vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.

3.1.5. Các công trình, biện pháp giảm thiểu các tác động môi trường không liên quan đến chất thải và ô nhiễm khác: Thực hiện đầy đủ theo nội dung Báo cáo ĐTM.

3.2. Giai đoạn dự án đi vào khai thác

3.2.1. Công trình, biện pháp xử lý nước thải:

- Nguồn tiếp nhận nước thải, nước mưa chảy tràn qua khu vực mỏ và bãi lưu giữ đất chảy vào khe Đá Mài sau đó chảy về sông Quyền;

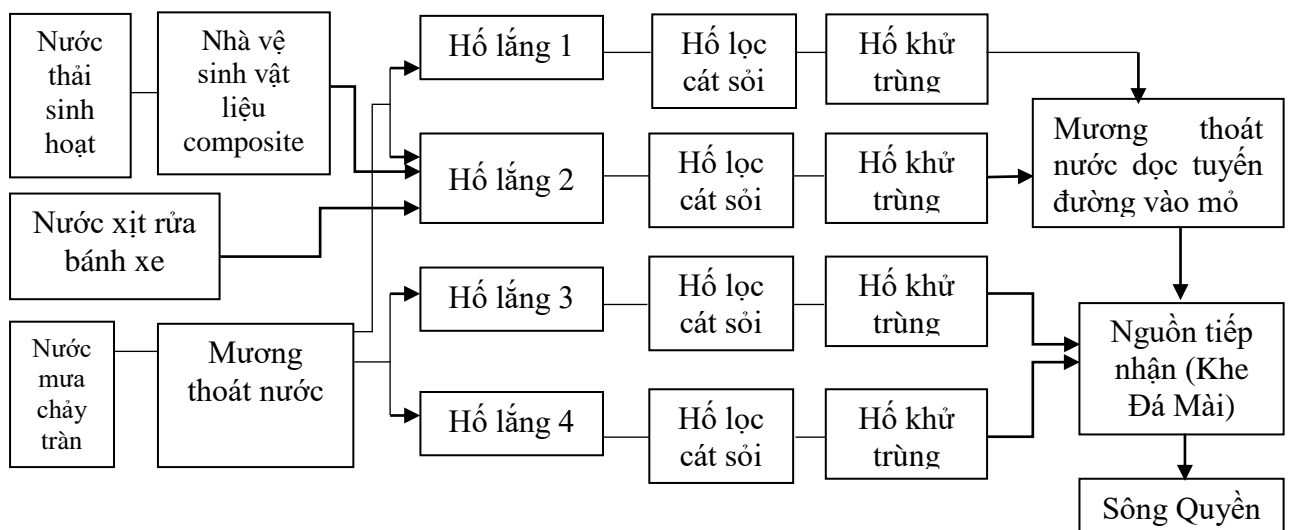
- Quy trình, công nghệ xử lý nước thải:

+ Nước mưa chảy tràn qua khu vực mỏ: Được lắng lọc qua 04 hố lắng trong phạm vi mỏ như đã nêu ở phần trên.

+ Nước thải sinh hoạt: Bố trí 01 nhà vệ sinh di động đặt gần container tại khu vực ra vào mỏ. Nước thải sinh hoạt sau khi qua nhà vệ sinh di động được dẫn theo mương thoát nước về hố lắng số 02 để xử lý cùng nước mưa chảy tràn;

+ Nước xịt rửa bánh xe, phương tiện: được dẫn theo mương thoát nước về hố lắng số 2 để xử lý cùng nước mưa chảy tràn.

Nước mưa chảy tràn, nước xịt rửa bánh xe, phương tiện và nước thải sinh hoạt, sau khi qua hố lắng số 01, 02, 03, 04 xử lý lắng lọc và khử trùng đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột A) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, hệ số $K_q = 0,9$, $K_f = 1,0$; rồi chảy ra khe Đá Mài, theo sơ đồ quy trình như sau:



3.2.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:

- Bố trí 01 điểm rửa bùn đất bám trên bánh xe trước khi vận chuyển ra đường tại cổng ra vào ở phía Đông Bắc khu mỏ;

- Tưới ẩm tại những vị trí phát sinh bụi trong khu vực khai trường, đường vận chuyển từ khu khai thác tới đường vào mỏ. Tần suất tưới ẩm là 04 lần/ngày vào những ngày hanh khô, nắng nóng; thời gian tưới vào lúc 5h30, 9h30, 13h30 và 17h30;

- Các loại máy móc thi công, phương tiện vận chuyển cần được thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng để giảm bớt ô nhiễm do khí thải;

- Các phương tiện vận chuyển đất có các tấm bạt che phủ bên trên nhằm hạn chế tối đa các tác động do bụi khuếch tán và chở đúng trọng tải quy định.

3.2.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường và chất thải khác:

- Chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí 02 thùng đựng rác, chủ dự án dự kiến hợp đồng với Công ty CP TVXD và Quản lý môi trường đô thị Kỳ Anh hoặc đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý lượng chất thải sinh hoạt phát sinh với tần suất 02 ngày/lần;

- Sinh khối thực vật: Cho người dân tận dụng làm chất đốt, phần còn lại được tập trung về khu vực lưu giữ cùng đất bóc hữu cơ, ủ tạo mùn để phục vụ cải tạo phục hồi môi trường;

- Đất bóc hữu cơ trong quá trình khai thác (khối lượng 7.740m^3) được lưu tại bãi lưu đất có diện tích 2.500m^2 trong khu vực mỏ, khi kết thúc khai thác sử dụng tạo lớp đất mặt để cải tạo phục hồi môi trường;

- Bùn nạo vét hố lắng, mương thoát nước: Định kỳ (01 năm/lần) thực hiện nạo vét. Đặc biệt sau những đợt mưa to, sẽ tiến hành kiểm tra, có thể tiến hành nạo vét khơi thông hệ thống mương, hố lắng. Lượng bùn nạo vét được thu gom đưa về lưu giữ với đất bóc hữu cơ để phục vụ cải tạo, phục hồi môi trường.

- Bùn cặn bể tự hoại: định kỳ (01 năm/lần) hợp đồng với đơn vị có chức năng bơm hút vận chuyển đi xử lý theo quy định.

3.2.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

Bố trí 02 thùng phuy chứa chất thải nguy hại có nắp đậy, dán nhãn cảnh báo (01 thùng đựng CTNH dạng rắn, 01 thùng đựng CTNH dạng lỏng) đặt trong nhà tạm được bọc kín bằng tôn, có mái che, dán nhãn cảnh báo CTNH, kích thước $1,5\text{m} \times 1,5\text{m}$ đặt ở phía Đông Bắc gần mốc A của mỏ, khoảng cách trên 10m với các thiết bị đốt hay dễ cháy nổ. Chủ dự án dự kiến hợp đồng với Công ty TNHH MTV Xử lý chất thải công nghiệp Hà Tĩnh hoặc đơn vị có chức năng để vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.

3.2.5. Các công trình, biện pháp giảm thiểu các tác động môi trường không liên quan đến chất thải và ô nhiễm khác: Thực hiện đầy đủ theo nội dung Báo cáo ĐTM.

3.3. Nội dung cải tạo, phục hồi môi trường

3.3.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường:

- Cải tạo, phục hồi môi trường khai trường khai thác: Trồng cây đai bảo vệ;

lập biển báo, hàng rào xung quanh moong khai thác; tạo hệ thống thoát nước moong khai thác; san gạt khu vực đáy moong, trồng keo lá tràm; nạo vét hố lắng; tháo dỡ trạm cân;

- Cải tạo mặt bằng các công trình phụ trợ: di dời nhà container, trạm cân.

3.3.2. Danh mục, khối lượng các hạng mục cải tạo, phục hồi môi trường

- Cải tạo, phục hồi môi trường khai trường khai thác và các công trình phụ trợ:

+ Trồng cây đai bảo vệ: Kết thúc khai thác mỏ để lại giạt cấp 03 tầng khai thác, chiều rộng mỗi đai bảo vệ là 3,6 m, chiều cao tầng kết thúc 10m, tổng diện tích là 3.100m²; mỗi đai bảo vệ trồng 01 hàng, khoảng cách mỗi cây là 02m, tổng số cây trồng 515 cây;

+ Lắp hàng rào, biển báo xung quanh moong: Lắp đặt 05 biển báo xung quanh moong (Biển báo hình chữ nhật kích thước 0,6m x 1m có ghi chữ “Moong sâu nguy hiểm”); biển báo được gắn trên 05 cột bê tông cốt thép (chiều dài cột 2,7m) và xây các cột trụ bê tông xen kẽ các biển báo, khoảng cách các cột trụ 5 m (391 cột trụ bê tông, chiều cao mỗi cột là 1,7m). Sau đó đan hàng rào dây thép gai xung quanh moong để bảo vệ cây trồng, tránh người và gia súc rơi xuống;

+ Thoát nước đáy moong: Dùng máy đào xúc tạo mương thoát nước (kích thước 04m x 0,6m x 0,4m) bao quanh khu vực đáy moong với tổng chiều dài 530m;

+ San lấp hố lắng nằm trong khu mỏ: Bao gồm 04 hố lắng trong khu mỏ (thể tích mỗi hố 300m³), 04 hố lọc cát sỏi (thể tích mỗi hố 20m³) và 04 hố khử trùng (thể tích mỗi hố 01 m³). Tổng khối lượng san lấp 1.284 m³, được lấy từ khu vực bãi chứa đất bóc hữu cơ;

+ San gạt moong sau kết thúc khai thác: Tiến hành san gạt bề mặt sườn tầng với góc nghiêng từ 20° - 25° (quá trình san gạt được tiến hành song song với quá trình khai thác), với diện tích 14.500 m², trừ đi phần diện tích làm mương 700m², và san gạt đáy moong tại cosd+57m với diện tích 42.500 m², tổng diện tích san gạt 56.300 m², với khối lượng 20.490 m³;

+ Trồng cây sườn tầng: Diện tích sườn tầng 1,45 ha, diện tích làm mương thoát nước 0,07 ha, diện tích cần phải trồng cây ở sườn tầng là 1,38 ha, mật độ trồng 1.660 cây/ha, tỷ lệ trồng dặm 30% mật độ cây trồng, tổng số cây trồng 2.291 cây;

+ Trồng cây đáy moong: Diện tích đáy moong 4,25 ha, mật độ trồng 1.660 cây/ha, tỷ lệ trồng dặm 30% mật độ cây trồng, tổng số cây phải trồng 7.055 cây;

+ Di dời nhà ở container và trạm cân, nạo vét hố lắng; Trồng cây tại 04 khu vực hố lắng 400m², khu vực nhà để container 15m², trạm cân 24m², đường vào khu vực mỏ, mương thoát nước 661m², bãi lưu giữ đất bóc hữu cơ 2.500 m². Tổng diện tích trồng cây 0,36ha, mật độ trồng 1.660 cây/ha, tỷ lệ trồng dặm 30% mật độ cây trồng, tổng số cây trồng 598 cây;

- Triển khai thực hiện các nội dung cải tạo, phục hồi môi trường theo kế hoạch đã đề ra trong báo cáo ĐTM; duy tu, bảo trì các công trình cải tạo, phục hồi môi trường đã thực hiện.

3.3.3. Kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường

a) Tiền ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường:

- Đối với diện tích 11,3ha mở được UBND tỉnh phê duyệt và công nhận trữ lượng khoáng sản đất san lấp theo Quyết định số 3157/QĐ-UBND ngày 15/9/2021: phần diện tích được phép khai thác 7,3ha (mức sâu nhất trữ lượng phê duyệt cosd +57m); phần diện tích 04 ha (nằm dưới cosd +57m) không được phép khai thác, do đó không đưa vào tính toán chi phí cải tạo phục hồi môi trường. Số tiền ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường các công trình phụ trợ và diện tích 7,3ha được phép khai thác: **597.737.000 đồng**;

- Đối với diện tích 3,1ha mở cũ (nằm ngoài phạm vi diện tích được công nhận trữ lượng khoáng sản đất san lấp theo Quyết định số 3157/QĐ-UBND ngày 15/9/2021), số tiền ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường: **204.847.000 đồng**;

- Đối với diện 1,2ha khu vực mở cũ (đã đóng cửa mỏ theo Quyết định số 4560/QĐ-UBND của tỉnh Hà Tĩnh), không đưa vào tính toán chi phí cải tạo phục hồi môi trường;

Tổng số tiền ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường phải nộp:

$$597.737.000 + 204.847.000 = 802.584.000 \text{ đồng}$$

b) Tiền ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường đối với diện tích mỏ cũ 15,6ha theo Báo cáo ĐTM được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3155/QĐ-UBND ngày 23/9/2019, Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Vật liệu Xây dựng Hồng Hà đã nộp (theo Giấy nộp tiền số TL-DOAINT/8 ngày 24/9/2019 của Ngân hàng HDBank): **494.732.000 đồng**;

c) Tiền ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường còn lại phải nộp:

- Số tiền: **802.584.000 – 494.732.000 = 307.852.000 đồng**

- Thời điểm ký quỹ:

+ Lần thứ 01 trước ngày đăng ký bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ với số tiền: **76.963.000 đồng**;

+ Các lần tiếp theo thực hiện trước ngày 31 tháng 01 của năm ký quỹ và mỗi lần ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường với số tiền: **38.481.500 đồng**;

Số tiền trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá. Chủ dự án khi kê khai nộp tiền ký quỹ phải tính đến yếu tố trượt giá và được xác định bằng số tiền ký quỹ hàng năm nhân với chỉ số giá tiêu dùng của các năm trước đó tính từ thời điểm phương án, phương án bổ sung được phê duyệt. Chỉ số giá tiêu dùng hàng năm áp dụng theo công bố của Cục Thống kê tỉnh Hà Tĩnh hoặc của cơ quan có thẩm quyền;

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Hà Tĩnh. Số tài khoản 132704070077777 tại Ngân hàng HD Bank - Chi nhánh Hà Tĩnh.

3.4. Các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường: Thực hiện đầy đủ các biện pháp đã nêu trong báo cáo ĐTM.

3.5. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác:

- Trong quá trình thực hiện Dự án chủ đầu tư phải tuân thủ thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường, lắp đặt đầy đủ các công trình bảo vệ môi trường và áp dụng các giải pháp kỹ thuật, biện pháp hành chính đã nêu trong Báo cáo ĐTM để giảm xuống mức thấp nhất ô nhiễm môi trường khu vực thực hiện dự án;

- Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật về quản lý an toàn lao động, an toàn phòng cháy chữa cháy; lập phương án cụ thể, chủ động phòng ngừa, ứng phó và khắc phục các rủi ro, sự cố môi trường trong suốt quá trình thực hiện Dự án.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án:

- Công trình thu gom, xử lý nước thải, nước mưa chảy tràn, bao gồm: hệ thống mương thu gom nước mưa chảy tràn dài 1.037 m; 01 nhà vệ sinh tự hoại, 04 hố lắng nước mưa chảy tràn, mỗi hố 300 m³; 02 thùng đựng chất thải rắn sinh hoạt; 02 thùng đựng chất thải nguy hại,...;

- Phương tiện, thiết bị xử lý bụi, khí thải: Hệ thống phun ẩm giảm bụi ở khu vực khai thác, khu vực bãi lưu đất và xe tưới nước trên đường ra vào khu vực mỏ.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của dự án:

5.1. Giai đoạn thi công xây dựng cơ bản mỏ

5.1.1. Giám sát chất lượng môi trường không khí, tiếng ồn:

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại khu vực xây dựng cơ bản mỏ;

- Thông số giám sát (05 thông số): Tiếng ồn, Bụi, CO, SO₂, NO₂;

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;

- Tần suất giám sát: 01 lần trong giai đoạn xây dựng cơ bản mỏ.

5.1.2. Giám sát chất lượng nước thải

- Vị trí giám sát: 08 vị trí:

+ 04 vị trí trước 04 hố lắng (đầu vào);

+ 04 vị trí sau hố khử trùng (đầu ra).

- Các thông số giám sát (11 thông số): lưu lượng Q (m³/ngày.đêm), pH, BOD₅ (20°C), COD, Chất rắn lơ lửng (TSS), Amoni (tính theo N), tổng dầu mỡ khoáng, Coliform, tổng Nitơ, Tổng P (tính theo P), Sắt (Fe);

- Tần suất giám sát:

+ Đối với thông số lưu lượng Q ($m^3/ngày.đêm$): 01 lần/ngày, bằng phương pháp lắp đặt đồng hồ/thiết bị đo lưu lượng nước thải đầu vào và đầu ra, ghi chép vào sổ theo dõi hằng ngày;

+ Đối với các thông số còn lại: 01 lần trong giai đoạn xây dựng cơ bản mở.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT (cột A), hệ số $K_q = 0,9$, $K_f = 1,0$.

5.1.3. Giám sát chất lượng môi trường nước mặt

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại khe Đá Mài (phía hạ nguồn tiếp nhận);

- Thông số giám sát (06 thông số): pH, DO, TSS, BOD₅ (20°C), Tổng dầu mỡ, Coliform;

- Quy chuẩn so sánh và tần suất giám sát:

+ Quy chuẩn so sánh: Cột A2, QCVN 08-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt;

+ Tần suất giám sát: 01 lần trong giai đoạn xây dựng cơ bản mở.

5.1.4. Giám sát chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

- Vị trí giám sát: Tại khu vực thu gom, tập kết, lưu giữ chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại;

- Các chỉ tiêu giám sát: Khối lượng chất thải rắn phát sinh; phân định, phân loại và quá trình thu gom, tập kết, hợp đồng chuyên giao xử lý các loại chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại theo quy định;

- Tần suất giám sát: Thường xuyên.

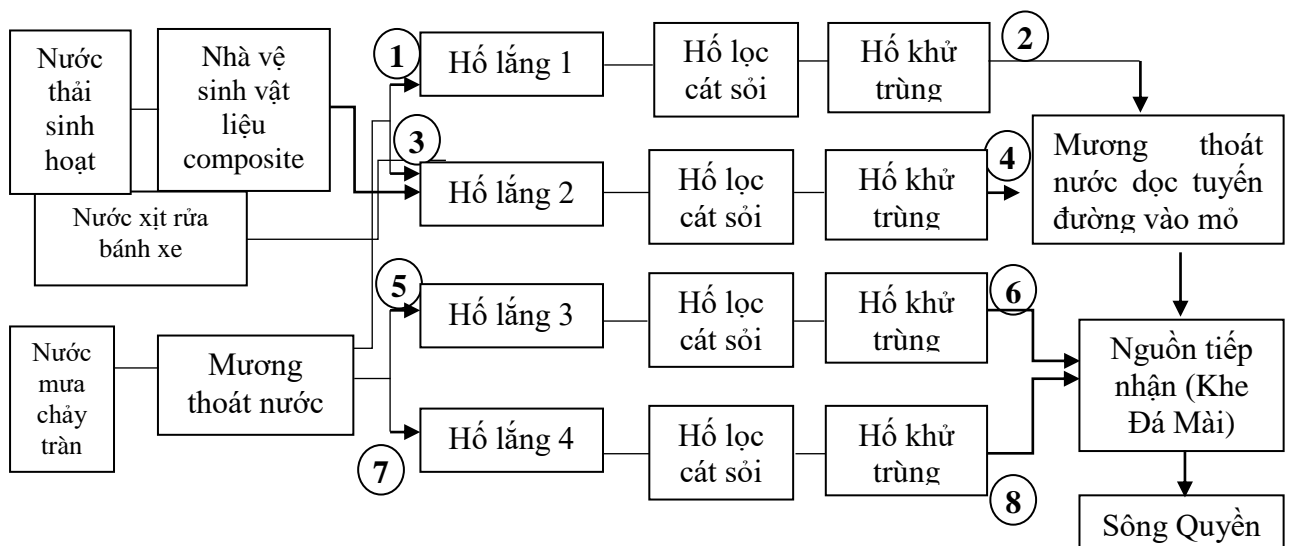
5.2. Giai đoạn vận hành thử nghiệm công trình bảo vệ môi trường:

5.2.1. Giai đoạn điều chỉnh hiệu suất từng công đoạn và hiệu quả của công trình xử lý nước thải, nước mưa chảy tràn qua khu vực mở:

- Vị trí lấy mẫu: 08 vị trí.

+ 04 vị trí (số 01, 03, 05 và 07) trước khi vào 04 hồ lắng (đầu vào);

+ 04 vị trí (số 02, 04, 06 và 08) sau hồ khử trùng (đầu ra).



- Thông số giám sát (11 thông số): Lưu lượng ($Q \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$), pH, BOD_5 (20°C), COD, Chất rắn lơ lửng (TSS), Amoni (tính theo N), tổng dầu mỡ khoáng, Coliform, tổng Nitơ, Tổng P (tính theo P), Sắt (Fe);

- Tần suất giám sát:

+ Đối với thông số lưu lượng ($Q \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$): 01 lần/ngày, thông qua đồng hồ/thiết bị đo lưu lượng nước thải đầu vào và đầu ra, ghi chép vào sổ theo dõi hằng ngày;

+ Đối với các thông số còn lại: 15 ngày/01 lần trong vòng 75 ngày đầu.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT (cột A), hệ số $K_q = 0,9$, $K_f = 1,0$.

5.2.2. Giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải, nước mưa chảy tràn qua khu vực mở

Vị trí, thông số giám sát, quy chuẩn so sánh: như giai đoạn điều chỉnh hiệu suất từng công đoạn và hiệu quả của công trình xử lý nêu trên. Riêng tần suất giám sát các thông số môi trường thực hiện: 01 mẫu đơn nước thải đầu vào và 07 mẫu đơn nước thải đầu ra (01 lần/ngày, trong 7 ngày liên tiếp) và so sánh với QCVN 40:2011/BTNMT (cột A), hệ số $K_q = 0,9$, $K_f = 1,0$.

5.3. Giai đoạn vận hành chính thức

5.3.1. Giám sát chất lượng nước thải:

- Vị trí giám sát: 08 vị trí.

+ 04 vị trí (số 01, 03, 05 và 07) trước khi vào 04 hố lắng (đầu vào);

+ 04 vị trí (số 02, 04, 06 và 08) sau hố khử trùng (đầu ra).

- Thông số giám sát (11 thông số): Lưu lượng ($Q \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$), pH, BOD_5 (20°C), COD, Chất rắn lơ lửng (TSS), Amoni (tính theo N), tổng dầu mỡ khoáng, Coliform, tổng Nitơ, Tổng P (tính theo P), Sắt (Fe);

- Tần suất giám sát:

+ Đối với thông số lưu lượng Q ($\text{m}^3/\text{ngày đêm}$): 01 lần/ngày, thông qua đồng hồ đo lưu lượng nước thải đầu vào và đầu ra, ghi chép vào sổ theo dõi hằng ngày;

+ Đối với các thông số còn lại: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT (cột A), hệ số $K_q = 0,9$, $K_f = 1,0$.

5.3.2. Giám sát chất lượng môi trường không khí, tiếng ồn

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại khu vực khai thác;

- Thông số giám sát (05 thông số): Tiếng ồn, Bụi, CO, SO_2 , NO_2 ;

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

5.3.3. Giám sát chất lượng môi trường nước mặt

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại khe Đá Mài (phía hạ nguồn tiếp nhận);
- Thông số giám sát (06 thông số): pH, DO, TSS, BOD₅ (20°C), Tổng dầu mỡ, Coliform;
- Quy chuẩn so sánh và tần suất giám sát:
 - + Quy chuẩn so sánh: Cột A2, QCVN 08-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt;
 - + Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

5.3.4. Giám sát chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:

- Vị trí giám sát: Tại khu vực thu gom, tập kết, lưu giữ chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại;
- Các chỉ tiêu giám sát: Khối lượng chất thải; phân định, phân loại và quá trình thu gom, tập kết, chuyển giao xử lý các loại chất thải phát sinh;
- Tần suất giám sát: Thường xuyên.

5.3.5. Giám sát khác

- Nội dung: Giám sát sạt lở, sụt lún đất; cháy rừng, điện giập, sét đánh; sự cố tai nạn giao thông, tai nạn lao động...;
- Vị trí: toàn bộ khu vực mỏ và các khu vực có liên quan;
- Tần suất: Thường xuyên.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường (chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các nội dung):

6.1. Hợp tác và tạo điều kiện thuận lợi để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra việc thực hiện kế hoạch quản lý môi trường và việc triển khai thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường; cung cấp đầy đủ các thông tin, số liệu liên quan đến dự án khi được yêu cầu;

6.2. Trong quá trình thực hiện dự án, nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng phải dừng ngay các hoạt động gây ra sự cố; tổ chức ứng cứu, khắc phục sự cố; thông báo khẩn cấp cho cơ quan quản lý về môi trường cấp tỉnh và các cơ quan có liên quan nơi thực hiện dự án để chỉ đạo và phối hợp xử lý;

6.3. Phối hợp với chính quyền địa phương, tổ chức, cá nhân và chủ dự án có liên quan trong việc sử dụng các hạ tầng (đường giao thông, đường điện...) đảm bảo an toàn, giảm thiểu các tác động đến môi trường;

6.4. Đầu tư xây dựng, lắp đặt các công trình xử lý chất thải theo Báo cáo ĐTM được duyệt; lập và gửi hồ sơ cấp Giấy phép môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết về một số điều của Luật Bảo vệ môi trường về Sở Tài

nguyên và Môi trường và UBND tỉnh trước khi đi vào hoạt động khai thác chính thức.

6.5. Trong quá trình thực hiện nếu dự án có những thay đổi so với Báo cáo ĐTM được phê duyệt, chủ dự án phải có văn bản báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản được chấp thuận của UBND tỉnh theo quy định của pháp luật./.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010; Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng của mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng của mỏ khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 431/QĐ-UBND ngày 06/02/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch điều chỉnh, bổ sung phân vùng thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm VLXD thông thường trên địa bàn tỉnh đến năm 2020; Quyết định số 672/QĐ-UBND ngày 14/02/2015 của UBND tỉnh về việc phê duyệt khu vực cấm, tạm cấm hoạt động khoáng sản; Quyết định số 3506/QĐ-UBND ngày 18/11/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kết quả khoan định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 3157/QĐ-UBND ngày 15/9/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt và công nhận trữ lượng khoáng sản đất san lấp trong "Báo cáo kết quả thăm dò nâng cấp, bổ sung trữ lượng khoáng sản mỏ đất san lấp Mũi Đồi, phường Kỳ Trinh, thị xã Kỳ Anh"; Quyết định số 547/QĐ-UBND ngày 08/3/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường;

Căn cứ Quyết định số 153/QĐ-KKT ngày 02/12/2021 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh về việc quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư dự án khai thác mỏ đất san lấp Mũi Đồi, phường Kỳ Trinh, thị xã Kỳ Anh;

Xét đề nghị của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Vật liệu xây dựng Hồng Hà tại Đơn ngày 14/3/2022 (kèm theo hồ sơ) về việc cấp Giấy phép khai thác khoáng sản mỏ đất san lấp Mũi Đồi, phường Kỳ Trinh, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 1001/STNMT-KS ngày 29/3/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Vật liệu xây dựng

Hồng Hà khai thác đất làm vật liệu san lấp bằng phương pháp lộ thiên tại khu vực Mũi Đồi, phường Kỳ Trinh, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh; với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Diện tích khu vực khai thác: 11,3ha, được giới hạn bởi các điểm góc 1, A, B, C, F, 7, 8 có tọa độ xác định theo Phụ lục 1 và Phụ lục 2 Giấy phép này.
2. Mức sâu khai thác thấp nhất: +57m.
3. Trữ lượng khoáng sản được phép đưa vào thiết kế khai thác: 1.174.875m³.
4. Trữ lượng khai thác: 1.067.728m³.
5. Phương pháp khai thác: lộ thiên.
6. Công suất khai thác: 230.000 m³ nguyên khai/năm.
7. Thời hạn khai thác: 07 năm (kể từ ngày ban hành Giấy phép này).

Điều 2. Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Vật liệu xây dựng Hồng Hà có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp giấy phép khai thác khoáng sản: 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) theo quy định tại Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính.

2. Nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định.

3. Tiến hành hoạt động khai thác đất làm vật liệu san lấp theo đúng tọa độ, diện tích, mức sâu, trữ lượng, công suất quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.

4. Trước khi tiến hành khai thác, phải nộp thiết kế mỏ được lập, thẩm định, phê duyệt theo đúng quy định của pháp luật cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định; báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường để kiểm tra tại thực địa, xác định tọa độ, mặt bằng khai thác và cắm mốc giới phạm vi khu vực được phép khai thác; phải thực hiện thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

5. Thực hiện đầy đủ các nội dung trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án khai thác đất san lấp Mũi Đồi, phường Kỳ Trinh, thị xã Kỳ Anh được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thực hiện việc ký quỹ phục hồi môi trường theo quy định.

6. Trong quá trình khai thác, phải thực hiện đúng và đầy đủ các phương pháp, quy trình kỹ thuật, bảo đảm an toàn kỹ thuật, an toàn công trình mỏ; phải có các biện pháp phòng, chống các sự cố, bảo đảm an toàn lao động và các quy định khác có liên quan về an toàn trong khai thác mỏ.

Phải thu hồi tối đa sản phẩm khai thác từ mỏ đất san lấp Mũi Đồi, phường Kỳ Trinh, thị xã Kỳ Anh và các sản phẩm khác (nếu có); báo cáo đúng sản lượng khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản cho cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

7. Việc quản lý, sử dụng khoáng sản khai thác, chế biến phải thực hiện đúng theo quy định của pháp luật hiện hành.

8. Thường xuyên thực hiện việc kiểm soát các khu vực khai thác, các công trình phụ trợ và các khu vực khác có liên quan; bảo vệ tài nguyên khoáng sản, bảo đảm an toàn, trật tự mỏ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp có dấu hiệu không đảm bảo an toàn, phải dừng ngay hoạt động khai thác, đồng thời có biện pháp khắc phục kịp thời và báo cáo ngay bằng văn bản cho cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

9. Thực hiện việc đóng cửa mỏ đối với phần diện tích 3,1ha không tiếp tục khai thác (thuộc diện tích mỏ cũ, nằm ngoài diện tích được phê duyệt, công nhận trữ lượng khoáng sản theo Quyết định số 3157/QĐ-UBND ngày 15/9/2021 của UBND tỉnh). Kết thúc khai thác, thực hiện đóng cửa mỏ, cải tạo phục hồi môi trường, đất đai theo quy định hiện hành.

10. Báo cáo định kỳ trong hoạt động khoáng sản theo quy định của pháp luật về khoáng sản và các quy định khác có liên quan.

11. Trước khi tiến hành khai thác, Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Vật liệu xây dựng Hồng Hà phải thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Giấy phép này; ký hợp đồng thuê đất; nộp cho Sở Tài nguyên và Môi trường thiết kế mỏ được người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định; đăng ký ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, ngày bắt đầu khai thác, thông báo về giám đốc điều hành mỏ, kế hoạch khai thác tại cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền theo quy định.

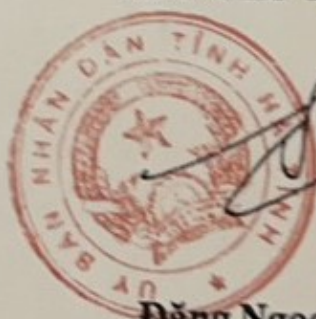
Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Kỳ Anh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Kỳ Trinh, Giám đốc Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Vật liệu xây dựng Hồng Hà và Thủ trưởng các cơ quan liên quan, chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- Tổng cục ĐC và KS Việt Nam;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Xây dựng;
- Phó VP/UB (phụ trách);
- Trung tâm CB-TH;
- Lưu: VT, NL

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đặng Ngọc Sơn

Giấy phép khai thác khoáng sản này đã được đăng ký nhà nước tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Tĩnh

Số đăng ký: ...A.S... ĐK/KT

Hà Tĩnh, ngày... 18 tháng... 4 năm 2022

GIÁM ĐỐC
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG



Nguyễn Thanh Điện

Số: 1484/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày 21 tháng 7 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thu hồi đất và cho thuê đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính; Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất; Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Sửa đổi, bổ sung một số Điều của các Thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 519/QĐ-UBND ngày 04/3/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 thị xã Kỳ Anh;

Căn cứ Giấy phép số 729/GP-UBND ngày 06/4/2022 của UBND tỉnh về việc cho phép Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Vật liệu xây dựng Hồng Hà khai thác đất làm vật liệu san lấp bằng phương pháp lộ thiên tại khu vực Mũi Đồi, phường Kỳ Trinh, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh;

Xét Đơn xin thuê đất đề ngày 28/6/2022 (kèm hồ sơ) của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Vật liệu xây dựng Hồng Hà; đề nghị của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh tại Văn bản số 661/KKT-TNMT ngày 03/6/2022; đề nghị của UBND thị xã Kỳ Anh tại Văn bản số 1291/UBND-TNMT ngày 24/6/2022;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 2498/STNMT-ĐĐ2₆ ngày 14/7/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. - Thu hồi 113.004m² (Một trăm mười ba nghìn không trăm linh bốn mét vuông đất) tại phường Kỳ Trinh, thị xã Kỳ Anh; có nguồn gốc nằm trong 156.000m² đất đã được Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh thu hồi tại Quyết định số 44/QĐ-KKT ngày 02/6/2022;

- Cho Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Vật liệu xây dựng Hồng Hà (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 3001680762 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Tĩnh cấp đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 15/3/2022. Địa chỉ trụ sở chính: Tổ dân phố Đông Trinh, phường Kỳ Trinh, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh) thuê 113.004m² đất nói trên để sử dụng vào mục đích đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản (khai thác mỏ đất san lấp).

- Thời hạn sử dụng đất: đến ngày 06/4/2029 (xác định theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 729/GP-UBND ngày 06/4/2022 của UBND tỉnh Hà Tĩnh).

- Hình thức sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.

- Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo Mảnh trích đo địa chính số 01-2022, hệ tọa độ VN 2000, khu vực Mũi Đồi, tờ số 2 10-998584+(998590 +992584) do Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Tĩnh duyệt ngày 26/5/2022.

Điều 2. Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này:

- Công ty Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Vật liệu xây dựng Hồng Hà có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và được hưởng các quyền lợi của người sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai, Luật Khoáng sản và các quy định khác của pháp luật hiện hành;

- Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm: Thông báo cho cơ quan Thuế để xác định nghĩa vụ tài chính, ký Hợp đồng thuê đất với Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Vật liệu xây dựng Hồng Hà; chủ trì, phối hợp với UBND thị xã Kỳ Anh, UBND phường Kỳ Trinh và các cơ quan có liên quan xác định mốc giới, bàn giao đất trên thực địa cho Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Vật liệu xây dựng Hồng Hà; định kỳ phối hợp với chính quyền địa phương kiểm tra việc sử dụng đất, khai thác vật liệu xây dựng của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Vật liệu xây dựng Hồng Hà để kịp thời tham mưu cho UBND tỉnh xử lý nghiêm các vi phạm theo đúng quy định của pháp luật;

- Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Tĩnh thực hiện việc chỉnh lý hồ sơ địa chính theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND thị xã Kỳ Anh, Chủ tịch UBND phường Kỳ Trinh, Giám đốc Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Vật liệu xây dựng Hồng Hà, Thủ trưởng các cơ quan, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Phó VP (phụ trách);
- Giám đốc VPĐK đất đai Hà Tĩnh;
- Trung tâm CB-TH tỉnh;
- Lưu: VT, NL₂.

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG HỒNG LAM
CÔNG CHỨNG VIỆN



Nguyễn Tất Uyên

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đặng Ngọc Sơn

Số: 33 /2022/HĐTD

HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất; Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số Điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Quyết định số 1484/QĐ-UBND ngày 21/7/2022 của UBND tỉnh về việc thu hồi đất và cho thuê đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản;

Hôm nay, ngày 24 tháng 8 năm 2022, tại Văn phòng Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Tĩnh, chúng tôi gồm:

1- BÊN CHO THUÊ ĐẤT (BÊN A)

Đại diện Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Tĩnh.

Ông: *Nguyễn Thanh Điện*

Chức vụ: *Giám đốc*

Trụ sở: số 12A, đường Võ Liêm Sơn, phường Nam Hà, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

2- BÊN THUÊ ĐẤT (BÊN B)

Đại diện: Công ty TNHH Thương mại dịch vụ và Vật liệu xây dựng Hồng Hà.

Ông: *Nguyễn Quốc Danh*

Chức vụ: *Giám đốc*

Địa chỉ trụ sở chính: Tổ dân phố Đông Trinh, phường Kỳ Trinh, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

Số tài khoản: 52010000198668 tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Hà Tĩnh.

3- HAI BÊN THỎA THUẬN KÝ HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT VỚI CÁC ĐIỀU, KHOẢN SAU ĐÂY:

Điều 1: Bên A cho Bên B thuê khu đất như sau:

1. Diện tích đất thuê là 113.004m² đất (Một trăm mười ba nghìn không trăm linh bốn mét vuông đất) tại phường Kỳ Trinh, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.



2. Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo Mảnh trích đo địa chính số 01-2022, hệ tọa độ VN 2000, khu vực Mũi Đồi, tờ số 2 10-998584+(998590+992584) do Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Tĩnh duyệt ngày 26/5/2022.

3. Thời hạn thuê đất: Kể từ ngày 21/7/2022 đến ngày 06/4/2029.

4. Mục đích sử dụng đất thuê: Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản (Khai thác mỏ đất san lấp).

Điều 2: Bên B có trách nhiệm trả tiền thuê đất theo quy định sau:

1. Đơn giá thuê đất (được xác định theo thông báo số 127/TB-KKT ngày 16/8/2022 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Hà Tĩnh) là 2.000đồng/m²/năm (Hai nghìn đồng trên một mét vuông đất trên một năm). Đơn giá tiền thuê đất được ổn định 5 (năm) năm kể từ ngày 21/7/2022 đến ngày 21/7/2027, hết thời hạn ổn định đơn giá tiền thuê đất nêu trên được xác định lại theo quy định hiện hành của Nhà nước tại thời điểm đó.

2. Tiền thuê đất tính từ ngày 01/8/2022 (ngày ban hành Quyết định cho thuê đất, được quy đổi ra thời gian phải nộp tiền thuê đất theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính).

3. Phương thức nộp tiền thuê đất: Tiền thuê đất được nộp hàng năm, mỗi năm 02 kỳ (kỳ thứ nhất nộp tối thiểu 50% trước ngày 30/5, kỳ thứ hai trước ngày 30/11 hàng năm).

4. Nơi nộp tiền thuê đất: Kho bạc Nhà nước thị xã Kỳ Anh.

5. Việc cho thuê đất không làm mất quyền sở hữu của Nhà nước đối với khu đất và mọi tài nguyên nằm trong lòng đất.

Điều 3: Việc sử dụng đất thuê phải phù hợp với mục đích sử dụng đất đã ghi trong Điều 1 của Hợp đồng này và phải tuân theo các quy định về bảo vệ môi trường, không làm tổn hại đến lợi ích hợp pháp của người sử dụng đất có liên quan.

Điều 4: Quyền và nghĩa vụ của các bên:

1. Bên A bảo đảm việc sử dụng đất của Bên B trong thời gian thực hiện Hợp đồng, không được chuyển giao quyền sử dụng khu đất trên cho bên thứ ba, chấp hành quyết định thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai;

2. Trong thời gian thực hiện Hợp đồng, Bên B có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về đất đai; Trường hợp Bên B bị thay đổi do chia tách, sáp nhập, chuyển đổi doanh nghiệp, bán tài sản gắn liền với đất thuê thì tổ chức, cá nhân được hình thành hợp pháp sau khi Bên thuê đất bị thay đổi sẽ thực hiện tiếp quyền và nghĩa vụ của Bên B trong thời gian còn lại của Hợp đồng này.

3. Trong thời hạn Hợp đồng còn hiệu lực thi hành, nếu Bên B trả lại toàn bộ hoặc một phần khu đất thuê trước thời hạn thì phải thông báo cho Bên A biết trước ít nhất là 06 tháng. Bên A trả lời cho Bên B trong thời gian 03 tháng, kể từ

ngày nhận được đề nghị của Bên B. Thời điểm kết thúc hợp đồng tính đến ngày bàn giao mặt bằng.

Điều 5: Hợp đồng thuê đất chấm dứt trong các trường hợp sau:

- Hết thời hạn thuê đất mà không được gia hạn thuê tiếp;
- Do đề nghị của một Bên hoặc các Bên tham gia Hợp đồng và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho thuê đất chấp thuận;
- Bên B bị phá sản hoặc bị phát mại tài sản hoặc giải thể;
- Bên B bị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Điều 6: Việc giải quyết tài sản gắn liền với đất sau khi kết thúc Hợp đồng này được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 7: Hai Bên cam kết thực hiện đúng quy định của Hợp đồng này, nếu Bên nào không thực hiện thì phải bồi thường cho việc vi phạm Hợp đồng gây ra theo quy định của pháp luật.

Điều 8: Hợp đồng này được lập thành 04 (bốn) bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 01 bản, gửi Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Hà Tĩnh 01 bản, Kho bạc Nhà nước thị xã Kỳ Anh 01 bản.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

BÊN THUÊ ĐẤT (BÊN B)

BÊN CHO THUÊ ĐẤT (BÊN A)

Nguyễn Quốc Dân

 Nguyễn Quốc Dân

Nguyễn Thanh Điện

 Nguyễn Thanh Điện

CHỮ KÝ ĐƯỢC BẢO SẠO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
 Số chứng thực: 14251... Quyền số: 0.../SQ 789

29-08-2022

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG HỒNG LAM
CÔNG CHỨNG VIÊN

Nguyễn Tất Uyên

 Nguyễn Tất Uyên

7-C.T.H.D
 PHÒNG HỨNG LAM
 T. HÀ TĨNH

Số: 2561 /QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày 05 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt và công nhận trữ lượng khoáng sản đất san lấp (bổ sung) trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản mỏ đất san lấp Mũi Đồi, phường Kỳ Trinh, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh”

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản; Thông tư số 51/2017/TT-BTNMT ngày 30/11/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Thông tư số 01/2016/TT-BTNMT ngày 13/01/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về công tác thăm dò cát, sỏi lòng sông và đất, đá làm vật liệu san lấp; Thông tư số 60/2017/TT-BTNMT ngày 08/12/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản rắn;

Căn cứ Giấy phép thăm dò khoáng sản số 1627/GP-UBND ngày 07/6/2010 của UBND tỉnh; các Quyết định phê duyệt trữ lượng khoáng sản của UBND tỉnh: số 2878/QĐ-UBND ngày 05/10/2010 (phê duyệt trữ lượng trong diện tích mỏ 100ha, mức sâu tính trữ lượng thấp nhất +25m), số 3157/QĐ-UBND ngày 15/9/2021 (phê duyệt trữ lượng trong diện tích 11,3ha, mức sâu tính trữ lượng thấp nhất +57m);

Căn cứ Quyết định số 1774/QĐ-UBND ngày 27/7/2023 của UBND tỉnh về việc kiện toàn Hội đồng thẩm định Đề án thăm dò và Báo cáo thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 3723/STNMT-KS ngày 11/9/2023 và Văn bản số 3893/STNMT-KS ngày 20/9/2023 (kèm Báo cáo kết quả tính trữ lượng bổ sung, đã được chỉnh sửa tại Văn bản số 01/CT ngày 25/8/2023 của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Vật liệu xây dựng Hồng Hà); Biên bản Hội nghị thẩm định Báo cáo kết quả tính trữ lượng bổ sung lập ngày 09/8/2023 của Hội đồng thẩm định); thực hiện Kết luận phiên họp UBND tỉnh ngày 25/9/2023 (Thông báo số 429/TB-UBND ngày 27/9/2023 của UBND tỉnh).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thông qua báo cáo và phê duyệt bổ sung trữ lượng khoáng sản đất san lấp trong “*Báo cáo kết quả tính trữ lượng bổ sung khoáng sản đất san lấp tại mỏ đất Mũi Đồi, phường Kỳ Trinh, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh*”, với các nội dung chính sau:

1. Diện tích đất khu vực phê duyệt trữ lượng: 11,3ha (*mười một phẩy ba héc ta*), có tọa độ xác định tại Phụ lục 1 kèm theo Quyết định này.

2. Phê duyệt trữ lượng khoáng sản đất san lấp đã tính trong Báo cáo cấp 121 + 122: 1.850.792m³.

3. Xác nhận trữ lượng khoáng sản đất san lấp được phép đưa vào thiết kế khai thác: 1.850.792m³.

4. Mức sâu các khối trữ lượng phê duyệt: Như Phụ lục số 2 kèm theo.

Trữ lượng khoáng sản đất san lấp của từng khối, cấp trữ lượng được thống kê chi tiết tại Phụ lục 2 kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Các tài liệu của Báo cáo kết quả tính trữ lượng bổ sung được sử dụng để lập Dự án đầu tư khai thác mỏ, thiết kế khai thác mỏ và giao nộp lưu trữ địa chất.

Điều 3. Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thị xã Kỳ Anh, Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Vật liệu xây dựng Hồng Hà và tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm trước pháp luật, UBND tỉnh và các cơ quan thanh tra, kiểm tra về hồ sơ, nội dung thông tin, số liệu đề xuất, nội dung thẩm định, tham mưu tại các văn bản nêu trên và quá trình tổ chức thực hiện.

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo, hướng dẫn Chủ mỏ thực hiện hồ sơ, thủ tục và tham mưu UBND tỉnh cấp phép, quản lý khai thác khối lượng khoáng sản đất san lấp nêu trên phục vụ xây dựng các công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước theo quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều 22 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ như đề nghị của Sở tại Văn bản nêu trên.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Kỳ Anh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Kỳ Trinh; Giám đốc Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Vật liệu xây dựng Hồng Hà và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục Khoáng sản Việt Nam;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- Sở Xây dựng;
- Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh;
- Chánh VP, Phó CVP UBND tỉnh;
- Trung tâm CB-TH tỉnh;
- Lưu: VT, NL.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Bá Hà

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH****Phụ lục 1****TỌA ĐỘ KHU VỰC PHÊ DUYỆT TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN MỎ ĐẤT
SAN LẬP MŨI ĐÒI, PHƯỜNG KỶ TRINH, THỊ XÃ KỶ ANH***(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh)*

Hệ VN-2000 kinh tuyến trục 105⁰ 30' múi chiếu 3⁰		
Điểm góc	X (m)	Y (m)
1	1993595	589065
A	1993599	589139
B	1993556	589264
C	1993415	589322
F	1993098	589269
7	1993078	589134
8	1993181	589041
Tổng diện tích: 11,3 ha		

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH****Phụ lục 2****THỐNG KÊ TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN MỎ ĐẤT SAN LẤP
MŨI ĐÒI, PHƯỜNG KỶ TRINH, THỊ XÃ KỶ ANH**
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh)

STT	Khối trữ lượng	Mức sâu thấp nhất khối trữ lượng (m)	Trữ lượng (m³)	Ghi chú
1	I-121	Từ +57m đến +30m	888.318	
2	I-122	Từ +57m đến +30m	1.215	
3	II-122	Từ +57m đến +30m	20.283	
4	III-122	Từ +57m đến +30m	940.976	
Tổng:			1.850.792	

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH HÀ TĨNH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 187 /QĐ-KKT

QUYẾT ĐỊNH CHẤP THUẬN ĐIỀU CHỈNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ
ĐỒNG THỜI CHẤP THUẬN NHÀ ĐẦU TƯ

(cấp lần đầu: ngày 02 tháng 12 năm 2021)

(điều chỉnh lần thứ 01 ngày 01 tháng 12 năm 2023)

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH HÀ TĨNH

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 10 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 381/QĐ-TTg ngày 24 tháng 3 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Hà Tĩnh;

Căn cứ Quyết định số 40/2023/QĐ-UBND ngày 04 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Hà Tĩnh;

Căn cứ Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư số 153/QĐ-KKT do Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Hà Tĩnh cấp lần đầu ngày 02 tháng 12 năm 2021;

Căn cứ Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư và hồ sơ kèm theo do Công ty TNHH thương mại dịch vụ và vật liệu xây dựng Hồng Hà nộp lần đầu ngày 17 tháng 10 năm 2023, lần 02 ngày 22 tháng 11 năm 2023;

Xét báo cáo thẩm định số 2711/BC-QLĐT ngày 27 tháng 11 năm 2023 của phòng Quản lý Đầu tư.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư Dự án Khai thác mỏ đất san lấp Mũi Đồi, phường Kỳ Trinh, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh đã được chấp thuận tại Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư

đồng thời chấp thuận nhà đầu tư số 153/QĐ-KKT ngày 02 tháng 11 năm 2021 với nội dung điều chỉnh như sau:

1. Nội dung điều chỉnh thứ nhất:

Nội dung “Nhà đầu tư” quy định tại Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư số 153/QĐ-KKT ngày 02 tháng 11 năm 2021 được điều chỉnh như sau:

1. Nhà đầu tư:

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG HỒNG HẢI.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3001680762 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tĩnh cấp lần đầu ngày 30/05/2013. Đăng ký thay đổi lần thứ 5, ngày 15/03/2022.

Địa chỉ trụ sở chính: Tổ dân phố Đông Trinh, phường Kỳ Trinh, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam.

2. Nội dung điều chỉnh thứ hai

Nội dung Mục tiêu dự án quy định tại Khoản 3, Điều 1, Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư số 153/QĐ-KKT ngày 02 tháng 11 năm 2021 được điều chỉnh như sau:

3. Mục tiêu dự án:

TT	Mục tiêu hoạt động	Tên ngành (Ghi tên ngành cấp 4 theo VSIC)	Mã ngành theo VSIC (Mã ngành cấp 4)
<i>1</i>	<i>Khai thác đất san lấp</i>	<i>Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét</i>	<i>0810</i>

Khai thác đất san lấp để phục vụ xây dựng các công trình sử dụng ngân sách nhà nước (phát triển hạ tầng giao thông; công trình thủy lợi, thủy điện); công trình khắc phục thiên tai, dịch họa.

3. Nội dung điều chỉnh thứ ba

Nội dung Công suất thiết kế quy định tại Điểm 4.3, Khoản 4, Điều 1, Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư số 153/QĐ-KKT ngày 02 tháng 11 năm 2021 được điều chỉnh như sau:

4.3. Công suất thiết kế:

- *Trữ lượng, độ sâu, công suất khai thác:*
- + *Trữ lượng đưa vào khai thác: 2.349.192 m³ đất nguyên khối (tương đương với 2.917.696 m³ đất nguyên khai).*
- + *Độ sâu khai thác: Khai thác đến cos +30,0 m.*
- *Công suất thiết kế: Công suất 1.000.000 m³ đất nguyên khai/năm (tương đương 805.153 m³ đất nguyên khối/năm).*

4. Nội dung điều chỉnh thứ tư

Nội dung Tổng vốn đầu tư quy định tại Khoản 5, Điều 1, Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư số 153/QĐ-KKT ngày 02 tháng 11 năm 2021 được điều chỉnh như sau:

5. Vốn đầu tư của dự án:

5.1. Tổng vốn đầu tư: 9.845.955.000 VNĐ (Chín tỷ tám trăm bốn mươi lăm triệu chín trăm năm mươi lăm nghìn đồng), trong đó:

a) Vốn góp của nhà đầu tư: 4.100.000.000 VNĐ (Bốn tỷ một trăm triệu đồng).

b) Vốn huy động: 5.745.955.000 VNĐ (Năm tỷ bảy trăm bốn mươi lăm triệu chín trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

c) Vốn khác: 0 VNĐ (không đồng).

5. Nội dung điều chỉnh thứ năm

Nội dung Thời hạn hoạt động của dự án quy định tại khoản 6, Điều 1, Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư số 153/QĐ-KKT ngày 02 tháng 11 năm 2021 được điều chỉnh như sau:

6. Thời hạn hoạt động của Dự án: 05 năm, tính từ ngày Nhà đầu tư được quyết định giao đất, cho thuê đất.

6. Nội dung điều chỉnh thứ sáu

Nội dung Tiến độ thực hiện dự án quy định tại khoản 8, Điều 1, Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư số 153/QĐ-KKT ngày 02 tháng 11 năm 2021 được điều chỉnh như sau:

8. Tiến độ thực hiện Dự án:

- Tiến độ góp vốn: Quý IV/2021.

- Tiến độ huy động các nguồn vốn: Quý IV/2023;

- Tiến độ hoàn thành dự án đưa vào sử dụng/hoạt động: Quý II/2024.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Vật liệu xây dựng Hồng Hà có trách nhiệm: thực hiện ký quỹ bổ sung, hoàn thiện các hồ sơ, thủ tục để triển khai thực hiện dự án theo đúng các nội dung quy định tại Quyết định chấp thuận, điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư và các nội dung trong Hồ sơ đề xuất, điều chỉnh dự án và các quy định của pháp luật hiện hành.

2. Các phòng chuyên môn của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Hà Tĩnh theo chức năng, nhiệm vụ được giao, thường xuyên theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn, hỗ trợ Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Vật liệu xây dựng Hồng Hà thực hiện dự án kịp thời, đảm bảo chất lượng, tiến độ và các nội dung khác có liên quan.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2023 và là một bộ

phận không tách rời của Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư số 153/QĐ-KKT do Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Hà Tĩnh cấp lần đầu ngày 02 tháng 12 năm 2021.

2. Chánh Văn phòng, Trưởng các phòng thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Hà Tĩnh, Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Vật liệu xây dựng Hồng Hà và các tổ chức, cá nhân có liên quan thi hành Quyết định này.

3. Quyết định này được lập thành 02 (hai) bản gốc; Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Vật liệu xây dựng Hồng Hà được cấp 01 bản, 01 bản được lưu tại Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Hà Tĩnh./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Công Thương, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Thuế tỉnh, Cục Thống kê;
- UBND thị xã Kỳ Anh;
- Trưởng ban; Các Phó Trưởng ban;
- Chánh Văn phòng;
- Các phòng; VPĐD;
- Lưu: VT, QLĐT.



Lê Trung Phước

**CÔNG TY TNHH
PHÚ THƯƠNG**

Số: 437 /ThTr.PT

V/v Báo cáo kết quả thẩm tra Thiết kế bản vẽ thi công của Báo cáo KTKT bổ sung dự án Khai thác mỏ đất san lấp Mũi Đồi, phường Kỳ Trinh, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Nghệ An, ngày 04 tháng 12 năm 2023

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THẨM TRA THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
(Tên công trình: Dự án khai thác mỏ đất san lấp Mũi Đồi, phường Kỳ Trinh,
thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh)**

Kính gửi: Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Vật liệu xây dựng Hồng Hà.

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

Căn cứ Văn bản số 56/CV-VLXDHH ngày 20/10/2023 của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Vật liệu xây dựng Hồng Hà về việc thẩm tra Thiết kế bản vẽ thi công của Báo cáo KTKT bổ sung dự án Khai thác mỏ đất san lấp Mũi Đồi, phường Kỳ Trinh, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh;

Thực hiện theo Hợp đồng tư vấn thẩm tra số 30-HĐ giữa Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Vật liệu xây dựng Hồng Hà và Công ty TNHH Phú Thương về việc thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công của Báo cáo KTKT bổ sung dự án Khai thác mỏ đất san lấp Mũi Đồi, phường Kỳ Trinh, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi xem xét, Công ty TNHH Phú Thương báo cáo kết quả thẩm tra như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TRÌNH

- Tên công trình: Thiết kế bản vẽ thi công của Báo cáo KTKT bổ sung dự án Khai thác mỏ đất san lấp Mũi Đồi, phường Kỳ Trinh, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

+ Loại, cấp công trình: Khai thác khoáng sản làm VLXD;

+ Phân cấp: Cấp III.

- Tên dự án: Khai thác mỏ đất san lấp Mũi Đồi, phường Kỳ Trinh, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

- Chủ đầu tư: Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Vật liệu xây dựng Hồng Hà.

- Giá trị tổng dự toán xây dựng công trình: 9.845.955.000 đồng.



- Nguồn vốn: Vốn Công ty tự có và vay của các tổ chức tín dụng.
- Địa điểm xây dựng: phường Kỳ Trinh, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.
- Nhà thầu khảo sát xây dựng: Công ty TNHH 1TV Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường.
- Nhà thầu lập Thiết kế bản vẽ thi công của Báo cáo KTKT: Công ty TNHH 1TV Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường.

Nhà thầu lập thiết kế cơ sở: Công ty TNHH một thành viên Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường, Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng số NGA-00017013 do Sở Xây dựng Nghệ An cấp ngày 29/7/2021. Chủ nhiệm thiết kế: Kỹ sư khai thác mỏ, Nguyễn Văn Thống - Đại học - Kỹ sư khai thác mỏ (Chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng số NGA-00124527 do Sở Xây dựng Nghệ An cấp ngày 10/11/2021 -Thiết kế xây dựng công trình khai thác mỏ.

II. DANH MỤC HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ THẨM TRA

1. Văn bản pháp lý:

- Quyết định số 3157/QĐ-UBND ngày 15/9/2021 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc phê duyệt trữ lượng mỏ đất san lấp tại khu vực mũi Đồi, phường Kỳ Trinh, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh;

- Quyết định số 153/QĐ-KKT ngày 02/12/2021 của Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh Hà Tĩnh về việc quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư dự án khai thác mỏ đất san lấp Mũi Đồi, phường Kỳ Trinh, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

- Giấy phép số 729/GP-UBND ngày 06/4/2022 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc cấp giấy phép khai thác khoáng sản mỏ đất san lấp Mũi Đồi, phường Kỳ Trinh, thị xã Kỳ Anh cho Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Vật liệu xây dựng Hồng Hà;

- Quyết định số 2561/QĐ-UBND ngày 05/10/2022 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc phê duyệt và công nhận trữ lượng khoáng sản đất san lấp (bổ sung) trong: Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản mỏ đất san lấp Mũi Đồi, phường Kỳ Trinh, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh;

- Quyết định số 187/QĐ-KKT ngày 01/12/2023 của Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh Hà Tĩnh về việc chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư dự án Khai thác mỏ đất san lấp Mũi Đồi, phường Kỳ Trinh, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

2. Danh mục hồ sơ đề nghị thẩm tra:

- Thuyết minh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bổ sung;
- Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công;

3. Các tài liệu sử dụng trong thẩm tra (nếu có)

Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản.

III. NỘI DUNG CHỦ YẾU THIẾT KẾ XÂY DỰNG

1. Quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng.

- TCVN 5326: 2008: Quy phạm kỹ thuật khai thác mỏ lộ thiên;
- QCVN 04:2009/BCT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn khai thác mỏ lộ thiên.

- Các tiêu chuẩn kỹ thuật khác có liên quan.

2. Giải pháp thiết kế chủ yếu của công trình.

- Biên giới khai trường:

Khu vực mỏ đất san lấp tại khu vực mũi Đồi, phường Kỳ Trinh, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh với diện tích 11,3 ha được giới hạn bởi các điểm góc có tọa độ:

Bảng kê tọa độ các điểm mốc giới của diện tích mỏ

Điểm góc	Hệ tọa độ VN 2000, KTT 105 ⁰ 30', múi chiếu 3 ⁰	
	X (m)	Y (m)
1	1993595	589065
A	1993599	589139
B	1993556	589264
C	1993415	589322
F	1993098	589269
7	1993078	589134
8	1993181	589041

- Trữ lượng khai trường:

Trữ lượng còn lại để đưa vào khai thác từ cosd+30m trở lên là: 2.349.192 m³ nguyên khối tương đương với 2.917.696 m³ nguyên khai, hệ số nở rời của đất là 1,242. Trong đó:

+ Trữ lượng từ cosd+57m trở lên (để bán thương mại trên địa bàn và vùng phụ cận) là 616.871 m³ nguyên khối tương đương 766.154 m³ nguyên khai.

+ Trữ lượng từ cosd+30 → cosd+57m (để bán phục vụ xây dựng các công trình sử dụng ngân sách nhà nước) là 1.732.321 m³ nguyên khối tương đương 2.151.542 m³ nguyên khai.

- Công suất thiết kế và tuổi thọ dự án:

+ Công suất của dự án: Công suất 1.000.000m³ đất nguyên khai/năm (tương đương 805.153 m³ đất nguyên khối/năm).

+ Tuổi thọ dự án: 03 năm.

- Mở vỉa:

+ Cải tạo tuyến hào AB của mỏ.

+ Tổng chiều dài đường hào cần phải cải tạo thi công $L_{AB} = 853$ m.

- Chuẩn bị khai trường và trình tự khai thác:

+ Sau khi làm đường để đưa máy xúc và ô tô lên đến tận đỉnh núi, tiến hành khai thác theo từng lớp từ trên xuống dưới theo hình thức cuốn chiếu với chiều cao tầng khai thác $h = 5 - 7$ m, chiều cao tầng kết thúc là $H = 5 - 7$ m (đối với tầng trên cùng có đất phủ để 5m). Đất được máy xúc trực tiếp lên ô tô (của khách hàng) chở trực tiếp đến nơi tiêu thụ. Tùy theo địa hình và chiều dày của lớp thân khoáng của từng khu vực mỏ mà bố trí tầng khai thác và kết thúc cho phù hợp.

+ Mỏ khai thác với công suất là $1.000.000$ m³ đất nguyên khai/năm, tương đương 805.153 m³ đất nguyên khối/năm.

- Hệ thống khai thác, công nghệ khai thác:

+ Hệ thống khai thác: Hệ thống khai thác lớp bằng vận tải trực tiếp bằng ô tô.

+ Công nghệ khai thác: xúc bốc - vận tải.

Các thông số của hệ thống khai thác

TT	Thông số	Ký hiệu	Đơn vị	Giá trị
01	Chiều cao tầng khai thác	h	m	5 - 7
02	Chiều cao tầng kết thúc	H_{kt}	m	5 - 7
03	Chiều rộng đai bảo vệ	B_{bv}	m	3,0
04	Chiều rộng dải khẩu	A	m	16,0
05	Chiều rộng mặt tầng công tác tối thiểu			
	Lớp xiên	B_{ct}	m	18
	Lớp bằng	B_{ctmin}	m	25
06	Góc nghiêng sườn tầng	α	độ	55
07	Góc nghiêng bờ công tác			
	Lớp xiên	φ	độ	60
	Lớp bằng	φ	độ	0
08	Góc nghiêng mặt tầng khai thác	φ_{kt}	%	1 ÷ 2
09	Góc dốc bờ dưng	α_{kt}	độ	
	Phần xung quanh bờ mỏ			50
	Phần giữa mỏ			21÷28 ⁰
10	Chiều rộng đai an toàn tầng kết thúc	C	m	2,0
11	Chiều dài tuyến công tác	L_{ct}	m	200÷300

- Công tác vận tải đất:

+ Mỏ đất san lấp chủ yếu là khai thác đất san lấp phục vụ cho các công trình xây dựng trong vùng. Vì vậy thiết bị vận tải trên mỏ chủ yếu là xe của khách hàng mua tại mỏ.

+ Thiết kế không tính toán số lượng xe mà chỉ tính toán tuyến đường lên mỏ cho ô tô tải tự đổ Hyundai HD 270 hoặc những xe khác có tính năng tương đương (khả năng vận hành, leo dốc, vận chuyển...).

- Công tác đổ thải đất đá:

Theo báo cáo thăm dò: Đất ở khu vực phân bố ở địa hình đồi núi thấp có độ dốc khá thoải từ 20° đến 32° . Lớp thổ nhưỡng (đất trồng): Lớp đất trồng dày khoảng 0,1 - 0,3m có thành phần đất sét lẫn cát, mùn thực vật có màu xám đen, xám nâu. Thành phần sét (khoảng 60 - 70%), còn lại là cát (15 - 20%), dăm sạn (10 - 15%). Lớp này chiếm một phần nhỏ ở diện tích chưa khai thác với diện tích 3,72 ha. Tương đương với trữ lượng phần đất này bằng 7.740 m^3 .

- Công tác tháo khô, thoát nước mỏ:

+ Bố trí hợp lý công trường khai thác: các công trường khai thác phải được thiết kế sao cho ít chịu ảnh hưởng của mưa nhất. Muốn vậy các công trường khai thác phải vừa là khai trường mỏ vừa là công trình thoát nước. Các công trình thoát nước chủ yếu sẽ là các rãnh thoát nước, với độ dốc sao cho nước có thể tự chảy mà không bị lắng đọng cặn và không bị sạt lở do tốc độ dòng chảy quá lớn.

+ Sử dụng các biện pháp ngăn chặn dòng nước mặt (nước mưa tạo nên dòng tạm thời) chảy vào công trường khai thác. Có thể tạo độ nghiêng cho nước mưa thoát ra xa khu vực khai trường. Ngoài ra có thể xây dựng các tường chắn nước hoặc tiến hành đầm chặt bề mặt để giảm lượng ngấm của nước mưa (nếu cần thiết).

- Công tác chế biến khoáng sản:

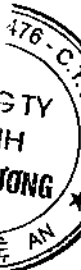
Sản phẩm là đất san lấp và không qua quá trình chế biến sâu. Đất san lấp tại mỏ khi khai thác ra sẽ được ô tô (của khách hàng) chở trực tiếp đến nơi tiêu thụ nên không có công tác chế biến khoáng sản.

- Công tác sửa chữa cơ khí và kho tàng:

+ Khi mỏ đi vào hoạt động công tác sửa chữa cơ điện bao gồm sửa chữa các thiết bị hoạt động trong mỏ như:

STT	Tên thiết bị	Số lượng
1	Máy xúc Komatsu PC 400	05
2	Máy gạt Komatsu - D 31 PX (hoặc D85)	1
3	Ô tô stec dung tích thùng stec $5,0 \text{ m}^3$	1

+ Tại mỏ chỉ làm những công việc sửa chữa nhỏ, bảo dưỡng máy móc, thiết bị... Công tác sửa chữa lớn Công ty sẽ thuê các đơn vị có chứng năng sửa chữa chuyên dụng trên địa bàn.



- Cung cấp điện động lực và trang bị điện:

+ Nguồn điện được lấy từ nguồn điện của Mũi Đồi, phường Kỳ Trinh và được đấu nối trực tiếp từ mạng điện hạ thế cách khu mỏ 500m về phía Đông.

+ Hệ thống chiếu sáng được cấp điện từ hệ thống điện hạ áp trong vùng. Khu vực điều hành, bảo vệ sử dụng bóng đèn huỳnh quang công suất 40W.

- Thông tin liên lạc:

Sử dụng điện thoại cố định và điện thoại di động để phục vụ công tác điều hành, quản lý sản xuất.

- Cung cấp nước và thải nước

+ Nước sinh hoạt: khối lượng 1,2 m³/ngày.đêm; nguồn nước cung cấp cho sinh hoạt mỏ dự kiến sẽ là nước đóng bình là nước mưa từ nhà máy nước trên địa bàn.

+ Nguồn nước phục vụ cho công tác tưới đường đập bụi hàng ngày: 23,5 m³/ngày.đêm; được lấy từ các hố lắng trong khu mỏ.

- Kiến trúc và xây dựng: Không có kiến trúc xây dựng nào.

- Tổng mặt bằng: Tổng diện tích sử dụng là 11,3 ha.

- Kỹ thuật an toàn:

Công tác ATLĐ và vệ sinh công nghiệp cần tuân thủ các quy chuẩn sau:

+ Nghị định số 46/2012/NĐ-CP ngày 22/5/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 35/2003/NĐ-CP ngày 04/4/2003 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy.

+ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy.

+ QCVN 04: 2009/BCT: Quy phạm an toàn trong khai thác mỏ lộ thiên;

- Thời gian thực hiện dự án: 03 năm.

3. Cơ sở xác định dự toán xây dựng.

- Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng về việc xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

- Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng về Định mức chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng.

- Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng về Cơ sở dữ liệu và thiết bị thi công xây dựng.

- Quyết định 1994/QĐ-UBND ngày 28/9/2022 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc công bố Đơn giá xây dựng công trình phần xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

IV. NHẬN XÉT VỀ CHẤT LƯỢNG HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ THẨM TRA

Sau khi nhận được hồ sơ của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Vật liệu xây dựng Hồng Hà, qua xem xét Công ty TNHH Phú Thương báo cáo về chất lượng hồ sơ đề nghị thẩm tra như sau:

1. Quy cách và danh mục hồ sơ thực hiện thẩm tra: Phù hợp hồ sơ theo quy định.

2. Nhận xét, đánh giá về các nội dung thiết kế xây dựng theo quy định tại Điều 80 Luật Xây dựng 2014. Về cơ bản các giải pháp thiết kế là hợp lý.

3. Nhận xét, đánh giá về dự toán xây dựng: Về cơ bản dự toán là hợp lý.

a) Phương pháp lập dự toán được lựa chọn so với quy định hiện hành: Phù hợp.

b) Các cơ sở để xác định các khoản mục chi phí: Phù hợp.

c) Về đơn giá áp dụng: Tuân thủ các quy định hiện hành.

d) Chi phí xây dựng hợp lý: Giải pháp thiết kế và sử dụng vật liệu, trang thiết bị phù hợp với công năng sử dụng của công trình bảo đảm tiết kiệm chi phí đầu tư xây dựng công trình.

4. Kết luận của đơn vị thẩm tra về việc đủ điều kiện hay chưa đủ điều kiện để thực hiện thẩm tra. Đã đủ điều kiện thẩm tra.

V. KẾT QUẢ THẨM TRA THIẾT KẾ XÂY DỰNG

1. Sự phù hợp của thiết kế xây dựng bước sau so với thiết kế xây dựng bước trước: Thiết kế bản vẽ thi công của Dự án Khai thác mỏ đất san lấp Mũi Đồi, phường Kỳ Trinh, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh phù hợp với quy định.

2. Sự tuân thủ các tiêu chuẩn áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật; quy định của pháp luật về sử dụng vật liệu xây dựng cho công trình:

- Về sự tuân thủ các tiêu chuẩn áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật: Tuân thủ các quy định hiện hành.

- Về sử dụng vật liệu cho công trình theo quy định của pháp luật: Tuân thủ các quy định hiện hành.

3. Đánh giá sự phù hợp các giải pháp thiết kế xây dựng với công năng sử dụng của công trình, mức độ an toàn công trình và bảo đảm an toàn của công trình lân cận:

- Đánh giá sự phù hợp của từng giải pháp thiết kế với công năng sử dụng công trình. Về cơ bản phù hợp.

- Đánh giá, kết luận khả năng chịu lực của kết cấu công trình, giải pháp thiết kế bảo đảm an toàn cho công trình lân cận. Về cơ bản phù hợp.

4. Sự hợp lý của việc lựa chọn dây chuyền và thiết bị công nghệ đối với thiết kế công trình có yêu cầu về công nghệ. Về cơ bản phù hợp.

T.N.H.H

5. Sự tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ. Thiết kế đã áp dụng cơ bản đầy đủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật, an toàn trong khai thác mỏ, bảo vệ môi trường, bảo hộ lao động, phòng chống cháy nổ hiện hành.

6. Yêu cầu hoàn thiện hồ sơ (nếu có).

VI. KẾT QUẢ THẨM TRA DỰ TOÁN

1. Nguyên tắc thẩm tra:

a) Về sự phù hợp giữa khối lượng chủ yếu của dự toán với khối lượng thiết kế. Về cơ bản phù hợp.

b) Về tính đúng đắn, hợp lý của việc áp dụng, vận dụng đơn giá xây dựng công trình, định mức chi phí tỷ lệ, dự toán chi phí tư vấn và dự toán các khoản mục chi phí khác trong dự toán xây dựng: Về cơ bản phù hợp.

c) Về giá trị dự toán công trình.

2. Giá trị dự toán xây dựng sau thẩm tra

Tổng vốn đầu tư của dự án: **9.845.955.000** đồng.

VII. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Về cơ bản hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công của Báo cáo Kinh tế - kỹ thuật bổ sung dự án Khai thác mỏ đất san lấp Mũi Đồi, phường Kỳ Trinh, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh sau thẩm định phù hợp với chủ trương, các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành, đủ điều kiện phê duyệt và triển khai các bước tiếp theo.

2. Các bước tiếp theo của việc thực hiện đầu tư, Chủ đầu tư phải tuân thủ các nội dung quy định của Luật Khoáng sản, Luật Xây dựng, các Nghị định của Chính phủ và các văn bản quy định của cấp có thẩm quyền liên quan.

VII. CHỨC NHIỆM, CHỦ TRÌ THẨM TRA CỦA TỪNG BỘ MÔN

Cơ quan thẩm tra: Công ty TNHH Phú Thương. Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng số NGA-00033265 do Sở Xây dựng Nghệ An cấp ngày 24/8/2021.

Địa chỉ: Số 203, đường Phong Định Cảng, phường Trường Thi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Tên cá nhân chủ trì thẩm tra: Kỹ sư khai thác mỏ, Nguyễn Hữu Đức - Đại học Mỏ - Địa chất (Chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng số NGA-00178827 do Sở Xây dựng Nghệ An cấp ngày 22/11/2023 -Thiết kế xây dựng công trình khai thác mỏ).

Nơi nhận:

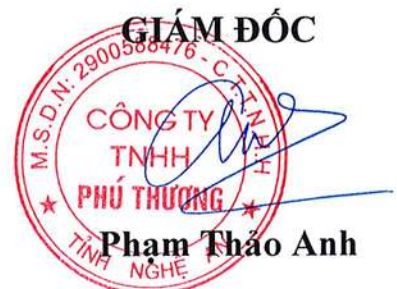
- Như trên;
- Lưu: VT.

CHỦ TRÌ THẨM TRA



Nguyễn Hữu Đức

GIÁM ĐỐC



Phạm Thảo Anh

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH HÀ TĨNH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 78 /QĐ-KKT

QUYẾT ĐỊNH CHẤP THUẬN ĐIỀU CHỈNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ ĐỒNG
THỜI CHẤP THUẬN NHÀ ĐẦU TƯ
(cấp lần đầu: ngày 02 tháng 12 năm 2021)
(điều chỉnh lần thứ 01 ngày 01 tháng 12 năm 2023)
(điều chỉnh lần thứ 02 ngày 30 tháng 3 năm 2024)

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH HÀ TĨNH

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 10 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 381/QĐ-TTg ngày 24 tháng 3 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Hà Tĩnh;

Căn cứ Quyết định số 40/2023/QĐ-UBND ngày 04 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Hà Tĩnh;

Căn cứ Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư số 153/QĐ-KKT do Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Hà Tĩnh cấp lần đầu ngày 02 tháng 12 năm 2021; điều chỉnh lần 01 tại Quyết định số 187/QĐ-KKT ngày 01 tháng 12 năm 2023;

Căn cứ Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư và hồ sơ kèm theo do Công ty TNHH thương mại dịch vụ và vật liệu xây dựng Hồng Hà nộp ngày 09 tháng 01 năm 2024;

Xét báo cáo thẩm định số 1902/BC-QLĐT ngày 19 tháng 02 năm 2024 của phòng Quản lý Đầu tư.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư Dự án Khai thác mỏ đất san lấp Mũi Đồi, phường Kỳ Trinh, thị xã Kỳ



Anh, tỉnh Hà Tĩnh đã được chấp thuận tại Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư số 153/QĐ-KKT ngày 02 tháng 11 năm 2021, điều chỉnh lần 01 tại Quyết định số 187/QĐ-KKT ngày 01 tháng 12 năm 2023 với nội dung điều chỉnh như sau:

Nội dung điều chỉnh:

Khoản 3, Điều 1: Mục tiêu dự án:

TT	Mục tiêu hoạt động	Tên ngành (Ghi tên ngành cấp 4 theo VSIC)	Mã ngành theo VSIC (Mã ngành cấp 4)
1	Khai thác đất san lấp	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Vật liệu xây dựng Hồng Hà có trách nhiệm: thực hiện ký quỹ bổ sung, hoàn thiện các hồ sơ, thủ tục để triển khai thực hiện dự án theo đúng các nội dung quy định tại Quyết định chấp thuận, điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư và các nội dung trong Hồ sơ đề xuất, điều chỉnh dự án và các quy định của pháp luật hiện hành.

2. Đối với trữ lượng đất san lấp đã được phê duyệt, phải tuân thủ mục đích khai thác theo các Quyết định số: 3157/QĐ-UBND ngày 15/9/2021 về việc phê duyệt và công nhận trữ lượng khoáng sản đất san lấp; 2561/QĐ-UBND ngày 05/10/2023 về việc phê duyệt và công nhận trữ lượng khoáng sản đất san lấp (bổ sung) trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản mỏ đất san lấp Mũi Đồi, phường Kỳ Trinh, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh” của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh và Giấy phép khai thác khoáng sản được cấp.

3. Các phòng chuyên môn của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Hà Tĩnh theo chức năng, nhiệm vụ được giao, thường xuyên theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn, hỗ trợ Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Vật liệu xây dựng Hồng Hà thực hiện dự án kịp thời, đảm bảo chất lượng, tiến độ và các nội dung khác có liên quan.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 3 năm 2024 và là một bộ phận không tách rời của Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư số 153/QĐ-KKT ngày 02 tháng 12 năm 2021 và Quyết định số 187/QĐ-KKT ngày 01 tháng 12 năm 2023 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Hà Tĩnh.

2. Chánh Văn phòng, Trưởng các phòng thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Hà Tĩnh, Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Vật liệu xây dựng Hồng Hà và các tổ chức, cá nhân có liên quan thi hành Quyết định này.

3. Quyết định này được lập thành 02 (hai) bản gốc; Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Vật liệu xây dựng Hồng Hà được cấp 01 bản, 01 bản được lưu tại Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Hà Tĩnh./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Trường ban; Các Phó Trường ban;
- Chánh Văn phòng;
- Các phòng; VPĐD;
- Lưu: VT, QLĐT.

TRƯỞNG BAN



Lê Trung Phước



Số: 1705 /QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày 11 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số 729/GP-UBND ngày 06/4/2022 của UBND tỉnh; các Quyết định của UBND tỉnh: số 2561/QĐ-UBND ngày 05/10/2023 về việc phê duyệt và công nhận trữ lượng khoáng sản đất san lấp (bổ sung) trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản mỏ đất san lấp Mũi Đồi, phường Kỳ Trinh, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh”, số 1312/QĐ-UBND ngày 27/5/2024 về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nâng công suất mỏ đất san lấp Mũi Đồi, phường Kỳ Trinh, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh”; các Quyết định của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh: số 153/QĐ-KKT ngày 02/12/2021 (cấp lần đầu), số 187/QĐ-KKT ngày 01/12/2023 (điều chỉnh lần thứ 01), số 78/QĐ-KKT ngày 30/3/2024 (điều chỉnh lần thứ 02) về chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư Dự án khai thác mỏ đất san lấp Mũi Đồi, phường Kỳ Trinh, thị xã Kỳ Anh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 2562/STNMT-KS ngày 14/6/2024 (kèm theo Đơn và Hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản của Công ty TNHH thương mại dịch vụ và vật liệu xây dựng Hồng Hà ngày 30/5/2024); thực hiện Kết luận của UBND tỉnh tại Phiên họp ngày 09/7/2024 (Thông báo số 314/TB-UBND ngày 09/7/2024).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 6, khoản 7 Điều 1 và bổ sung khoản 8 vào Điều 1 Giấy phép khai thác khoáng sản số 729/GP-UBND ngày 06/4/2022 của UBND tỉnh cấp cho Công ty TNHH thương mại dịch vụ và vật liệu xây dựng Hồng Hà khai thác đất làm vật liệu san lấp tại mỏ đất san lấp Mũi Đồi, phường Kỳ Trinh, thị xã Kỳ Anh, như sau:

“2. Độ sâu khai thác thấp nhất, cốt: +30m”.

“3. Trữ lượng khoáng sản được phép đưa vào thiết kế khai thác: 3.025.667m³ (bao gồm: trữ lượng đưa vào thiết kế khai thác theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 729/GP-UBND ngày 06/4/2022 của UBND tỉnh là 1.174.875m³; trữ lượng bổ sung từ cốt +57m đến +30m là 1.850.792m³)”.

“4. Trữ lượng khai thác: 2.800.049m³ (bao gồm: trữ lượng được phép khai thác theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 729/GP-UBND ngày 06/4/2022 của UBND tỉnh là 1.067.728m³; trữ lượng được phép khai thác bổ sung là 1.732.321m³)”.

“6. Công suất khai thác: 1.000.000m³ nguyên khai/năm”.

“7. Thời hạn khai thác: đến hết ngày 24/8/2027”.

“8. Mục đích sử dụng khoáng sản: trong trữ lượng tăng thêm từ cốt +57m đến cốt +30m được phép đưa vào thiết kế khai thác 1.850.792m³ đất san lấp, gồm: trữ lượng khai thác 1.732.321m³ phục vụ xây dựng các công trình sử dụng vốn ngân sách Nhà nước theo Phụ lục 1 kèm theo; trữ lượng còn lại 118.471m³ để lại tăng khai thác theo thiết kế, không đưa vào khai thác”.

Điều 2. Công ty TNHH thương mại dịch vụ và vật liệu xây dựng Hồng Hà (đơn vị đề xuất), Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh (đơn vị phối hợp), Sở Tài nguyên và Môi trường (đơn vị tham mưu) chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh, các cơ quan liên quan về thông tin, số liệu đề xuất, nội dung thẩm định, tham mưu tại các Văn bản nêu trên và quá trình tổ chức thực hiện, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật về khoáng sản, đầu tư và các quy định có liên quan.

Điều 3. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị liên quan:

1. Công ty TNHH thương mại dịch vụ và vật liệu xây dựng Hồng Hà:

- Nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và các khoản phí, lệ phí có liên quan theo quy định hiện hành;

- Khai thác, sử dụng khoáng sản đất san lấp đúng mục đích quy định tại khoản 8 Điều 1 Quyết định này. Trường hợp thay đổi khối lượng vật liệu đất đắp của các công trình, dự án tại khoản 8 Điều 1 Quyết định này dẫn đến khối lượng cung cấp thực tế cho các công trình nhỏ hơn 1.732.321m³ thì khối lượng đất đắp còn lại phải phục vụ các công trình, dự án có sử dụng vốn ngân sách Nhà nước sau khi được UBND tỉnh cho phép; khi bổ sung các công trình, dự án có sử dụng

vốn ngân sách Nhà nước nằm ngoài các công trình nêu tại khoản 8 Điều 1 Quyết định này thì kịp thời báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường để tham mưu UBND tỉnh bổ sung, điều chỉnh theo đúng quy định. Trường hợp Công ty TNHH thương mại dịch vụ và vật liệu xây dựng Hồng Hà vi phạm các quy định nêu trên phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bị xử lý nghiêm theo đúng quy định.

- Tiếp tục khai thác khoáng sản, thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định tại Giấy phép khai thác khoáng sản số 729/GP-UBND ngày 06/4/2022 của UBND tỉnh.

- Thực hiện thủ tục điều chỉnh thời hạn thuê đất theo thời hạn được phép khai thác quy định tại khoản 7 Điều 1 Quyết định này.

2. Sở Xây dựng: chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và đơn vị liên quan rà soát, tính toán xác định để công bố giá vật liệu đất san lấp tại Mỏ đất san lấp Mũi Đồi, phường Kỳ Trinh, thị xã Kỳ Anh đối với trữ lượng được phép khai thác 1.732.321m³ theo giá vật liệu được cấp phép khai thác không thông qua đấu giá để phục vụ xây dựng các công trình sử dụng vốn ngân sách Nhà nước bảo đảm theo đúng quy định.

3. Chủ đầu tư các công trình, dự án theo Phụ lục 1 kèm theo Quyết định này căn cứ khối lượng đất do Mỏ đất san lấp Mũi Đồi cung cấp phục vụ xây dựng công trình, thực hiện thủ tục điều chỉnh dự toán, giá trị thanh, quyết toán công trình theo công bố giá vật liệu đất san lấp của Sở Xây dựng bảo đảm theo đúng quy định tại Mỏ đất san lấp Mũi Đồi, phường Kỳ Trinh, thị xã Kỳ Anh.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường: kiểm tra, hướng dẫn Công ty TNHH thương mại dịch vụ và vật liệu xây dựng Hồng Hà thực hiện thủ tục điều chỉnh thời hạn thuê đất theo thời hạn được phép khai thác quy định tại khoản 7 Điều 1 Quyết định này; đôn đốc, yêu cầu Chủ mỏ khai thác, sử dụng đất san lấp đúng mục đích quy định.

5. Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Cục Thuế tỉnh, UBND thị xã Kỳ Anh và cơ quan liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao, kiểm tra, theo dõi, giám sát việc khai thác, sử dụng khoáng sản của Công ty TNHH thương mại dịch vụ và vật liệu xây dựng Hồng Hà theo đúng quy định tại Khoản 8 Điều 1 Quyết định này và các quy định hiện hành; trường hợp phát hiện vi phạm, kịp thời xử lý hoặc tham mưu cơ quan có thẩm quyền xử lý theo đúng quy định.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành, là bộ phận không tách rời của Giấy phép khai thác khoáng sản số 729/GP-UBND ngày 06/4/2022 của UBND tỉnh.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc (Thủ trưởng) các Sở, ngành: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Khu vực Khu kinh tế tỉnh, Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND thị xã Kỳ Anh, Chủ tịch UBND phường Kỳ Trinh, Giám đốc Công ty TNHH thương mại dịch vụ và vật liệu xây dựng Hồng

Hà và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (đề b/c);
- Cục Khoáng sản Việt Nam;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Trung tâm CB-TH tỉnh;
- Lưu VT, NL.

Chào

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Bái Hà

PHỤ LỤC 1:
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
ĐƯỢC CUNG ỨNG BỞI TRỮ LƯỢNG ĐẤT SAN LẤP 1.732.321M³

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2024 của UBND tỉnh)

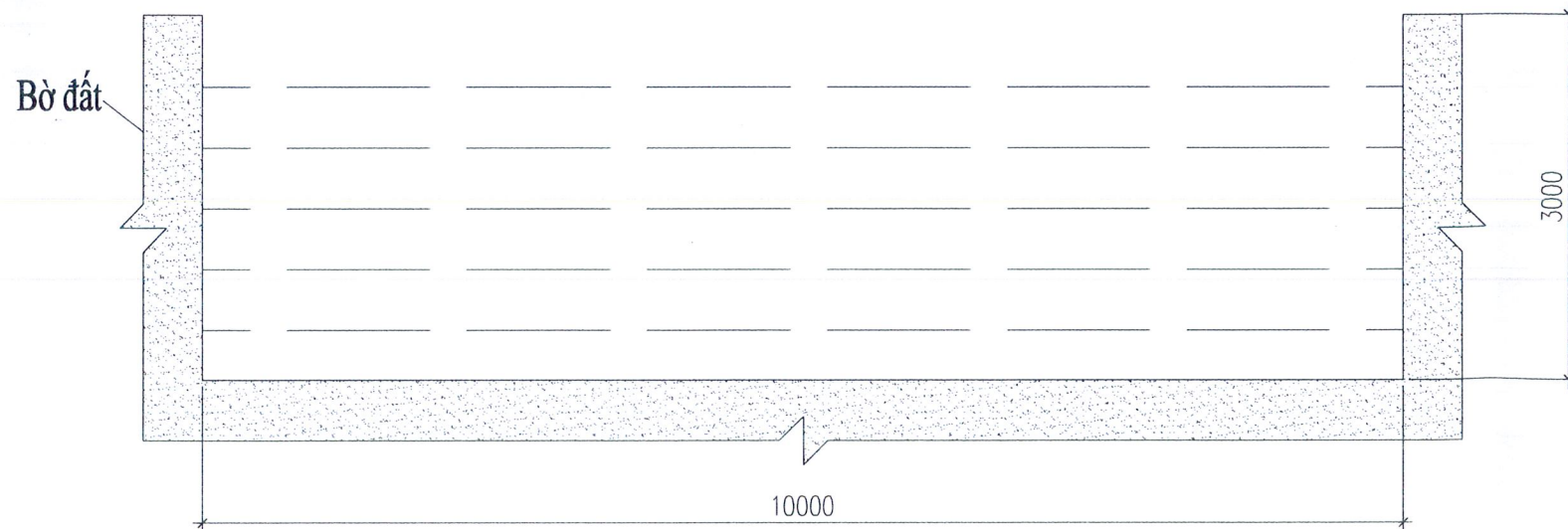
TT	Tên công trình	Khối lượng đất đắp dự kiến (m³)
1	KA-PW-03 Đường kết nối đô thị trung tâm đoạn 2 thuộc dự án WB	45.000
2	KA-PW-06 Trạm xử lý nước thải thuộc dự án WB	70.000
3	KA-PW-08 Kè và đường hai bên bờ sông Trí (đoạn từ cầu Trí đến cầu Chợ Cầu) thuộc dự án WB	69.000
4	Hạ tầng Khu tái định cư tại phường Kỳ Thịnh phục vụ dự án Đường trục chính trung tâm nối Quốc lộ 1 đoạn tránh thị xã Kỳ Anh đến cụm cảng nước sâu Vũng Áng - Sơn Dương	125.000
5	Đường trục dọc đô thị trung tâm thị xã Kỳ Anh	65.000
6	Mở rộng nghĩa trang xã Kỳ Lợi tại phường Hưng Trí, thị xã Kỳ Anh	35.000
7	Kè biển dọc theo Khu tái định cư thôn Minh Huệ, xã Kỳ Nam, thị xã Kỳ Anh	28.000
8	Lâm Viên khu đô thị trung tâm thị xã Kỳ Anh	10.000
9	Nạo vét bến neo đậu tàu thuyền nghề cá tại phường Kỳ Phương, thị xã Kỳ Anh	5.000
10	Cầu Ngụ Chùa và đường hai đầu cầu, phường Kỳ Trinh, thị xã Kỳ Anh	4.000
11	Sửa chữa, nâng cấp đường từ Quốc lộ 1A đi nghĩa trang phường Hưng Trí	7.000
12	Đường vào trường và các hạng mục phụ trợ Trường Mầm non Kỳ Trinh (điểm Quyên Thượng)	5.000
13	Đường kết nối Tổ dân phố Trần Phú, phường Hưng Trí với đường trục dọc đô thị trung tâm (đường vào trạm xử lý nước thải)	50.000
14	Mở rộng nghĩa trang xã Kỳ Nam (2ha)	18.000
15	Dự phòng (20%)	107.200
16	Đường trục chính Trung tâm nối Quốc lộ 1 đoạn tránh thị xã Kỳ Anh đến cụm cảng nước sâu Vũng Áng - Sơn Dương	860.492
17	Đường vành đai phía Nam Khu kinh tế Vũng Áng	80.000
18	Đường từ Quốc lộ 12C đi Khu kiên cố gang thép Formosa	718.008
	Tổng	2.301.700

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

HỒ LẮNG

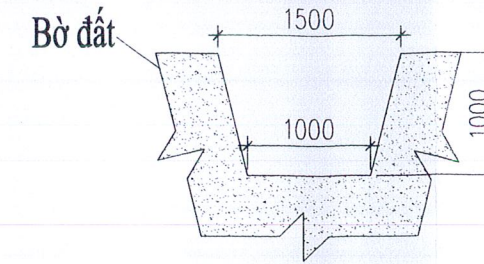


MẶT BẰNG HỒ LẮNG



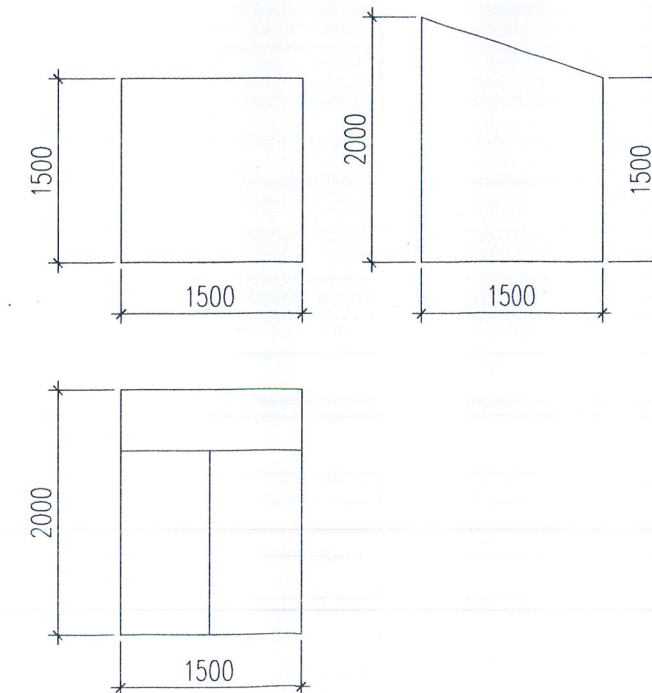
MẶT CẮT HỒ LẮNG

MƯƠNG THOÁT NƯỚC



MẶT CẮT MƯƠNG THOÁT NƯỚC

KHO CHẤT THẢI NGUY HẠI



TT	NGÀY	CHỈNH SỬA
1		
2		
3		

TÊN CÔNG TRÌNH
NĂNG CƯỜNG SỨC KHAI THÁC MỎ ĐẤT SAN LẤP
MÙI ĐỒI, PHƯỜNG KỶ TRINH, THỊ XÃ KỶ ANH,
TỈNH HÀ TĨNH

ĐỊA ĐIỂM
PHƯỜNG KỶ TRINH, THỊ XÃ KỶ ANH, TỈNH HÀ TĨNH

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI
DỊCH VỤ VÀ VLXD HỒNG HÀ

GIÁM ĐỐC
CÔNG TY
T.N.H.H
THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ
VLXD HỒNG HÀ
BÙI THỨC HIẾU

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ



CÔNG TY TNHH 1TV KỸ THUẬT
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

ĐỊA CHỈ: 300 ĐƯỜNG NGUYỄN HIẾN
HÀNG PHỐ VINH, TỈNH NGHỆ AN

CÔNG TY TNHH
1TV KỸ THUẬT
TÀI NGUYÊN VÀ
MÔI TRƯỜNG
TP. VINH, TỈNH NGHỆ AN
PHẠM ANH TUẤN

TÊN BẢN VẼ
**BẢN VẼ HỒ LẮNG, MƯƠNG
THOÁT NƯỚC, KHO CTNH**

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN

KS. LÊ TRUNG DŨNG

CHỦ TRÌ

KS. LÊ TRUNG DŨNG

THIẾT KẾ

KS. LÊ TRUNG DŨNG

KIỂM TRA

KS. TRẦN TRỌNG PHÚC

SỐ HIỆU DỰ ÁN:

HỒ SƠ
HOÀN CÔNG

TỈ LỆ:

KÝ HIỆU BẢN VẼ
BVMT1

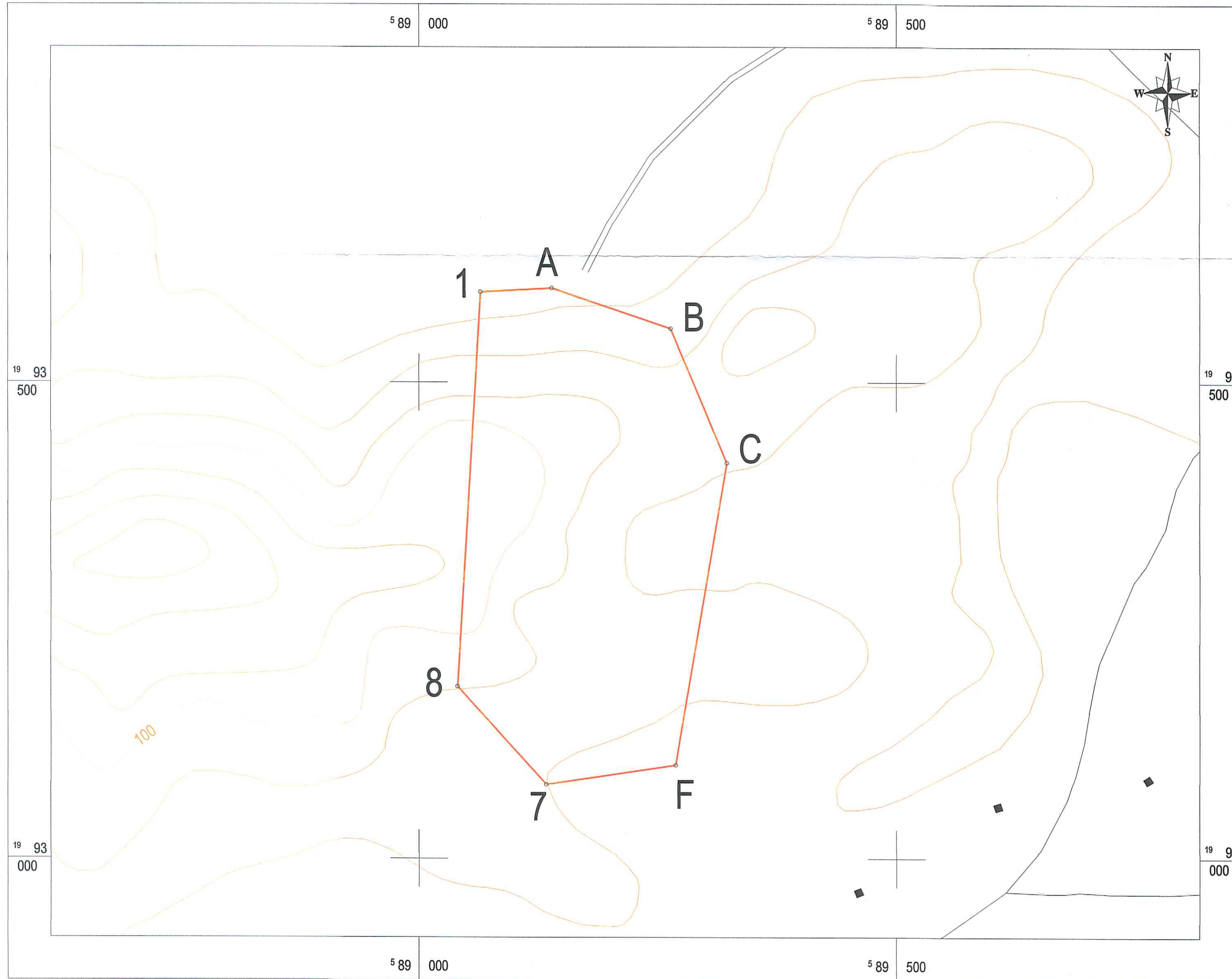
HOÀN THÀNH:
NĂM 2024

BẢN ĐỒ KHU VỰC KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

Dự án Nâng công suất khai thác mỏ đất san lấp Mũi Đồi, phường Kỳ Trinh, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh

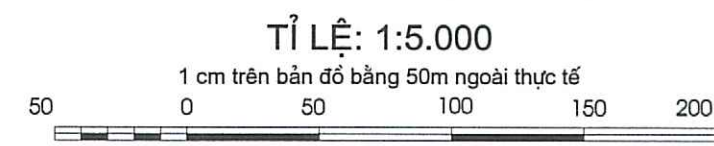
TỌA ĐỘ CÁC ĐIỂM GÓC

Điểm góc	Hệ tọa độ VN2000 KTT 105°30' múi chiếu 3°	
	X(m)	Y(m)
1	1993595	589065
A	1993599	589139
B	1993556	589264
C	1993415	589322
F	1993098	589269
7	1993078	589134
8	1993181	589041
S = 11,3 ha		



CHỈ DẪN

	ĐƯỜNG BÌNH ĐỘ VÀ ĐỘ CAO
	SÔNG, HỒ CÓ NƯỚC THEO MÙA
	1 - SÔNG, HỒ CÓ NƯỚC THƯỜNG XUYÊN
	2 - ĐƯỜNG MÉP NƯỚC
	ĐƯỜNG GIAO THÔNG



CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG HỒNG HÀ
GIÁM ĐỐC

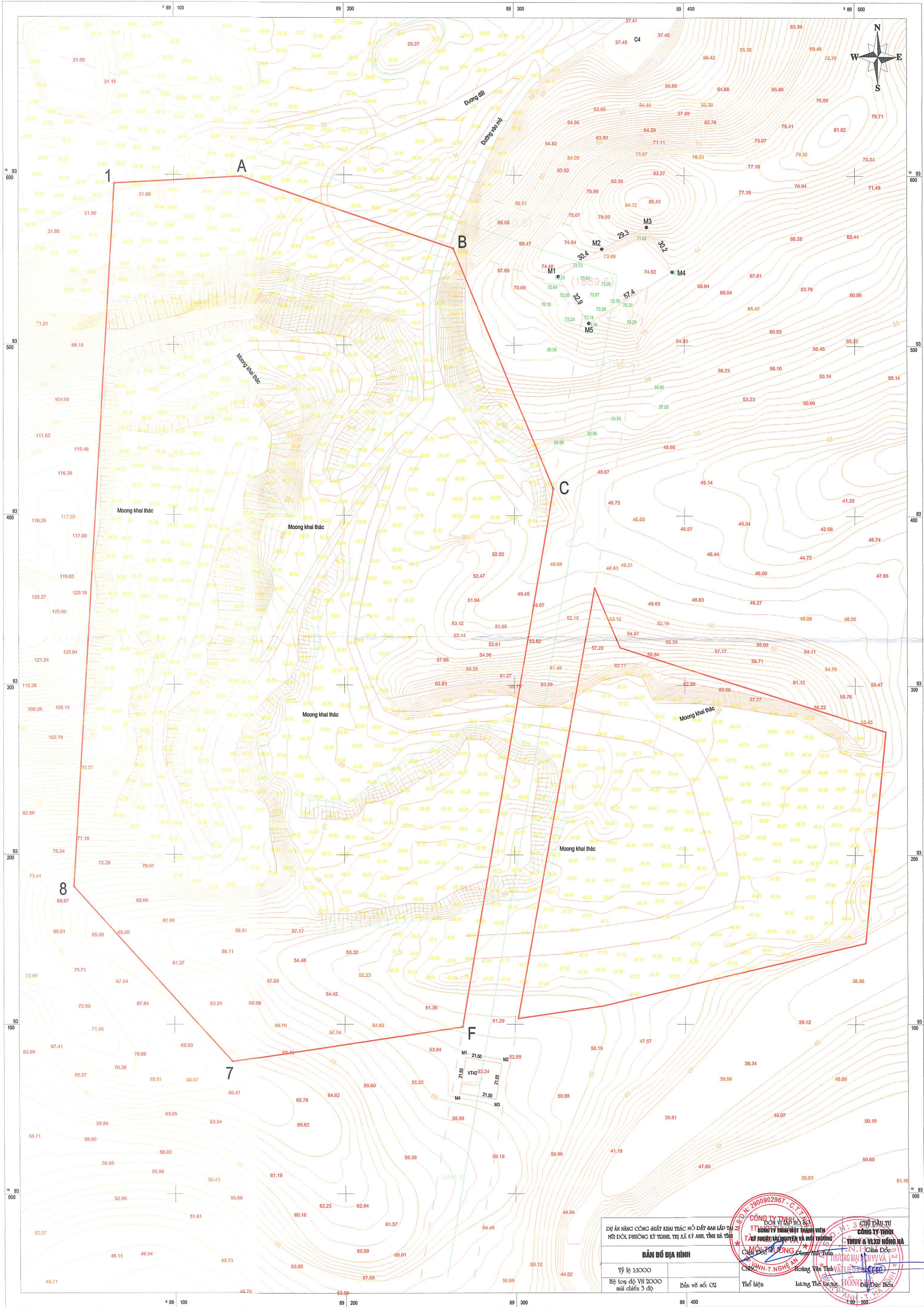


Bùi Đức Hiếu

"Được trích lục từ tờ bản đồ địa hình phường Kỳ Trinh tỉ lệ 1/10.000.
Kinh tuyến trục 105 độ 30', múi chiếu 3 độ.
Tờ bản đồ số 1(10-142590+142596+136590) và số 2 (10-142590
+142596+136590+136596)".

BẢN ĐỒ ĐỊA HÌNH

MỎ ĐẤT SAN LẤP KHU VỰC MŨI ĐÒI, PHƯỜNG KỶ TRINH, THỊ XÃ KỶ ANH, TỈNH HÀ TĨNH

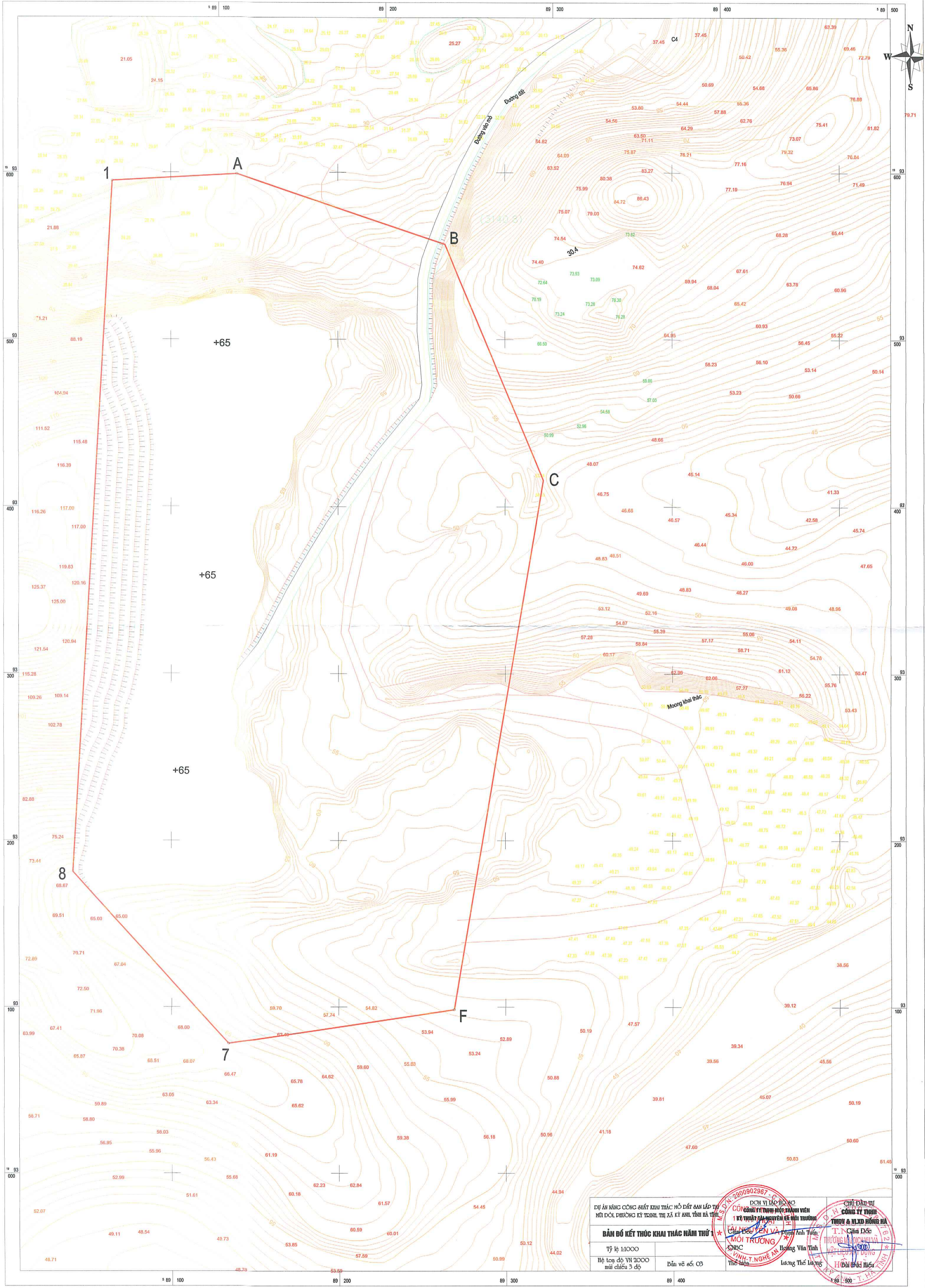


DỰ ÁN NÂNG CẤP CÔNG SUẤT KHAI THÁC MỎ ĐẤT SAN LẤP TẠI MŨI ĐÒI, PHƯỜNG KỶ TRINH, THỊ XÃ KỶ ANH, TỈNH HÀ TĨNH
BẢN ĐỒ ĐỊA HÌNH
 Tỷ lệ 1:1000
 Hệ tọa độ VN 2000
 múi chiếu 3 độ
 Đơn vẽ số: C2
 Thể hiện
 Ngày tháng năm lập



BẢN ĐỒ KẾT THÚC KHAI THÁC NĂM THỨ 1

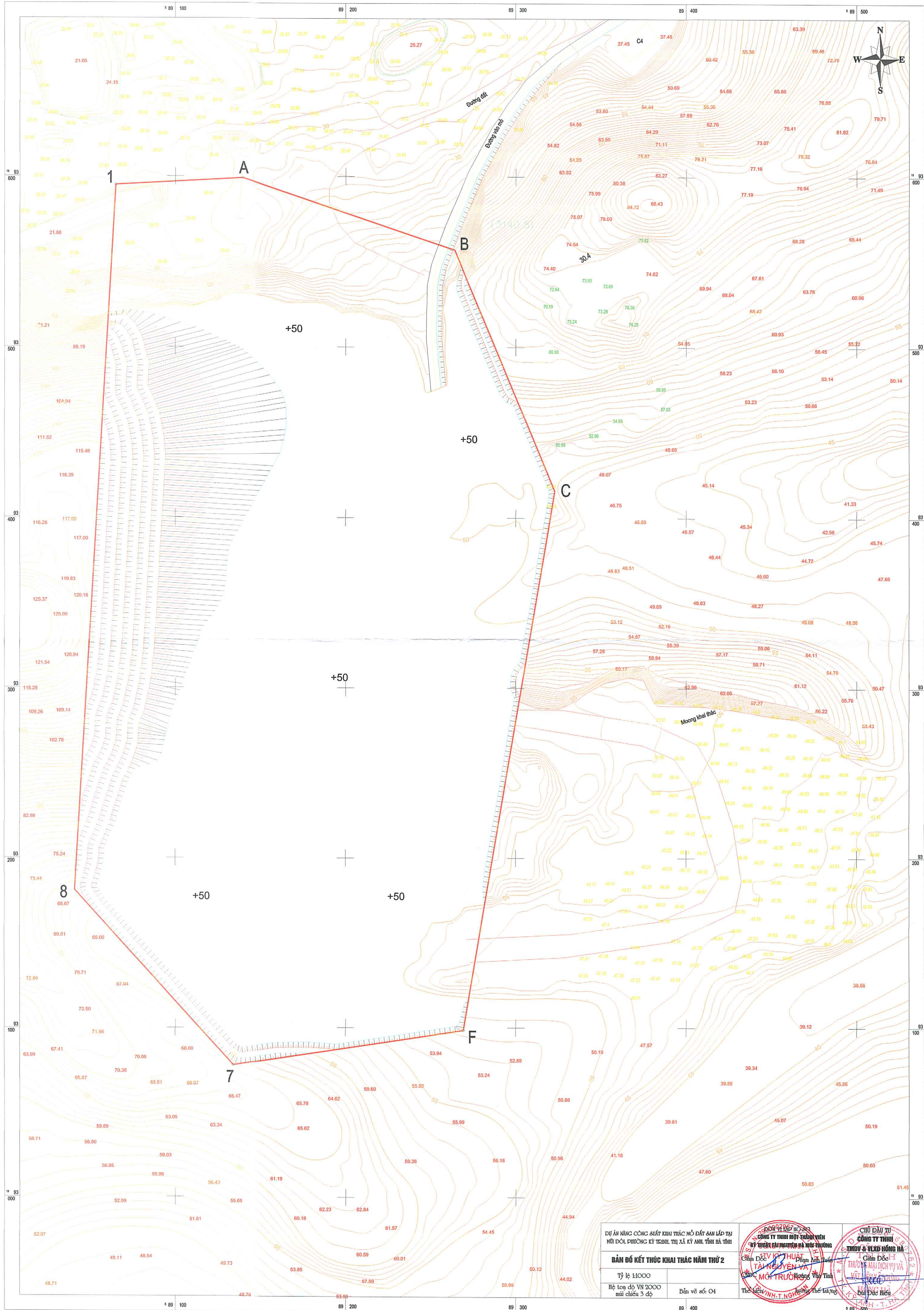
MỎ ĐẤT SAN LẬP KHU VỰC MŨI ĐÒI, PHƯỜNG KỶ TRINH, THỊ XÃ KỶ ANH, TỈNH HÀ TĨNH



DỰ ÁN NÂNG CẤP QUÁT KHAI THÁC MỎ ĐẤT SAN LẬP KHU VỰC MŨI ĐÒI, PHƯỜNG KỶ TRINH, THỊ XÃ KỶ ANH, TỈNH HÀ TĨNH CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ MÔI TRƯỜNG		ĐƠN VỊ LẬP QUẢN CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ MÔI TRƯỜNG 1 KỶ TRINH, PHƯỜNG KỶ ANH, THỊ XÃ KỶ ANH, TỈNH HÀ TĨNH		CHỦ ĐẦU TƯ CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ MÔI TRƯỜNG T. T. Cẩm Đức	
BẢN ĐỒ KẾT THÚC KHAI THÁC NĂM THỨ 1		CHỈ DẪN VÀ PHƯƠNG ANH TUẤN MÔI TRƯỜNG VÀ MÔI TRƯỜNG		T. T. Cẩm Đức CHỦ ĐẦU TƯ	
Tỷ lệ 1:1000	Đầu vẽ số. 03	Hàng Văn Tĩnh	Hoàng Thế Lương	HỒI ĐÁP T. T. Cẩm Đức	
Thế tọa độ VN 2000 mũi chiều 3 độ				HỒI ĐÁP T. T. Cẩm Đức	

BẢN ĐỒ KẾT THÚC KHAI THÁC NĂM THỨ 2

MỎ ĐẤT SAN LẤP KHU VỰC MŨI ĐÒI, PHƯỜNG KỶ TRINH, THỊ XÃ KỶ ANH, TỈNH HÀ TĨNH



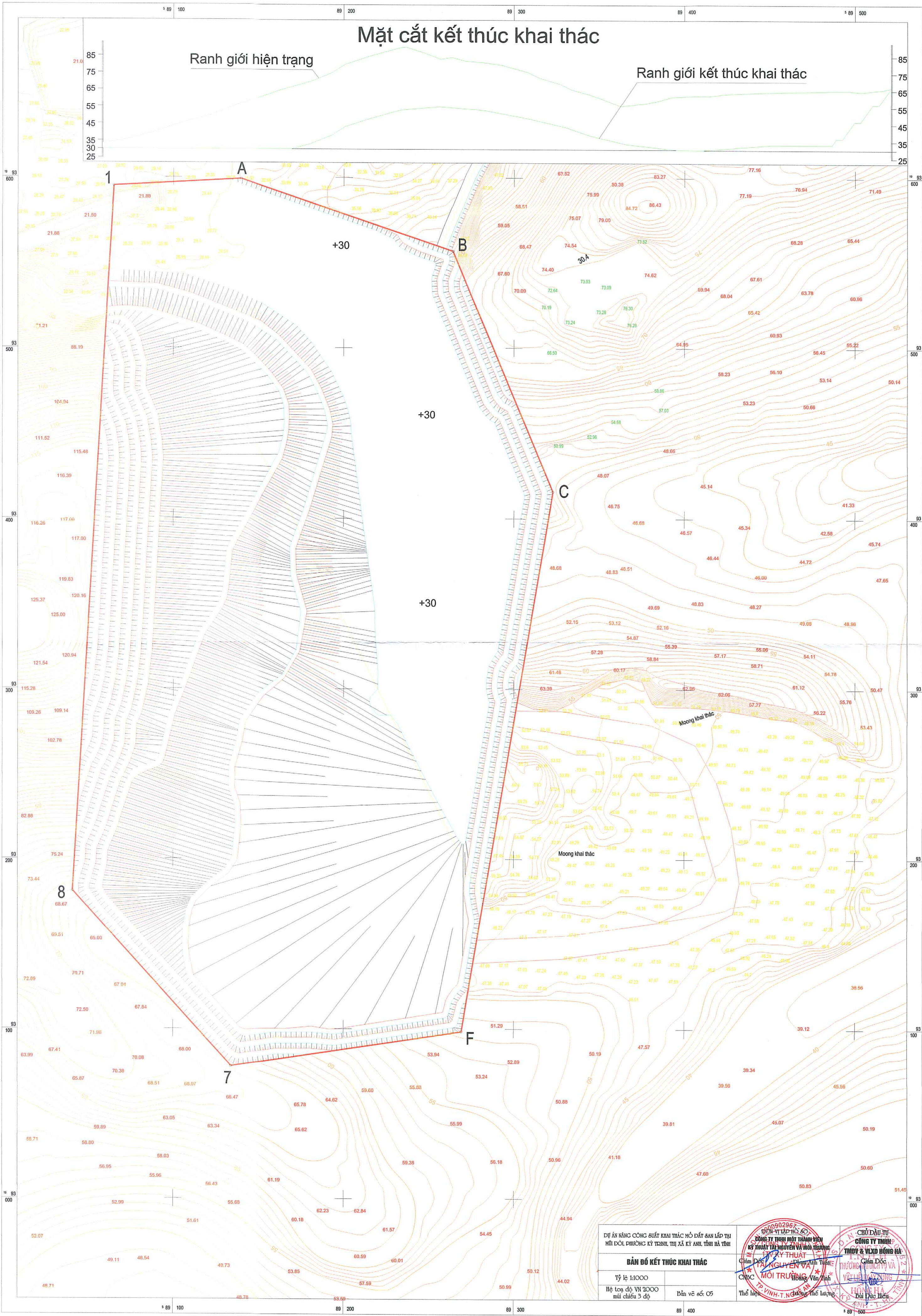
DỰ ÁN NÂNG CẤP SUẤT KHAI THÁC MỎ ĐẤT SAN LẤP TẠI
 MŨI ĐÒI, PHƯỜNG KỶ TRINH, THỊ XÃ KỶ ANH, TỈNH HÀ TĨNH
BẢN ĐỒ KẾT THÚC KHAI THÁC NĂM THỨ 2
 Tỷ lệ 1:1000
 Hệ tọa độ VN 2000
 múi chiếu 3 độ

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KỸ THUẬT VÀ THIẾT KẾ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	CHỦ ĐẦU TƯ CÔNG TY TNHH TẠO VÀ VÀO HỒNG HÀ
Giám Đốc TRẦN MẠI DỊCH VỤ VÀ THIẾT KẾ ĐỒ DẪN HIỆN	Giám Đốc TẠO VÀ VÀO HỒNG HÀ ĐỒ DẪN HIỆN

BẢN ĐỒ KẾT THÚC KHAI THÁC

MỎ ĐẤT SAN LẤP KHU VỰC MŨI ĐÒI, PHƯỜNG KỶ TRINH, THỊ XÃ KỶ ANH, TỈNH HÀ TĨNH

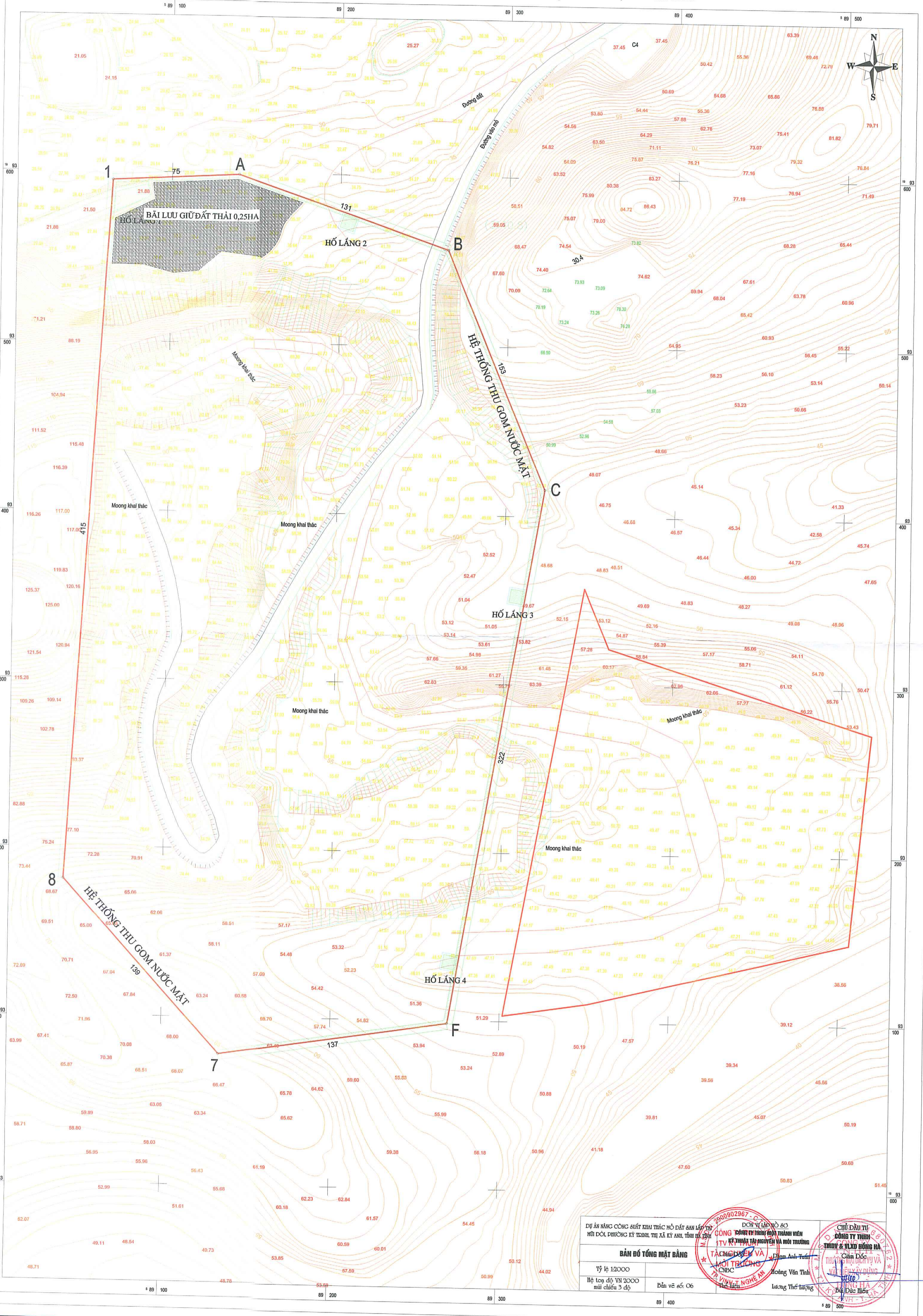
Mặt cắt kết thúc khai thác



DỰ ÁN KINH CÔNG SUẤT KHAI THÁC MỎ ĐẤT SAN LẤP TẠI MŨI ĐÒI, PHƯỜNG KỶ TRINH, THỊ XÃ KỶ ANH, TỈNH HÀ TĨNH			
BẢN ĐỒ KẾT THÚC KHAI THÁC			
Tỷ lệ 1:10000 Hệ tọa độ VN 2000 múi chiếu 3 độ	Bản vẽ số: 05		

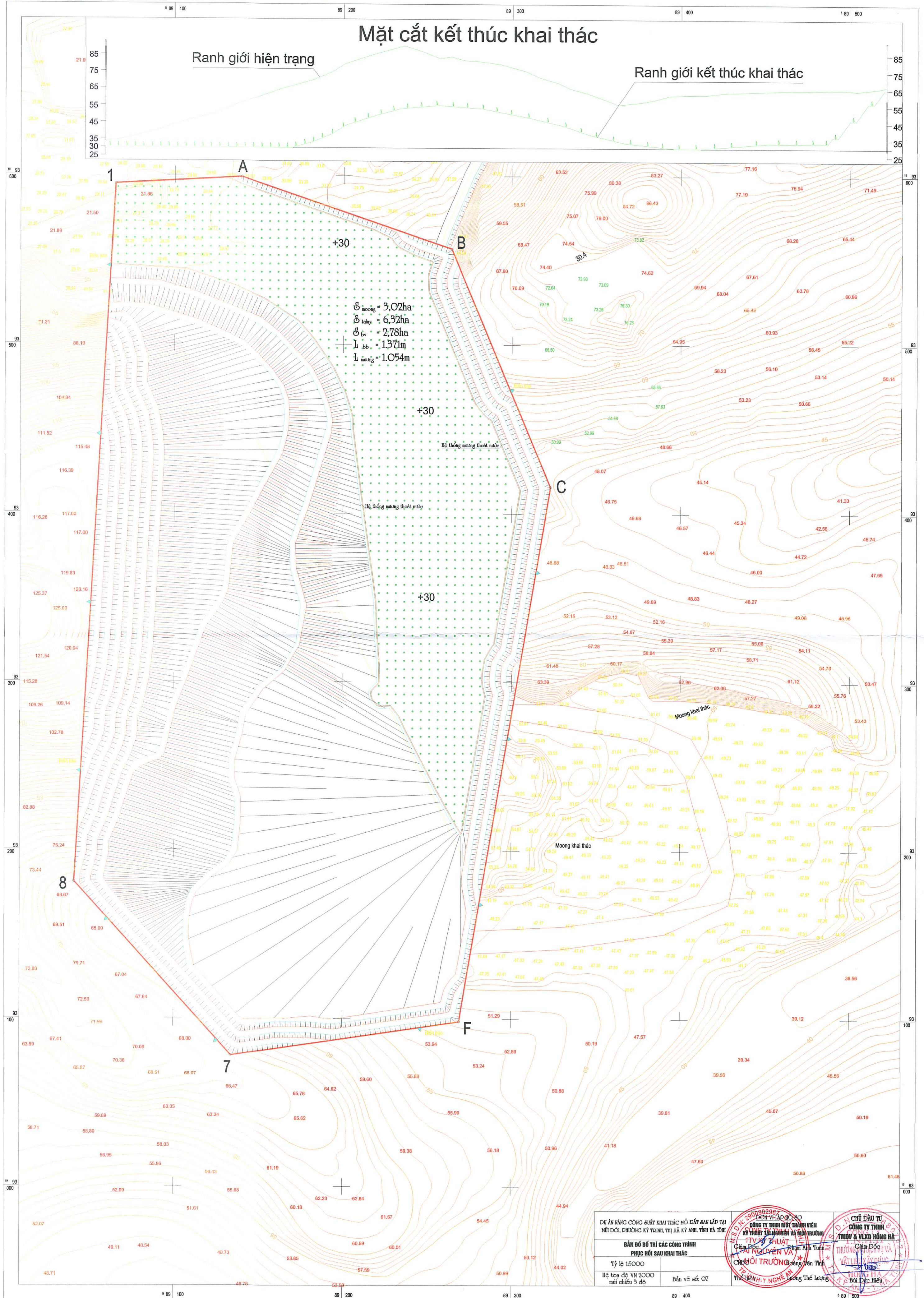
BẢN ĐỒ TỔNG MẶT BẰNG

MỎ ĐẤT SAN LẤP KHU VỰC MŨI ĐÔI, PHƯỜNG KỶ TRINH, THỊ XÃ KỶ ANH, TỈNH HÀ TĨNH



DỰ ÁN HÀNG CÔNG SUẤT KHAI THÁC MỎ ĐẤT SAN LẤP TẠI MŨI ĐÔI, PHƯỜNG KỶ TRINH, THỊ XÃ KỶ ANH, TỈNH HÀ TĨNH		ĐƠN VỊ LẬP MỒ 3D CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ THÀNH VIÊN CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ THIẾT KẾ KỸ THUẬT VÀNG VÀ MÔI TRƯỜNG	CHỦ ĐẦU TƯ CÔNG TY TNHH THƯƠNG VÀ CÔNG NGHIỆP HÀ TĨNH
BẢN ĐỒ TỔNG MẶT BẰNG		TÁC GIẢ VÀ MÔ TẢ CHỨC DANH VÀ CHỨC DANH VÀ CHỨC DANH	Giám Đốc Phó Giám Đốc Kỹ Sư Kỹ Thuật
Tỷ lệ 1:2000 Hệ tọa độ VN 2000 múi chiếu 3 độ		Bản vẽ số: O6 Hoàng Văn Tĩnh Lương Thế Lương	Ngày: 15/08/2024 Địa điểm:

**BẢN ĐỒ BỐ TRÍ CÁC CÔNG TRÌNH PHỤC HỒI SAU KHAI THÁC
MỎ ĐẤT SAN LẤP KHU VỰC MŨI ĐÒI, PHƯỜNG KỲ TRINH, THỊ XÃ KỲ ANH, TỈNH HÀ TĨNH**



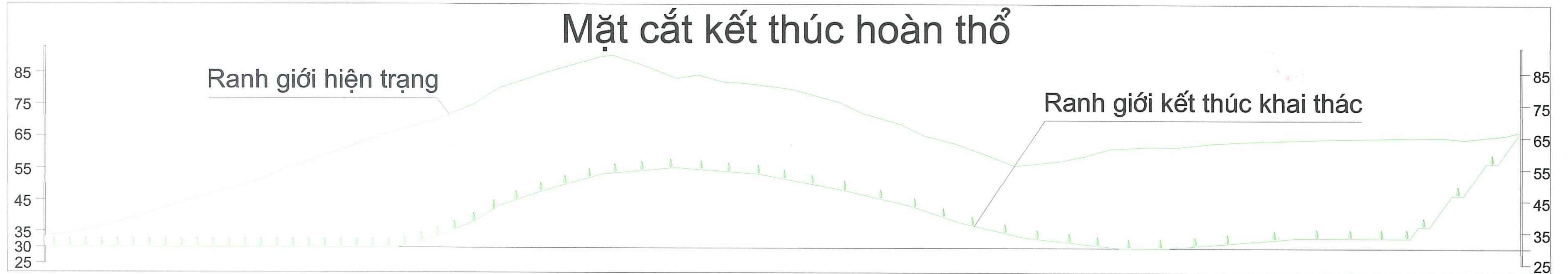
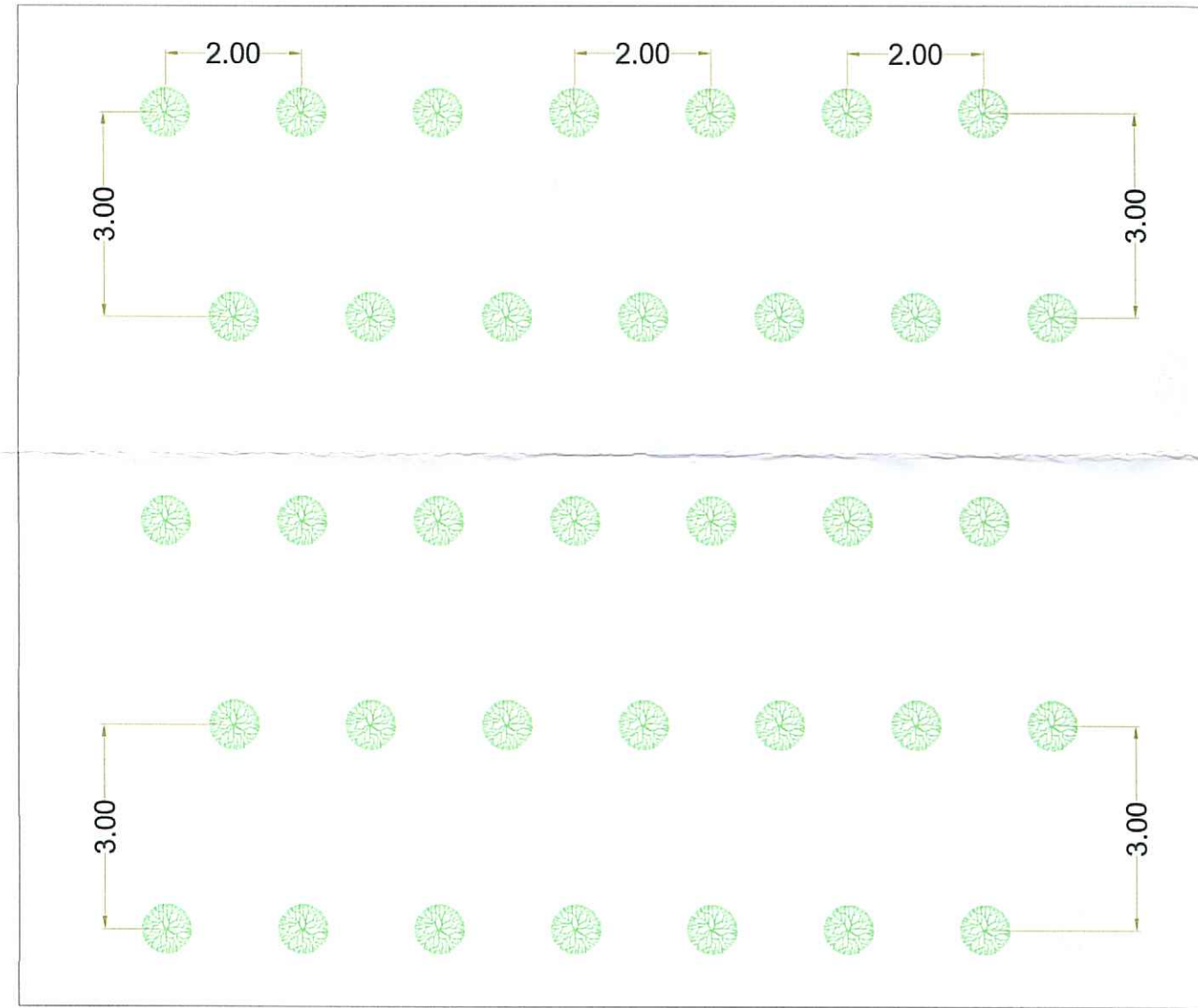
$S_{\text{mọc}} = 3,02\text{ha}$
 $S_{\text{đầy}} = 6,32\text{ha}$
 $S_{\text{đv}} = 2,78\text{ha}$
 $L_{\text{bb}} = 137\text{m}$
 $L_{\text{mọc}} = 1054\text{m}$

Hệ thống mương thoát nước

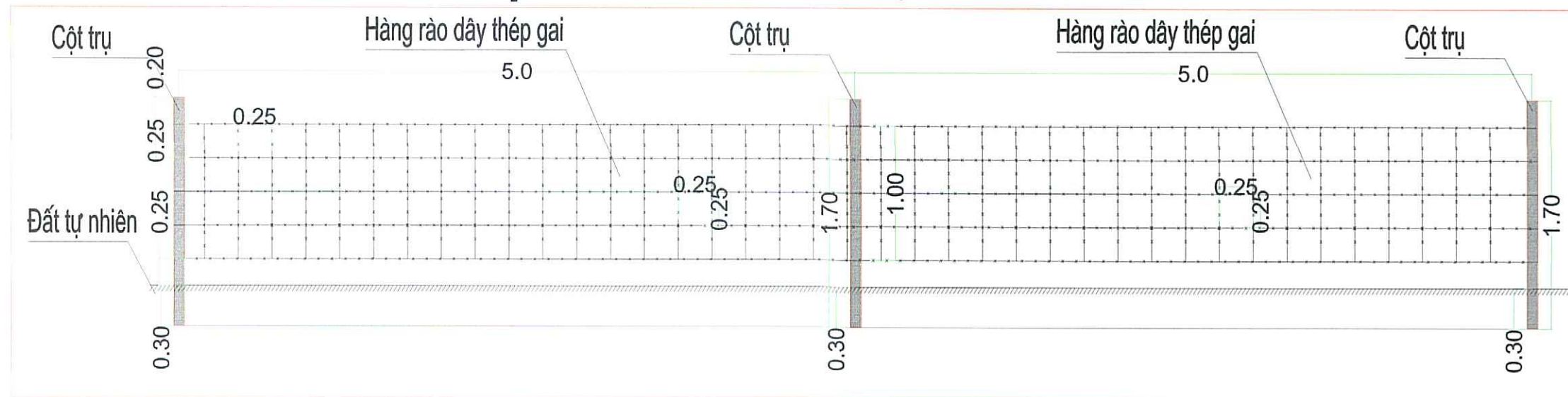
Mương khai thác

DỰ ÁN NÂNG CẤP QUÁT KHAI THÁC MỎ ĐẤT SAN LẤP TẠI MŨI ĐÒI, PHƯỜNG KỲ TRINH, THỊ XÃ KỲ ANH, TỈNH HÀ TĨNH			
BẢN ĐỒ BỐ TRÍ CÁC CÔNG TRÌNH PHỤC HỒI SAU KHAI THÁC			
Tỷ lệ 1:50000	Hệ tọa độ VN 2000 múi chiếu 3 độ	Bản vẽ số: 07	Giám Đốc: Phó Giám Đốc: Kỹ Sư: Thiết Kế:

HÌNH CHIẾU BẰNG TRỒNG CÂY
 Ở KHU PHỤ TRỢ, KHU VỰC KHAI THÁC
 Khoảng cách hố cách hố 2m
 Khoảng cách hàng cách hàng 3m

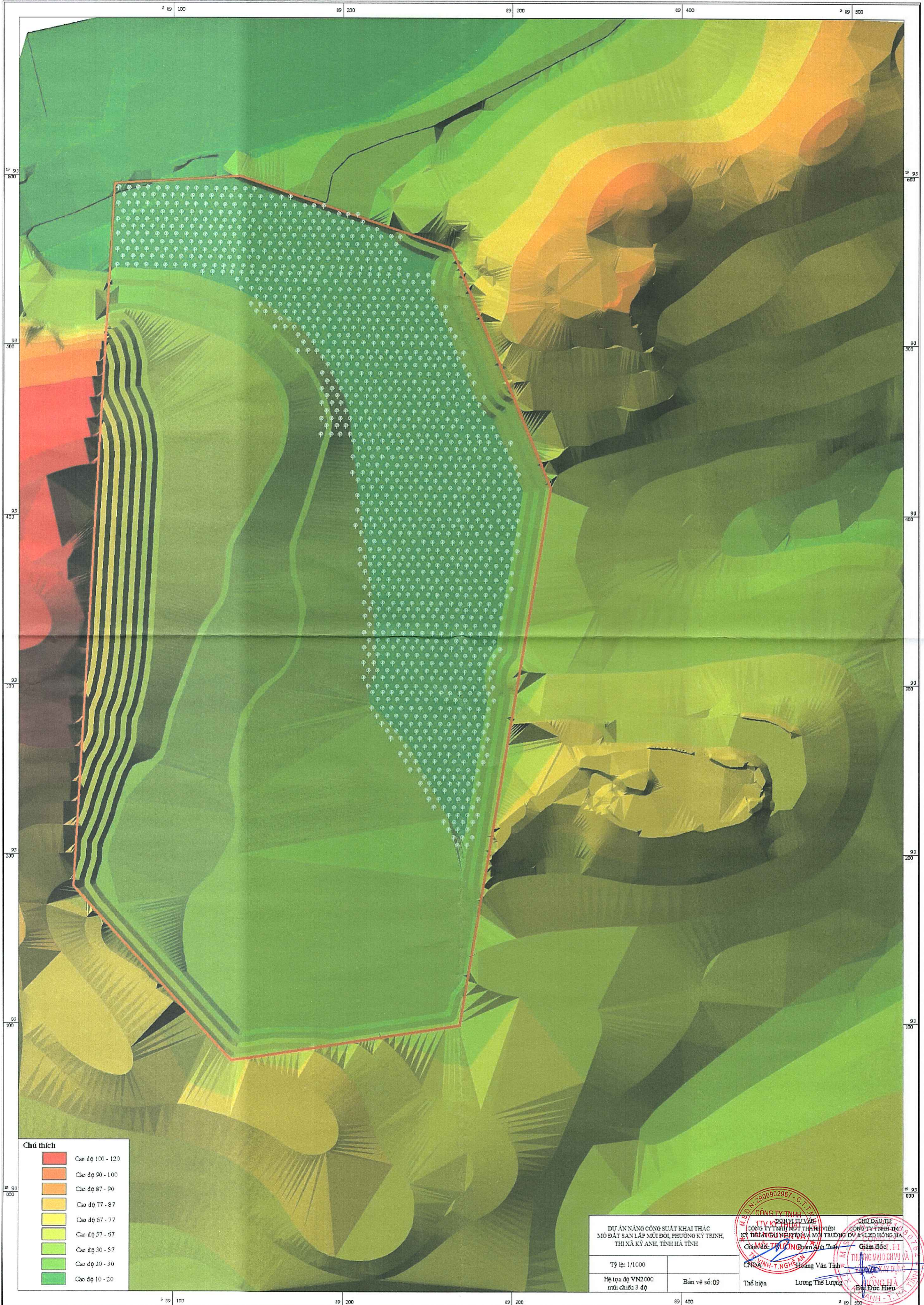


MẶT CẮT NGANG HÀNG RÀO, DÂY THÉP GAI



DỰ ÁN NÂNG CÔNG SUẤT KHAI THÁC MỎ ĐÁT BAN LẤP TẠI MŨI ĐỒI, PHƯỜNG KỶ TRINH, THỊ XÃ KỶ ANH, TỈNH HÀ TĨNH		ĐƠN VỊ THIẾT KẾ CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG		CHỦ ĐẦU TƯ CÔNG TY TNHH THOU & VIXD HỒNG HÀ	
BẢN VẼ CÁC CÔNG TRÌNH PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG		Giám Đốc Kỹ Thuật Phạm Anh Tuấn		Giám Đốc Trần Văn Tuấn	
Đơn vị tính (m)		CNĐC VINH-T. NGHỆ		HỒNG HÀ ANH	
Hệ toạ độ VN 2000 múi chiếu 3 độ	Bản vẽ số: 08	Thổ hiện	Lương Thế Lượng		
				Bùi Đức Hiếu	

BẢN ĐỒ HOÀN THỔ KHÔNG GIAN KHAI THÁC
MỎ ĐẤT SAN LẬP TẠI MŨI ĐỒI, PHƯỜNG KỶ TRINH, THỊ XÃ KỶ ANH, TỈNH HÀ TĨNH



Chú thích

	Cao độ 100 - 120
	Cao độ 90 - 100
	Cao độ 87 - 90
	Cao độ 77 - 87
	Cao độ 57 - 67
	Cao độ 30 - 57
	Cao độ 20 - 30
	Cao độ 10 - 20

DỰ ÁN NÂNG CÔNG SUẤT KHAI THÁC MỎ ĐẤT SAN LẬP MŨI ĐỒI, PHƯỜNG KỶ TRINH, THỊ XÃ KỶ ANH, TỈNH HÀ TĨNH		 Giám đốc: H. BÙI ĐỨC HIẾU
Tỷ lệ: 1/1000 Hệ tọa độ VN2000 múi chiếu 3 độ	Bản vẽ số: 09 Thể hiện: Lương Thế Lương	